

含龍山志附錄

陶莊集

無一行窩吟鈔

翰林院侍講洪○^(*)法名澄梨如如道人著

HÀM LONG SƠN CHÍ PHỤ LỤC

ĐÀO TRANG TẬP

[HAY]

VÔ NHẤT HÀNH OA NGÂM SAO

Hàn Lâm Viện Thị giảng Hồng Vịnh pháp danh Trùng Khế

Như Như đạo nhân trứ

PHẦN PHỤ LỤC

SÁCH HÀM LONG SƠN CHÍ

TẬP THƠ ĐÀO TRANG

HAY

VÔ NHẤT HÀNH OA NGÂM SAO

Hàn Lâm Viện Thị giảng Hồng Vịnh, pháp danh Trùng Khế,

[hiệu] Như Như đạo nhân sáng tác.

Dịch và chú thích: Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí

Phiên âm: Nguyễn Công Trí

* Chữ trong vòng tròn là chữ Vịnh: Gồm chữ 永 Vĩnh + 舟 Chu.

ĐÀO TRANG TẬP

Lời dẫn của người dịch: Trong tập này, sau bài *Cổ đệ Phong quốc công hành trạng*, bỏ trống 1 trang, tiếp đến 3 tờ nhem nhuốc, ghi chép linh tinh chữ mất chữ còn, trang đầu có hai dòng: 桃裝詩集五十歲以前分爲初集凡十卷五十一歲以後爲後集凡二卷續編于誌中曰附錄 *Đào Trang thi tập ngũ thập tuế dĩ tiền phân vi sơ tập phàm thập quyển, ngũ thập nhất tuế dĩ hậu vi hậu tập phàm nhị (?) quyển tục biên vu chí trung viết phụ lục (Đào Trang thi tập, năm mươi tuổi trở về trước chia làm tập đầu gồm 10 quyển, năm mươi một tuổi trở về sau là tập sau gồm 2 (?) quyển* chép tiếp vào trong sách *Hàm Long sơn chí*, gọi là phụ lục). Lại ở một trang sau đó truy bổ mục lục thì ghi số lượng *Đào Trang sơ tập* và *Đào Trang hậu tập* đến 859 bài. Như vậy, phần phụ lục này chỉ là *Đào Trang hậu tập*, gồm thơ Như Như đạo nhân làm từ năm Canh Tý (1900) trở về sau, chép phụ vào sách *Hàm Long sơn chí*.

BÀI SỐ 1⁽¹⁾

庚子元日和福祉閨梨元韻

Canh Tý nguyên nhật họa Phúc Chi⁽²⁾ xà lê⁽³⁾ nguyên vận

井蝸自揣寸無長
何幸曹溪得望洋
此日遍參尊宿後
詢詢勸戒佩良方

Tĩnh oa tự sủy thốn vô trường,

Hà hạnh Tào Khê⁽⁴⁾ đắc vọng dương.

⁽¹⁾ Mỗi bài thơ bát cú luật Đường gọi là một “thủ”; mỗi nhan đề có thể gồm một thủ hay nhiều thủ, chúng tôi đánh số theo thủ chứ không theo nhan đề.

⁽²⁾ Phúc Chi: thường đọc âm Huế là Phước Chỉ, vị sư trụ trì chùa Tường Vân. Thanh Thái Phước Chỉ (1858-1926) thế danh Nguyễn Huân, người làng Đa Nghi (Quảng Trị), sinh ngày mùng 5 tháng Năm năm Mậu Ngọ Tự Đức 11 (15/6/1858), đồng niên nhập đạo lúc 14 tuổi, ở chùa Diệu Đế với sư Diệu Giác (Hải Thuận Lương Duyên, họ Đỗ), rồi được sai lên sơn am học chữ với sư Hải Toàn Linh Cơ, đến ngày mùng 8 tháng Tư năm Nhâm Ngọ, Tự Đức 35 (24/5/1882) thì được thế độ. Sư làm trụ trì chùa Tường Vân. Năm 1894, sư được thầy phó pháp pháp danh Thanh Thái, pháp tự Phước Chỉ. Sau khi thầy viên tịch, sư kế thế trụ trì chùa Tường Vân. Sư viên tịch ngày mùng 5 Tết Tân Dậu (13/1/1921).

⁽³⁾ Xà lê: đầy đủ là a xà lê, phiên âm tiếng Phạn Acārya, Hán dịch là giáo thụ, một trong ba vị sư đứng đầu trong một giới đàn truyền pháp (đường đầu hòa thượng) của Phật giáo, có nhiệm vụ truyền dạy cho đệ tử có đủ tri thức và đức hạnh để tiếp nhận giáo vị.

⁽⁴⁾ Tào Khê: tên một con suối ở Thiều Châu, Trung Quốc, nơi Lục tổ Huệ Năng dựng chùa Nam Hoa để tu hành. Ngài là tổ thứ sáu của Thiền tông độ (Sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma, nhị tổ Huệ Khả, tam tổ Tăng Xán, tứ tổ Đạo Tín, ngũ tổ Hoảng Nhẫn). Ngài đi về phương Nam, mở cảnh chùa ở Tào Khê, hình thành dòng

*Thử nhật biến tham tôn túc⁽¹⁾ hậu,
Tuân tuân khuyến giới bội lương phương.*

Dịch nghĩa:

**Ngày mùng một Tết Canh Tý [1900],
họa nguyên văn thơ ngài A xà lê Phước Chỉ**

Như con ếch trong giếng tự đo mình một tắc chẳng dài,
Làm sao tới Tào Khê được trông thấy biển.
Ngày hôm ấy, sau khi gặp khắp các bậc tôn túc,
Được chỉ dạy đầy đủ những phép tu hành tốt đẹp.

Tạm dịch thơ:

Ếch ngồi đáy giếng nửa gang tay,
May tới Tào Khê thấy biển đây.
Hôm ấy được nhiều tôn túc gặp,
Ân cần chỉ bảo phép tu hay.

BÀI SỐ 2-4

新年樓居試筆三首

Tân niên lâu cư thí bút tam thủ

五十平頭一介僧	<i>Ngũ thập bình đầu nhất cá tăng,</i>
兀然危坐小樓層	<i>Ngột nhiên nguy tọa tiểu lâu tầng.</i>
嚴身潔似南山豹	<i>Nghiêm thân khiết tự Nam sơn báo,</i>
聳思飄如北海鵬	<i>Tủng tứ phiêu như Bắc hải bằng.</i>
倒影蘭苔浮茗碗	<i>Đảo ảnh lan thiêu phù minh uẩn,</i>
搖光榆柳映書牋	<i>Diêu quang du liễu ánh thư đằng.</i>
世間無若翁閒健	<i>Thế gian vô nhược ông nhàn kiện,</i>
盡日窮探到上乘	<i>Tận nhật cùng tham đáo thượng thăng.⁽²⁾</i>

* * *

* * *

thiền Nam tông, trong lúc đồng đạo Thần Tú đi lên phương Bắc, lập ra Bắc tông (thiền Bắc tông chủ trương tiệm ngộ, thiền Nam tông chủ trương đốn ngộ). Lâu về sau, Nam tông lại chia làm hai phái Lâm Tế và Tào Động.

⁽¹⁾ Tôn túc: những bậc tu hành đạo cao đức trọng.

⁽²⁾ Thượng thăng: đọc đúng là thượng thừa, nhưng phiên âm phải đọc thượng thăng để hiệp vần (chữ này có ba âm: thừa, thăng, thặng). Phép tu thuộc bậc cao nhất trong ba bậc (tam thừa), cũng gọi là tam xa (ba xe): tiểu thừa, trung thừa và đại thừa. Tiểu thừa là cái xe nhỏ, chỉ chở được một người, như tu chỉ để độ cho chính mình thôi. Trung thừa là cái xe vừa, chở được vài người, như tu để độ cho mình và thêm một ít người khác. Đại thừa là cái xe lớn chở được vô số, như tu để độ cho tất cả chúng sinh.

絕愛江山似會稽
吟樓高與御屏齊
白雲拂檻花梢近
綠竹侵檐鳥道低
淨室清談懷小阮
明窗妙畫憶迂倪
謫仙雅有參軍逸
詩句飄然日品題

* * *

炘烟飛過綠楊陰
山果堆盤薦爛金
冷炬數枝擎檠蠟
暗香半穗裊檀沉
朱朱祝祝喧棲桀
策策堂堂物躍淙
一捻數珠終日坐
暮天著水見橫參

Tuyệt ái giang sơn tự Cối Kê,⁽¹⁾
Ngâm lâu cao dữ Ngự Bình tề.
Bạch vân phát hạm hoa sao cận,
Lục trúc xâm thiềm điểu đạo đề.
Tĩnh thất thanh đàm hoài Tiểu Nguyễn,⁽²⁾
Minh song diêu họa ức Vu Nghê.⁽³⁾
Trích Tiên⁽⁴⁾ nhã hữu Tham Quân⁽⁵⁾ dật,
Thi cú phiêu nhiên nhật phẩm đề.

* * *

Hân yên phi quá lục dương âm,
Sơn quả đôi bàn tiến lạn cầm.
Lãnh cự sở chi kinh hoa lập,
Ám hương bán huệ niều đàn trầm.
Chu chu chúc chúc huyền thê kiệt,
Sách sách đường đường nhận dược sâm.
Nhất năm sở châu chung nhật tọa,
Mộ thiên trí thủy kiến hoành sâm.

- (1) Cối Kê: tên một vùng có nhiều danh lam thắng tích cổ, nơi đặt kinh đô nước Việt thời Xuân thu - Chiến quốc, nay ở gần cửa sông Trường Giang, thuộc tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.
- (2) Tiểu Nguyễn: Chỉ Nguyễn Hàm. Trong Trúc Lâm thất hiền, hai chú cháu Nguyễn Tịch và Nguyễn Hàm nổi danh ngang nhau. Người đời gọi chú là Đại Nguyễn, cháu là Tiểu Nguyễn. Cũng có thể chỉ Nguyễn Thuật (1842-1911) hiệu Hà Đình, người xã Hà Lam, huyện Lễ Dương, tỉnh Quảng Nam (nay thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam); đỗ phó bảng khoa Mậu Thìn, Tự Đức 21 (1868); làm quan dần đến hàm Thái tử thiếu bảo, Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh Binh Bộ Thượng thư sung Kinh Diên giảng quan, tước An Trường tử; giữ chức Quốc Sử Quán phó tổng tài, tham gia biên soạn sách *Đại Nam thực lục chính biên đệ tứ kỷ* và *đệ ngũ kỷ*. Dưới triều Duy Tân, ông về hưu và mất năm 1911 tại quê nhà. Bài văn bia chùa Linh Quang ở Huế do ông viết ít lâu sau khi trí sĩ, vào năm 1902. Tác phẩm của ông còn có *Hà Đình ứng chế thi sao*, *Hà Đình văn sao*, *Hà Đình văn tập*, *Mỗi hoài ngâm thảo*.
- (3) Vu Nghê: chưa rõ là ai.
- (4) Trích Tiên: biệt hiệu của nhà thơ Lý Bạch (701-762) thời Đường. Ông “say thơ” cũng như “say rượu”, mà luôn luôn phóng túng; lần đầu tiên vào cung yết kiến Đường Minh Hoàng, vua thấy ông bước đi nhẹ nhàng, phơi phới, bất giác vua quên mình là thiên tử, bước xuống ngai vàng giơ tay đón. Từ đó, người ta gọi ông là Trích Tiên (vị tiên ở thượng giới bị đày xuống cõi trần).
- (5) Tham Quân: 1. Túc Vương Hy Chi, người đất Cối Kê thời Tấn, làm đến chức Hữu quân tướng quân, là một nhà thư pháp nổi tiếng với bài tựa *Lan Đình hội tập* (tập thơ chung của nhiều danh sĩ họp nhau tại Lan Đình). 2. Tạ An (325-385), hiệu An Thạch, người đất Dương Hạ, thời nhà Tấn, ở ẩn và ngao du trong vùng Cối Kê, được mời làm tham mưu đánh giặc Bồ Kiên, vừa ngồi đánh cờ vừa điều binh khiển tướng mà phá tan quân địch.

Dịch nghĩa:

Ở trên lầu, năm mới thử bút (ba bài)

Chỉ là một ông sư đầu trọc năm mươi tuổi,
Ngồi ngất ngưỡng trên tầng lầu nhỏ nhoi.
Thân thể nghiêm chỉnh trong sạch như con báo ở núi Nam,
Ý nghĩ chót vót tung bay như con chim bằng ở biển Bắc.
Bóng bông lan dọi ngược trong chén trà,
Cây dương liễu hắt ánh sáng lung lay vào những chồng sách.
Trong đời không gì bằng một ông già khỏe an nhàn,
Suốt ngày xem ngắm đến nơi đến chốn đạo thượng thừa.

* * *

Hết lòng yêu mến núi sông như cảnh ở Cối Kê,
Lầu thơ cao ngang với núi Ngự Bình.
Mây trắng phảng phất ngoài cửa, cảnh hoa gần gũi,
Tre biếc che phủ bên thềm, đường chim bay phía dưới.
Trong nhà tu bàn chuyện hão, nhớ ông Tiểu Nguyễn,
Bên cửa sổ sáng, vẽ bức tranh đẹp, nhớ đến Vu Nghê.
Vị Trích Tiên thanh nhã có cái vẻ cao hứng của Tham Quân,
Ngày ngày viết những câu thơ tự nhiên siêu thoát.

* * *

Khói nóng hùng hực bay qua bóng râm dương liễu xanh,
Mâm sập đầy trái trên núi dâng lên với vàng sáng chói.
Vài cây nền lạnh lẽo chập chờn ngọn lửa trên đầu,
Những cây hương cháy dở hắt hiu trên đàn lặng lẽ.
Tiếng đóng cọc gỗ chan chất ồn ào,
Tiếng tát nước ào ào vang động.
Suốt ngày ngồi lẫn trảng hạt,
Đến chiều tối nước dâng thấy chiếc đò ngang.

Tạm dịch thơ:

Một sư đầu trọc tuổi năm mươi,
Tầng nhỏ lầu cao ngất ngưỡng ngồi.
Tựa báo non Nam thân sạch sẽ,

Như bằng biển Bắc ý khơi vơi.
 Chén trà soi bóng lan tươi thắm,
 Chồng sách in hình liễu rạng ngời.
 Một lão thanh nhàn ai sánh kịp,
 Thượng thừa tu học suốt ngày trời.

* * *

Sông núi thân yêu tự Cối Kê,
 Lầu thơ ca sánh Ngự Bình kê.
 Cảnh hoa bên cửa mây dăng mắc,
 Chim liệng dưới thềm trúc phủ che.
 Chuyện văn phòng thiền mơ Tiểu Nguyễn,
 Vẽ tranh cửa kính nhớ Vu Nghê.
 Trích Tiên nhả có Tham Quân dật,
 Suốt buổi thơ ca mặc phẩm đề.

* * *

Bóng dương im mát khói mênh mang,
 Hoa quả đầy mâm kính lễ vàng.
 Đèn sáp mấy cây làn sáng hắt,
 Nén nhang nửa bó khói vờn ngang.
 Gân xa đóng cọc rìu chan chát,
 Đâu đó be bờ nước rộn ràng.
 Tràng hạt ngồi lần mai đến tối,
 Trời chiều nước đổ thấy đò sang.

BÀI SỐ 5

誌喜

Chí hỷ

參差人事若鉤繩
 好語朝來報我應
 土木經營應自悔
 田園涉趣遂吾仍
 試茶泉冽空清頰
 攤飯花香滿襯肱

*Sâm si nhân sự nhược câu thăng,
 Hảo ngữ triều lai báo ngã ưng.
 Thổ mộc kinh doanh ưng tự hối,
 Điền viên thiệp thú toại ngô nhưng.
 Thí trà tuyền liệt không thanh giáp,
 Than phạn hoa hương mãn sấn quăng.*

小小臺池無恙在
東鄰削屢任憑憑

*Tiểu tiểu đài trì vô dạng tại,
Đông lân tước lữ nhậm bằng bằng.*

Dịch nghĩa:

Ghi lại niềm mừng vui

Việc người đời giống như sợi dây câu ràng buộc,
Tin tốt buổi sáng sớm đưa lại báo ta việc ưng ý.
Chạy vạy về nhà cửa khiến ta phải ăn năn,
Vui thú về ruộng vườn khiến cho ta thỏa lòng.
Thử uống trà pha nước suối trong miệng sạch không,
Cứ ăn chay mùi hoa thơm lan khắp mình mây.
Những đài ao nhỏ nhất không còn tồn tại hình dáng nữa,
Gạt bỏ hết chuyện hàng xóm cứ mặc kệ họ.

Tạm dịch thơ:

Việc đời rồi rắm buộc ràng nhau,
Lời đẹp tin hay sớm đến mau.
Nhà cửa lo toan thêm hối hận,
Ruộng vườn vui thú khỏi lo âu.
Trà pha nước suối mồm thơm ngát,
Cơm với cây rau thể sạch lâu.
Nhỏ nhất đài ao không bóng dáng,
Xóm đông bỏ hết chuyện không đâu.

BÀI SỐ 6-7

春日感憶二首

Xuân nhật cảm ức nhị thủ

池塘水碧湛流溫
一道浮萍鶴踏翻
駭鵲護花鈴索動
馴魚洗硯墨波噴
樓中烟霧衣常惹
屋角星辰手可捫
萬里臣心天以北
孤忠夜夜拜三垣

*Trì đường thủy bích trạm lưu ôn,
Nhất đạo phù bình hạc đạp phiên.
Hải thước hộ hoa linh tác động,
Thuần ngư tẩy nguyễn mặc ba phun.
Lâu trung yên vụ y thường nhạ,
Ốc giác tinh thần thủ khả môn.
Vạn lý thần tâm thiên dĩ bắc,
Cô trung dạ dạ bái Tam Viên.*

* * *

* * *

太平粉飭恥危冠	<i>Thái bình phẩn sức sỉ nguy quan,</i>
課罷臨池試月團	<i>Khóa bãi lâm trì thí nguyệt đoàn.</i>
狼藉年花驚曰艾	<i>Lang tạ niên hoa kinh nhật nghệ,</i>
龍鍾晚節苦伊蘭	<i>Long chung vãn tiết khổ y lan.</i>
閑庭且喜荊還紫	<i>Nhàn đình thả hỷ kinh hoàn tử,</i>
幽壑長拚桂正丹	<i>U hác trường phan quế chính đan.</i>
忽報天津烽火動	<i>Hốt báo thiên tân phong hỏa động,</i>
錦帆千里憶蕭灘	<i>Cầm phàm thiên lý ức tiêu than.</i>

Dịch nghĩa:

Cảm nhớ ngày xuân (hai bài)

Nước ao xanh biếc trong veo chảy êm đềm,
 Một dải bèo nổi, chim hạc xéo lên làm xáo trộn cả.
 Chim thước rụt rè che chở cho hoa, dây chuông rung;
 Cá hiền hòa rửa nghiêng, song mực phun.
 Trong lầu, sương khói thấm vào áo quần;
 Bên góc nhà, tay có thể với sờ được sao.
 Lòng kẻ bẽ tôi hướng về bắc muôn dặm xa,
 Tắm cô trung đêm đêm lạy chón Tam Viên.

* * *

Thời thái bình, bơi phẩn trang sức, thẹn đội mũ cao;
 Học xong ra ngoài ao thử ngắm vàng trắng tròn.
 Năm tháng tươi đẹp tàn tạ dần, sợ ngày qua nhanh;
 Thời tiết muộn màng xơ xác, gầy guộc thân lan.
 Ngoài sân an nhàn, hãy vui vì cây kinh tía trở lại;
 Ở nơi thanh vắng, chăm sóc mãi cây quế đang đỏ thắm.
 Chợt nghe tin báo ngoài phương trời khói lửa rộn ràng,
 Buồm gấm ngoài muôn dặm nhớ ghềnh thác quạnh hiu.

Tạm dịch thơ:

Xanh ròn làn nước chảy trong ao.
 Hạc đập bèo trôi mở lối sao.
 Thước sợ giữ hoa chuông động nhẹ,
 Cá thuận rửa nghiêng mực phun trào.

Áo quần trên gác dầm hơi mốc,
 Bàn ghế góc nhà loáng ánh sao.
 Muôn dặm lòng tôi trông cõi Bắc,
 Tấm trung lạy gởi đến nơi nao.

* * *

Sống yên then đội mũ hoàng tôn,
 Xếp sách ra ao với nguyệt tròn.
 Héo hắt tuổi hoa ngày tháng mất,
 Xác xơ tiết muộn nụ lan buồn.
 Sân nhàn vui được cây kinh tía,
 Chôn vắng chăm cho gốc quế son.
 Chợt báo cõi ngoài tin khói lửa,
 Ngàn trùng buồm gấm nhớ ghềnh non.

BÀI SỐ 8-15

仙城八景

Tiên Thành bát cảnh

1. 珠江夜月

四望江樓瀉鬱陶
 一身輕似順風毛
 光搖蟾窟開銀界
 色映龍宮湧雪濤
 石壁北臨羊驛近
 炮臺西峙虎門高
 海幢寺裡尋名勝
 佳句飄然憶我曹

Châu Giang dạ nguyệt

Tứ vọng giang lâu tả uất đào,
 Nhất thân khinh tựa thuận phong mao.
 Quang diêu thiềm quật khai ngân giới,
 Sắc ánh long cung dũng tuyết đào.
 Thạch bích bắc lâm Dương dịch cận,
 Pháo đài tây trĩ Hổ môn cao.
 Hải Tràng tự lý tầm danh thắng,
 Giai cú phiêu nhiên ức ngã tào.

Dịch nghĩa:

Tám cảnh ở Tiên Thành⁽¹⁾

1. Đêm trăng trên Châu Giang

Trông bốn phía lâu trên sông nước đỏ mênh mông,
 Một thân nhẹ nhàng như chiếc lông bay theo chiều gió.

⁽¹⁾ Tiên Thành: chúng tôi không biết Tiên Thành là ở đâu, cho nên tất cả các tên riêng trong bài này cũng không chú giải được. Độc giả ai biết xin chỉ giáo cho, rất cảm ơn.

Ánh sáng rung rinh thêm hang mở ra cõi bạc,
Màu sắc chiếu dọi cung rồng vọt lên sóng tuyết.
Vách đá hướng về bắc gần trạm Dương,
Đài súng vươn lên phía tây cao ngang cửa Hồ.
Vào trong chùa Hải Tràng tìm thăm danh thắng,
Câu thơ đẹp phơi phơi nhớ đến bạn bè ta.

Tạm dịch thơ:

Bốn phía lầu sông nước dạt dào,
Thân như xuôi gió nhẹ hồng mao.
Sáng ngời cửa hốc dòng ngân hiện,
Màu nhuộm cung rồng sóng tuyết trào.
Thạch Bích bắc ra Dương dịch cận,
Pháo Đài tây ngất Hồ môn cao.
Tìm vào Hải tự thăm danh thắng,
Phơi phơi thơ hay nhớ bạn sao.

2. 大通烟雨

Đại Thông yên vũ

莊嚴寶刹憶劉蕭	<i>Trang nghiêm bửu sát ức Lưu Tiêu,</i>
港口天開接惠潮	<i>Cảng khẩu thiên khai tiếp huệ triều.</i>
龍井朝霞帆影落	<i>Long Tỉnh triều hà phàm ảnh lạc,</i>
鵝潭秋樹竅風驕	<i>Nga Đàm thu thụ khiêu phong kiêu.</i>
僧歸野寺雲雙屐	<i>Tăng quy dã tự vân song kỷ,</i>
人喚漁舟兩一簫	<i>Nhân hoán ngư chu lưỡng nhất tiêu.</i>
折葦渡江懷古意	<i>Chiết vĩ độ giang hoài cổ ý,</i>
茫茫煙水隔南韶	<i>Mang mang yên thủy cách nam thiêu.</i>

Dịch nghĩa:

2. Khói và mưa ở Đại Thông

Ở ngôi chùa cổ trang nghiêm, nhớ đến chàng Lưu Tiêu;
Trời mở đào cửa cảng tiếp liền với nước triều ơn nghĩa.
Mây ráng sáng sớm nơi Long Tỉnh dọi xuống bóng cánh buồm,
Cây mùa thu ở Nga Đàm gió lồng lộng thổi.
Nhà sư đi về chùa quê với đôi dép mây,
Người ta gọi thuyền chài bằng một hai tiếng sáo.

Nhớ ý xưa bẻ cây lau làm bè qua sông,
Khói nước mênh mang xa cách bờ nam.

Tạm dịch thơ:

Trang nghiêm chùa cổ nhớ Lưu Tiêu,
Cửa cảng trời xây tiếp huệ triều.
Long Tĩnh cánh buồm in ráng sớm,
Nga Đàm ngọn gió lộng cây chiều.
Sư về chùa nội mây nương guốc,
Người gọi ghe chài tiếng thổi tiêu.
Bẻ lách sang sông là ý cổ,
Mênh mang khói nước cách nam thiều.

3. 白雲晚望

夕陽滿壑未歸僧
得得行人興可乘
蘇尉菴前舒眺望
鄭仙臺上憶飛昇
至今井水甜於蜜
終古岩雲蔚若蒸
景泰當年留勝跡
山頭卓錫寄吾曾

Bạch vân vãn vọng

Tịch dương mãn hác vị quy tăng,
Đắc đắc hành nhân hứng khả thăng.
Tô Úy am tiền thư thiếu vọng,
Trịnh Tiên đài thượng ức phi thăng.
Chí kim tỉnh thủy diễm ư mật,
Chung cổ nham vân úy nhược chưng.
Cảnh thái đương niên lưu thắng tích,
Sơn đầu trác tích ký ngô tăng.

Dịch nghĩa:

3. Buổi chiều trông mây trắng

Bóng chiều đã lan đầy hóc mà nhà sư chưa về,
Người đi đường ai cũng tràn trề cảm hứng.
Trước am của Tô Úy đưa mắt trông xa,
Trên đài của Trịnh Tiên nhớ thừa bay lên trời.
Đến nay nước giếng còn ngọt hơn mật,
Suốt từ xưa mây núi ùn ùn như cỏ chưng.
Cảnh trí đẹp dễ năm ấy còn để lại thắng tích,
Đầu núi còn ghi nơi cắm gậy gởi thân ta.

Tạm dịch thơ:

Bóng chiều đầy hốc thầy chưa lại,
 Nồng nã người đi hứng đầy tràn.
 Trên gác Trịnh Tiên mơ cõi bụi,
 Trước am Tô Úy ngắm xa ngàn.
 Đến nay nước giếng càng thêm ngọt,
 Từ cổ mây non vẫn chứa tan.
 Cảnh đẹp năm nao lưu thắng tích,
 Đầu non cấm gậy gởi thân tàn.

4. 蒲澗簾泉

Bồ giản Liêm Tuyên

九曲溪流燕尾交	Cửu khúc Khê lưu yển vĩ giao,
林門雲影遠僧敲	Lâm môn vân ảnh viễn tăng xao.
鴨池風雨鳴晴晝	Áp Trì phong vũ minh tình trú,
龍洞江河倒絕梢	Long Động giang hà đảo tuyệt sao.
匹練千尋懸石竇	Thất luyện thiên tầm huyền thạch lậu,
明珠萬斛落山凹	Minh châu vạn hộc lạc sơn ao.
菖蒲澗裡簾泉寺	Xương Bồ giản lý Liêm Tuyên tự,
一任詩人日美嘲	Nhất nhậm thi nhân nhật mỹ trào.

Dịch nghĩa:

4. Chùa Liêm Tuyên ở khe Xương Bồ

Khe chảy chín khúc như đuôi én giao nhau,
 Ông sư nơi xa đến dưới bóng mây gõ cửa [chùa] trong rừng.
 Gió mưa trên Áp Trì kêu ngày tạnh ráo,
 Sông ngòi ở Long Động hắt ngược bóng ngọn cây.
 Một tấm lụa dài nghìn tầm cống đá bắc ngang,
 Muôn hộc châu sáng rơi xuống vùng núi trũng.
 Chùa Liêm Tuyên trong vùng khe Xương Bồ,
 Mặc cho nhà thơ ngày ngày vui với cảnh đẹp.

Tạm dịch thơ:

Chín khúc khe quanh đuôi én giao,
 Dưới mây sư gõ cửa rừng vào.
 Gió mưa ao vệt kêu ngày tạnh,
 Sông ngòi hắt ngược bóng ngọn cây.

Sông nước hang rồng dội ngọn cao.
 Dải lụa nghìn tầm treo cổng đá,
 Hạt châu muôn học rải non ao.
 Xương Bồ bên suối Liêm Tuyên tự,
 Cảnh đẹp ngày ngày thi khách chào.

5. 景泰僧歸

Cảnh Thái tăng quy

池館玲瓏石作屏	<i>Trì quán linh lung thạch tác bình,</i>
騷人墨客品題經	<i>Tao nhân mặc khách phẩm đề kinh.</i>
溪山行李拼雙屐	<i>Khê sơn hành lý phan song kỹ,</i>
烟月生涯足一瓶	<i>Yên nguyệt sinh nhai túc nhất bình.</i>
古樹半空盤涌水	<i>Cổ thụ bán không bàn dũng thủy,</i>
浮雲忽地護摩星	<i>Phù vân hốt địa hộ ma tinh.</i>
深懷客院梁居士	<i>Thâm hoài khách viện Lương cư sĩ,</i>
落落書聲裊枕聽	<i>Lạc lạc thư thanh niểu chẩm thính.</i>

Dịch nghĩa:

5. Sư về Cảnh Thái

Quán bên ao sáng long lanh, đá dựng làm bình phong;
 Các nhà thơ nhà văn xưa nay đã đề vịnh.
 Đi lại trong khoảng núi khe mòn cả đôi dép (guốc),
 Kiếm sống giữa chốn khói trắng một bình bát đã đủ.
 Cây cổ thụ cao ngang lưng trời, ngăn dòng nước trào,
 Mây nổi trùm mặt đất che sát sao.
 Thiết tha nhớ đến Lương cư sĩ nơi viện khách,
 Tiếng đọc sách văng vẳng nghe bên gối.

Tạm dịch thơ:

Ao quán long lanh đá trấn phong,
 Nhà thơ đề vịnh trải bao đông.
 Núi khe đi lại đôi giày cỏ,
 Trắng khói no nê một bát đồng.
 Cây cổ lưng trời ngăn nước đổ,
 Mây trùm mặt đất chạm sao không.
 Nhớ nhung viện khách Lương cư sĩ,
 Văng vẳng lời thơ quyện gối chồng.

6. 石門返炤

見說西花大寶坊
市墟樓閣海中央
澗深石峭兩山夾
猛浪狂風千里長
此地勵清曾酌水
何人歸任剩沉香
寥寥萬古英靈在
一片孤帆下夕陽

Thạch môn phản chiếu

*Kiến thuyết Tây Hoa Đại Bảo phường,
Thị khu lâu các hải trung ương.
Giản thâm thạch tiểu lương sơn giáp,
Mãnh lãng cuồng phong thiên lý trường.
Thử địa lệ thanh tăng chúc thủy,
Hà nhân quy nhậm thặng trầm hương.
Liêu liêu vạn cổ anh linh tại,
Nhất phiến cô phàm hạ tịch dương.*

Dịch nghĩa:

6. Ánh nắng dội ngược cửa đá

Nghe nói ở phường Tây Hoa Đại Bảo,
Lầu gác chợ còn nằm giữa biển khơi.
Khe sâu đá dựng hai bên hẻm núi,
Sóng mạnh gió cuồng dài nghìn dặm.
Chốn này mát mẻ [tôi] đã từng uống nước,
Ai đã về trần nhậm để lại hương thơm.
Hồn thiêng muôn thuở vẫn còn phảng phất,
Một cánh buồm đơn chiếc dưới nắng chiều.

Tạm dịch thơ:

Nghe nói Tây Hoa Đại Bảo phường,
Chợ còn lầu gác biển trung ương.
Khe sâu đá dựng hai bên núi,
Sóng dữ gió tuôn mấy dặm trường.
Chốn ấy mát lành trong sạch nước,
Ai đâu đến nhậm ngát thơm hương.
Hồn thiêng muôn thuở còn quanh quất,
Một chiếc buồm đơn nắng xế vương.

7.

金山古寺

此去仙城一葦間
老僧行脚莫須慳
麻○有感詩人夢
松檜無知倦客攀

積翠樓前花冉冉
飛雲潭上水潺潺
吾南從此添佳話
不數奚囊載雲還

Kim Sơn cổ tự

*Thử khứ Tiên Thành nhất vĩ gian,
Lão tăng hành cước⁽¹⁾ mặc tu khan.
Ma tư⁽²⁾ hữu cảm thi nhân mộng,
Tùng cối vô tri quỵện khách phan.
Tích thủy lâu tiền hoa nhiễm nhiễm,
Phi vân đàm thượng thủy sần sần.
Ngô Nam tông thử thêm giai thoại,
Bất số hề nang tải vân hoàn.*

Dịch nghĩa:

7. Ngôi chùa cổ Kim Sơn

Lần này đến Tiên Thành trong một chiếc thuyền con,
Vị sư già hành cước xin đừng hẹp hòi [keo kiệt, hà tiện].
Ma tư có cảm xúc, nhà thơ mơ mộng;
Tùng cối chẳng biết gì, khách mệt mỗi vịn vào.
Màu xanh biếc um tùm trước lầu, hoa lốm đốm;
Mây bay trên đầm, nước chảy róc rách.
Nước Nam ta từ đó thêm bao chuyện hay,
Trong túi đựng không biết bao nhiêu mây đem về.

Tạm dịch thơ:

Lần nữa Tiên Thành thuyền nhỏ ghé,
Sư già hành cước chớ khiêm nhường.
Ma tư có cảm nhà thơ mộng,
Tùng cối không hay khách mỗi nương.

⁽¹⁾ Hành cước: Theo *Từ điển Phật học Hán Việt*, là đi bộ, chỉ việc thiền tăng tu hành theo lối đi thiền hành đây đó. Tổ Định sự uyển, q. 8: “Hành cước là rời bỏ quê quán, chân đi khắp thiên hạ, thoát bỏ tình lụy, tìm kiếm thầy bạn cầu pháp chứng ngộ. Cho nên việc học của họ không theo một ông thầy cố định, chỉ chú trọng vào việc đi khắp đây đó” (TĐP HHV, tr. 476). Đây là lối tu hành của các nhà sư thuộc phái Tiểu thừa (Hina-yana), chứng quả Bích Chi Phật.

⁽²⁾ Chữ này cấu tạo gồm bộ Mễ + chữ Tư (米 + 茲), chúng tôi đoán âm “Tư” (theo phép hình thanh), nhưng không rõ nghĩa là gì (tra từ điển không thấy). Chúng tôi dùng một số tự điển và từ điển, nhưng chủ yếu là các bộ: 1. Văn thân triều Thanh, *Khang Hy tự điển*, Thương Vụ ấn thư quán, Trung Hoa Dân quốc nhị thập tứ / lục niên [1934-1936]; 2. Nguyễn Quốc Hùng, *Hán Việt từ điển*, Khai Trí, Sài Gòn, 1975; 3. Vĩnh Cao, Nguyễn Phổ (2001), *Từ lâm Hán Việt từ điển*, Thuận Hóa, Huế; 4. Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Phân viện Nghiên cứu Phật học (2004), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, (chúng tôi sẽ ghi tắt: TĐP HHV).

Mây bủa trên đầm lầy nước đỏ,
Lá xanh trước gác đám hoa vương.
Nước Nam từ đó thêm giai thoại,
Trong túi đồn mây lại trở đường.

8. 波羅浴日

Ba la dục nhật

海上重重古庙峨	<i>Hải thượng trùng trùng cổ miếu nga,</i>
遠方遺種貢波羅	<i>Viễn phương di chủng cống ba la.⁽¹⁾</i>
司空立化英靈在	<i>Tư không lập hóa anh linh tại,</i>
佑客虔誠科擲過	<i>Hựu khách kiên thành khoa tẩu qua.</i>
浴日亭前金鏡爛	<i>Dục nhật đình tiền kim kính lạn,</i>
望江樓外火珠磨	<i>Vọng giang lâu ngoại hỏa châu ma.</i>
九流祀典欽加錫	<i>Cửu lưu⁽²⁾ tự điển khâm gia tích,</i>
御筆豐碑盥手摩	<i>Ngự bút phong bi quán thủ ma.</i>

Dịch nghĩa:

8. Ngày tắm cây ba la

Ngoài biển khơi lớp lớp, ngôi miếu cổ nguy nga;
Người phương xa đem giống cống vào cây ba la.
Quan Tư không vừa qua đời, hồn thiêng vẫn còn;
Khách giúp đỡ rất chân thành phần chần đi qua.
Tắm nắng trước đình, tắm gương vàng sáng chói;
Trông dòng sông ngoài lầu, những viên ngọc lửa mài.
Chín phái vâng theo phép thờ do vua ban,
Rửa tay khắc lên bia bài văn ngự chế.

Tạm dịch thơ:

Giữa biển trùng nguy nga miếu cổ,
Giống này cống bởi khách phương xa.

(1) Ba la: một loài cây lạ, do phương xa hay nước khác đem cống. Sách *Tông môn tập lục* có đoạn: “Phạm vương đến núi Linh Sơn dâng Phật một cành hoa Ba la vàng rồi xả thân làm sàng tọa, thỉnh Phật vì chúng sinh thuyết pháp. Đức Thế Tôn đăng tọa, giơ cành hoa cho đại chúng xem. Nhân thiên trăm vạn không ai hiểu gì, chỉ có một đầu đà nước da vàng óng rạng rỡ mỉm cười. Đức Thế Tôn bèn nói: Ta có chính pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, trao lại cho Ma-ha Ca-diếp...” (TĐPHHV, tr. 931). Đó là nguồn gốc của Thiền tông.

(2) Cửu lưu: chín hệ phái tư tưởng cổ ở Trung Quốc, gồm: Nho gia, Đạo gia, Âm Dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung Hoành gia, Tạp gia, Nông gia.

Tư không thân hóa, anh linh tại,
 Hựu khách lòng thành, phần chần qua.
 Tắm nắng trước đình gương sáng chói,
 Ngắm sông ngoài gác lửa châu lò.
 Phép thờ chín phái vâng vua sắc,
 Ngự bút lau tay kính khắc ra.

BÀI SỐ 16-18

初夏三首

Sơ hạ tam thủ

燕忙鶯老柳如絲
 陌上薰風拂面吹
 薄祭共誰朝苻麥
 清齋聊爾日烹葵
 也能世上降龍虎
 箇是僧中仰象獅
 高舉何人雲路去
 獨嫌豚犬景昇兒

* * *

清和天氣好臨池
 小扇輕衫事事宜
 紅日漸高初罷課
 綠陰新長可安棋
 故園春去鶯啼樹
 野徑香消蝶戀枝
 長敞小樓留客話
 禪機不似世機危

* * *

江城泊暮起鳴刁
 習習薰風屈秀萼
 競渡何人飛畫鷁
 行觴無○⁽¹⁾貫金貂

Yến mang oanh lão liễu như ty,
 Mạch thượng huân phong phất diện xuy.
 Bạc tế cộng thù triều tiến mạch,
 Thanh trai liêu nhĩ nhật phanh quỳ.
 Dĩ năng thế thượng hàng long hổ,
 Cá thị tăng trung ngưỡng tượng sư.
 Cao cử hà nhân vân lộ khứ,
 Độc hiềm đồn khuyển cảnh thăng nhi.

* * *

Thanh hòa thiên khí hảo lâm trì,
 Tiểu phiến khinh sam sự sự nghi.
 Hồng nhật tiệm cao sơ bãi khóa,
 Lục âm tân trưởng khả an kỳ.
 Cố viên xuân khứ oanh đề thụ,
 Dĩ kính hương tiêu điệp luyến chi.
 Trường xướng tiểu lâu lưu khách thoại,
 Thiền cơ bất tự thế cơ nguy.

* * *

Giang thành bạc mộ khởi minh điêu,
 Tập tập huân phong giới tú yêu.
 Cạnh độ hà nhân phi họa nghịch,
 Hành thương vô độ thế kim điêu.

⁽¹⁾ Chữ trong vòng tròn là chữ ĐỘ. Gồm bộ 氵 (thủy) + 度 (độ).

千秋筆爲留芳著	<i>Thiên thu bút vị lưu phương trứ,</i>
半夜灯緣紀夢挑	<i>Bán dạ đăng duyên kỷ mộng thiêu.</i>
兀兀坐禪枯樹下	<i>Ngột ngột tọa thiền khô thụ hạ,</i>
凝神若樞學承蜩	<i>Ngưng thần như học thừa điều.</i>

Dịch nghĩa:

Đầu mùa hè (ba bài)

Én rộn ràng, oanh già nua, liễu nẩy [lá non như] tơ;
 Trên đường gió mát thổi vào mặt.
 Lễ tế đơn sơ cùng ai dâng lúa mạch,
 Dùng chay thanh khiết với bạn ngày ngày nấu trà quỳ.
 Trên đời cũng có khả năng bắt rồng cộp phải chịu phục,
 Ấy là một trong số các nhà tu hành kính ngưỡng voi và sư tử.
 Người nào đỗ đạt cao đi theo đường mây,
 Chỉ hiềm nổi là trẻ con lớn lên từ chỗ chó lợn.

* * *

Khí trời mát mẻ điều hòa, ra ao thì tốt;
 Cái quạt nhỏ, cái áo nhẹ, mọi việc đều thích hợp.
 Mặt trời lên cao dần, buổi học đã tan;
 Bóng lá xanh mới lớn có thể yên lòng chơi cờ.
 Vườn cũ xuân qua rồi, oanh hót trên cây;
 Lối quê mùi thơm đã vãn mà bướm còn lưu luyến cành.
 Lầu nhỏ thoáng đãng cầm giữ mãi khách cùng chuyện trò,
 Cơ thiên không nham hiểm như sự đời.

* * *

Trời về chiều, thành bên sông vang lên tiếng keng;
 Gió mát phàn phật thổi đến hàng cỏ “yêu” tươi tốt.
 Người nào tranh nhau sang đò, chim nghịch vẽ bay,
 Nâng chén không ngừng, vay mượn điệu vàng.
 Nghìn thu bút viết để lưu giữ mùi thơm,
 Nửa đêm khêu đèn để ghi lại giấc mộng.
 Ngồi thiền sùng sững dưới cây khô,
 Tập trung tinh thần như cái cọc, học theo loài ve sầu.

Tạm dịch thơ:

Én rộn oanh già tơ liễu rũ,
Trên đường mát mặt gió lửa qua.
Cùng ai lễ mọn dâng cơm mới,
Với bạn ngày chay chuốc chén trà .
Phục hồ hàng long tài cái thể,
Tôn sư kính tượng đức tăng già.
Đường mây cho kẻ cao khoa cử,
Chỉ nổi con em chốn lợn gà.

* * *

Khí hòa mát mẻ dạo ao khơi,
Quạt nhỏ áo manh cũng hợp thời.
Bóng ác lên cao tan buổi học,
Tán cây tỏa rộng đặt cờ chơi.
Xuân qua vườn cũ oanh còn hót,
Hương cạn đường quê bướm chẳng rời.
Giữ khách gác cao trò chuyện mãi,
Cơ thiền không hiểm, hiểm cơ đời.

* * *

Thành sông chiều tối keng kêu vang,
Lồng lộng gió lửa đám cỏ hoang.
Người lẩn sang đồ xua nghịch vẽ,
Kẻ say uống rượu mượn điệu vàng.
Khêu đèn nửa tối mà ghi mộng,
Vấy bút nghìn thu để giữ hương.
Sùng sững ngôi thiền bên gốc cổ,
Ngưng thần như cọc học ve nương.

BÀI SỐ 19

溪嘯亭

Khê Khiếu đình

朝臨淮泗暮衡嵩
絕愛風亭四望通
買笑聯將碁作計
破愁何用酒爲功
沂雩道味津津後
陵谷人情咄咄中
承有虎溪相送好
遠公原不負陶公

Triêu lâm Hoài Tử⁽¹⁾ mộ Hành Tung,⁽²⁾
Tuyệt ái phong đình tứ vọng thông.
Mãi tiếu liên tương kỳ tác kế,
Phá sầu hà dụng tửu vi công.
Nghị Vu⁽³⁾ đạo vị tân tân hậu,
Lăng Cốc⁽⁴⁾ nhân tình đôt đôt trung.
Thừa hữu Hồ Khê⁽⁵⁾ tương tống hảo,
Viễn công⁽⁶⁾ nguyên bất phụ Đào công.⁽⁷⁾

- (1) Hoài Tử: tên hai con sông nhỏ ở Trung Quốc. Sông Hoài, còn gọi là Tần Hoài, phát nguyên trên núi Đồng Bách, tỉnh Hà Nam, chảy về đông qua các tỉnh An Huy, Giang Tô, đổ vào hồ Hồng Trạch rồi ra biển ở phía nam Giao Châu Loan. Sông Tử phát nguyên ở tỉnh Sơn Đông, chảy qua tỉnh Giang Tô, vào Sông Hoài, có một nhánh là Sông Thù; Sông Tử và Sông Thù đều chảy qua Khúc Phụ, quê hương của Khổng Tử, nên lấy làm biểu trưng cho Đạo học (Nho học).
- (2) Hành Tung: hai trong năm ngọn núi nổi tiếng từ xưa của Trung Quốc (ngũ nhạc), được các triều đại phong kiến xếp vào điển phong thần và thờ cúng: Đông nhạc Thái Sơn, Tây nhạc Hoa Sơn, Nam nhạc Hành Sơn, Bắc nhạc Hằng Sơn, Trung nhạc Tung Sơn. Hành Sơn ở tây bắc huyện Hành Dương, tỉnh Hồ Nam, có nhiều đỉnh cao như Tử Cái, Thiên Trụ, Thạch Lãm, Chúc Dung, Hồi Nhạn. Tung Sơn còn gọi là Tung Cao, ở phía bắc huyện Đăng Phong, tỉnh Hà Nam, cách huyện lỵ 5km, có rất nhiều danh thắng, nổi tiếng nhất là ngọn Thiếu Thất, nơi tổ sư Đạt Ma dựng chùa Thiếu Lâm, và về sau khai sinh võ phái Thiếu Lâm.
- (3) Nghị Vu: Trong sách *Luận ngữ*, chương thứ 11 Tiên tiến, đoạn 25. Đức Khổng Tử hỏi các học trò về cái chí của mỗi người. Tử Lộ, Nhiễm Hữu (Cầu), Công Tây Hóa (Xích) trình bày sở nguyện về chính trị, lễ nhạc, đến Tăng Tịch (Điểm) thì nói: “暮春者春服既成冠者五六人童子六七八人浴乎沂風乎舞雩詠而歸 *Mộ xuân giả, xuân phục ký thành, quán giả ngũ lục nhân, đồng tử lục thất nhân, dực hồ Nghị, phong hồ Vũ Vu, vịnh nhi quy*” (Về cuối xuân, áo xuân đã may xong, cùng năm sáu chàng trai, sáu bảy đứa trẻ, đi tắm ở Sông Nghị, hóng gió ở Vũ Vu, rồi ca hát mà về), ý thích tự do phóng khoáng với bạn bè. Khổng Tử nghe xong, ngậm ngùi than rằng: “吾與點也 Ngộ dĩ Điểm dã” (Ta cũng như trò Điểm vậy!).
- (4) Lăng Cốc: hang núi ở huyện Vũ Lăng (nay là huyện Thường Đức, tỉnh Hồ Nam). Trong bài *Đào hoa nguyên ký*, Đào Tiềm kể chuyện một người đánh cá ngược dòng suối vào núi xa, thấy hoa đào trôi theo dòng nước, ghé thuyền lên bờ thì thấy mình đứng giữa rừng đào, có động Đào Hoa, nhà cửa, làng xóm thấp thoáng trong cây xanh, cư dân ăn mặc theo lối cổ. Anh ta tiếp xúc hỏi thăm, thì biết tổ tiên họ lánh nạn nhà Tần vào đây đã mười mấy đời, con cháu không còn biết gì về thế giới bên ngoài. Anh ta về kể lại cho quan huyện Vũ Lăng nghe. Quan huyện lấy làm lạ, sai người đi tìm thì không thấy gì nữa...
- (5) Hồ Khê: tên suối ở núi Lư, chảy quanh chùa Đông Lâm, nơi tu hành của sư Tuệ Viễn thời nhà Tấn. Sư không bao giờ ra khỏi cảnh chùa, mỗi lần tiễn khách, đi đến bờ suối thì từ giả quay lui. Một hôm, sau khi trò chuyện với Đào Nguyên Lượng và Lục Tu Tĩnh, sư đưa tiễn họ, vừa đi vừa tiếp tục nói chuyện mãi mê, bỗng nghe tiếng cộp gươm, nhìn lại thì đã qua khỏi suối lúc nào không hay. Cả ba người nhìn nhau cười ha hả. Nhân đó, họ mới gọi tên suối là Hồ Khê.
- (6) Viễn công: tức sư Tuệ Viễn (Huệ Viễn), xem chú 3 ở trên.
- (7) Đào công: tức Đào Tiềm (365-427) thời Tấn, tự Uyên Minh, sau lấy tên Uyên Minh, tự Nguyên Lượng, hiệu Ngũ Liễu tiên sinh, quê ở Sài Tang, huyện Tâm Dương (nay huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây), nhà nghèo, nhưng tính phóng khoáng, có ra làm quan, đến chức huyện lệnh Bành Trạch thì bỏ về vì không chịu nổi sự câu thúc.

Dịch nghĩa:

Đình Khê Khiếu (khe kêu)

Sáng đến sông Hoài, Tứ, chiều lại về núi Hành, Tung;
 Rất yêu thích ngôi đình hóng gió, ngắm suốt cả bốn phía.
 Muốn mua vui thì bày bàn cờ ra làm phương tiện,
 Để giải khuây cần chi phải mượn rượu làm công.
 Mùi đạo ở Sông Nghi và đền Vũ Vu đời sau vẫn thấm nhuần,
 Tình người chốn Lãng Cốc rất rõ rệt.
 Nay còn có Hồ Khê là nơi tiễn đưa nhau rất tốt lành,
 Ngài Tuệ Viễn chắc không phụ bạc với ông Đào Tiềm.

Tạm dịch thơ:

Sáng qua Hoài Tứ, tối Hành Tung,
 Thích quá phong đình bốn phía thông.
 Hễ muốn mua vui, cờ có thú,
 Còn như giải muộn, rượu không dùng.
 Nghi Vu mùi đạo đời đời vẫn,
 Lãng Cốc tình người chốn chốn chung.
 Nay có Hồ Khê nơi tiễn bạn,
 Viễn công không chút phụ Đào công.

BÀI SỐ 20-21

圍棋二首

Vĩ kỳ nhị thủ

兩儀太極妙無涯
 觸鬥蠻爭競壁蝸
 數頃藍田拋玉子

*Lưỡng nghi thái cực⁽¹⁾ diệu vô nhai,
 Xúc đấu man tranh cạnh bích oa.
 Số khoảnh Lam Điền⁽²⁾ phao ngọc tử,*

(1) Lưỡng nghi thái cực: theo *Dịch kinh*, vũ trụ tuần hành khởi đầu từ vô cực (cái không, cái hỗn độn) mà sinh ra thái cực (một khối tiềm ẩn mầm sống), thái cực phân hóa ra lưỡng nghi, gồm hai yếu tố âm và dương, mỗi yếu tố ấy lại tự phân chia làm hai mà có thái âm, thái dương, thiếu âm, thiếu dương, rồi phối hợp thành bát quái, lục thập tứ quái.

(2) Lam Điền: Tên núi, ở phía đông huyện Lam Điền, nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, nơi có nhiều đá quý, ngọc tốt. Bài thơ *Cảm sát* của Lý Thương Ẩn thời Đường có câu: 滄海月明珠有淚 / 藍田日暖玉生煙 *Thương Hải nguyệt minh châu hữu lệ / Lam Điền nhật nồm ngọc sinh yên* (Thương Hải trăng soi châu có lệ / Lam Điền nắng ấm ngọc xông hơi).

四邊階道著藩花
虛空常作摩醯眼
黑暗辰張餓鬼牙
死死生生心上造
別開世界等河沙

* * *

緯地經天三百六
陰陽混沌正紛紛
飛空日月龍爭窟
到處關河雁叫群
星布幾重蛇勢陣
風吹不出獸形雲
莫嫌鳥啄梅花落
驟雪來辰掃暮氛

Tứ biên Giai Đạo⁽¹⁾ trứ phan hoa.
Hư không thường tác ma ê⁽²⁾ nhãn,
Hắc ám thời trương ngạ quỷ⁽³⁾ nha.
Tử tử sinh sinh tâm thượng tạo,
Biệt khai thế giới đẳng hà sa.

* * *

Vĩ địa kinh thiên tam bách lục,
Âm dương hỗn độn chính phân phân.
Phi không nhật nguyệt long tranh quật,
Đảo xứ quan hà nhận khiêu quân.
Tinh bố cơ trùng xà thế trận,
Phong xuy bất xuất thú hình vân.
Mạc hiềm điều trác mai hoa lạc,
Sậu tuyết lai thời tảo mộ phân.

Dịch nghĩa:

Cờ vây (hai bài)

Lưỡng nghi, thái cực vô cùng màu nhiệm;
Hai phe tranh đấu với ếch tường (?).
Mấy khoảnh Lam Điền rải rác những hòn ngọc,
Bốn bên Giai Đạo cắm cờ phan.
Ở trên khoảng trống không, làm mắt lũ ma ê;
Ở trong chỗ tối tăm nhe hàm răng ngạ quỷ.
Sống sống chết chết đều do tâm tạo ra,
Từ đó mà mở ra vô vàn thế giới.

* * *

Dọc trời ngang đất ba trăm sáu mươi ngày,
Âm dương trộn lẫn với nhau rất rối rắm.
Mặt trăng mặt trời bay trên không, rồng tranh hang hốc;

(1) Giai Đạo: theo phép đối thì đây là tên riêng, nhưng cũng có thể là danh từ chung, chỉ phần hai bên đường đi, ta gọi là vỉa hè. Trường hợp đối như vậy cũng thường thấy.

(2) Ma ê: Chưa rõ ý nghĩa, nhưng có lẽ cũng chỉ một loài ma quỷ.

(3) Ngạ quỷ: quỷ đói (cũng đọc “ngã quỷ”), một trong “tam đồ”, ba chỗ địa ngục để hành hạ những kẻ gây ác nghiệp khác nhau: 1. Hỏa đồ (địa ngục): nơi thiêu đốt tội nhân làm việc tàn ác. 2. Huyết đồ (súc sinh): nơi trừng trị tội nhân ăn thịt lẫn nhau. 3. Dao đồ (ngạ quỷ): nơi xử phạt những kẻ vì đói mà làm việc chẳng lành.

Cửa ải sông ngòi đến đâu, nhận gọi bầy.
 Sao sắp hàng mấy lớp thành trận rần,
 Gió thổi không ra được mây hình thú vật.
 Chớ hiềm chim mổ hoa mai rụng,
 Vào lúc tuyết rơi nhiều sẽ quét sạch làn khí ban tối.

Tạm dịch thơ:

Luống nghi thái cực nhiệm màu thay,
 Xúc đầu man tranh ếch vách bầy.
 Mấy khoảnh Lam Điền hòn ngọc nổi,
 Bốn bên Giai Đạo dải hoa lay.
 Ma ê dương mắt trên không đó,
 Ngạ quỷ nhe răng giữa tối đây.
 Sinh tử tử sinh tâm tạo hết,
 Mở ra vô số thế gian này.

* * *

Dọc đất ngang trời ba sáu mươi,
 Âm dương trộn lẫn rồi bời bời.
 ải sông khắp chốn nhàn kêu bạn,
 Nhật nguyệt lòng không rỗng nấu hơi.
 Lớp lớp sao dăng bày trận rần,
 Áo ào gió thổi lộng mây trời.
 Chớ hiềm chi một hoa mai rụng,
 Lúc tuyết rơi nhiều khí tối vui.

BÀI SỐ 22-23

夏雨二首

Hạ vũ nhị thủ

溪山如畫卷蝦鬚
 雨後光風草木蘇
 岸竹到垂搖翠羽
 渚荷傾破瀉明珠
 白衣冉冉雲生閣
 寶鑑容容水滿湖

*Khê sơn như họa quyển hà tu,
 Vũ hậu quang phong thảo mộc tô.
 Ngạn trúc đảo thùy dao thúy vũ,
 Chử hà khuynh phá tả minh châu.
 Bạch y nhiễm nhiễm vân sinh các,
 Bửu giám dung dung thủy mãn hồ.*

地老天荒孤鶴唳
旁人錯認雁啣蘆

* * *

文殊禮罷雨霏霏
曉望湖樓思欲飛
荷亂翻風盤走汞
柳低炤水線懸璣
氣含筆硯呵偏潤
雲厭箏琶聽漸微
狙詐世情君莫說
漢陰已息丈人機

Địa lão thiên hoang cô hạc lệ,
Bàng nhân thác nhận nhận hàm lô.

* * *

Văn Thù lễ bãi vũ phi phi,
Hiểu vọng hồ lâu tứ dục phi.
Hà loạn phiên phong bàn tẩu hồng,
Liều đề chiếu thủy tuyến huyền ky.
Khí hàm bút nghiễn hà thiên nhuận,
Vân yếm tranh tỳ thính tiệp vi.
Thư trá thế tình quân mạc thuyết,
Hán Âm dĩ tức trượng nhân ky.

Dịch nghĩa:

Mưa mùa hè (hai bài)

Khe núi như tranh vẽ lớp lớp râu tôm cuộn,
Sau cơn mưa, trời trong sáng, cây cỏ bóng loáng.
Tre bên bờ lá ngọn rũ bóng lá xanh,
Sen trong ao nghiêng nước đỏ thành những hạt ngọc sáng.
Gác tỏa mây như áo trắng phơ phất,
Hồ đầy nước như gương sáng long lanh.
Đất già trời hoang, chim hạc cô đơn cất tiếng kêu,
Người bên ngoài nhận lầm là nhận ngâm lau.

* * *

Làm lẽ Văn Thù xong, mưa lâm thâm,
Sáng sớm trông cảnh hồ, ý tứ muốn bay bổng.
Gió thổi lá sen tươi bởi như bạc chạy trong mâm,
Liều trên đề dọi xuống nước như ngọc treo trên dây.
Khí dầm nghiễn bút, hà hơi vào thì ướt ngay,
Mây che đàn tranh đàn tỳ, nghe tiếng nhỏ.
Bác đừng nói chi về tình đời gian dối,
Nhà Hán tàn rồi, bậc trượng phu cũng đã hết.

Tạm dịch thơ:

Khe non như vẽ râu tôm cuộn,
Mưa tạnh gió quang cây cỏ tươi.
Trúc bến rũ nghiêng lay lá biếc,
Sen đầm gãy ngã rụng châu ngời.
Rõ ràng áo trắng lâu mây phủ,
Lấp lánh gương vàng vũng nước khơi.
Đất cỗi trời hoang kêu tiếng hạc,
Người ngoài tưởng nhận ngâm lau rồi.

* * *

Lễ Văn Thù dứt bỗng mưa rây,
Sớm ngấm lâu hồ tứ muồn bay.
Gió lật lá sen dòng bạc chảy,
Nước soi bóng liễu sợi châu lay.
Khí dầm nghiên bút hơi nhuần thế,
Mây vẫn tranh tỳ tiếng nhỏ thay.
Gian dối tình đời xin chớ nói,
Hán tàn đã dứt bậc người hay.

BÀI SỐ 24-27

小翠四首

Tiểu Thúy tứ thủ

占斷郊居一味閑	<i>Chiêm đoán giao cư nhất vị nhàn,</i>
荒村歸牧唱間關	<i>Hoang thôn quy mục xướng gian quan.</i>
方壺員嶠雲霞爛	<i>Phương Hồ, Viên Kiệu⁽¹⁾ vân hà lạn,</i>
大海須弥日月環	<i>Đại Hải, Tu Di⁽²⁾ nhật nguyệt hoàn.</i>
朝暮鐘魚閑事業	<i>Triêu mộ chung ngư nhàn sự nghiệp,</i>

(1) Phương Hồ, Viên Kiệu: các xứ tiên trong truyện cổ Trung Quốc. Theo Sử ký: Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu là ba ngọn núi tiên trong Bột Hải; ở đây, chim muông đều có lông trắng, cung điện đều bằng vàng bạc, các thần tiên bất tử sống thành thời, sung sướng. Theo Liệt tử, ngoài Biển Đông có năm quả núi tiên Đại Dư, Viên Kiệu, Phương Hồ, Doanh Châu, Bồng Lai, cách nhau bảy vạn dặm...

(2) Đại Hải, Tu Di: núi và biển ở một tiểu thế giới. Thế giới này lấy núi Tu Di làm trung tâm, còn gọi là Diệu Cao Sơn, bốn chung quanh có bảy núi tám biển, ngoài cùng lại có núi Thiết Vi làm giới hạn rồi đến biển lớn (Đại Hải). Một nghìn tiểu thế giới hợp lại thành một tiểu thiên thế giới, một nghìn tiểu thiên thế giới hợp lại thành một trung thiên thế giới, một nghìn trung thiên thế giới hợp lại thành một đại thiên thế giới. Nói chung, đó là nơi cư trú của các loài hữu tình.

春秋花鳥剩江山
樹盤古石涼如洗
消夏堪稱第一灣

* * *

安於縉素復何求
背世高風日練修
花草斜分村外路
雲霞低映水中樓
一聲長笛空山曼
數著殘棋古洞幽
浪誦淮南招隱句
滿庭清影蟋蟀啾

* * *

深居長愛葛仙溪
起視金烏爛玉雞
滿袖清風攜紫笋
一簑疎雨掇丹萸
山門有客呼鸚鵡
小艇無人坐○鵝
普率近聞龍詔下
陰崖寒谷振沉泥

* * *

海上何勞遠寄○
無心鷹犬到秋鷺
小橋蟻渡山雞啄
曲木虫緣野鳥○
綠芰風翻紅舫陷
黃梅雨著白衣○

Xuân thu hoa điểu thặng giang san.
Thụ bàn cổ thạch lương như tẩy,
Tiêu hạ kham xưng đệ nhất loan.

* * *

An ư truy tố phục hà cầu,
Bối thế cao phong nhật luyện tu.
Hoa thảo tà phân thôn ngoại lộ,
Vân hà đê ánh thủy trung lâu.
Nhất thanh trường địch không sơn mạn,
Số trứ tàn kỳ cổ động u.
Lãng tụng Hoài Nam⁽¹⁾ chiêu ẩn cú.
Mãn đình thanh ảnh tất cô thu.

* * *

Thâm cư trường ái Cát Tiên Khê,
Khởi thị kim ô lạn Ngọc Kê.⁽²⁾
Mãn tុ thanh phong huê tử duẩn,
Nhất soa sơ vũ xuyết đan đề.
Sơn môn hữu khách hô anh vũ,
Tiểu đĩnh vô nhân tọa phách⁽³⁾ đề.
Phổ suất cận văn long chiếu hạ,
Âm nhai hàn cốc chấn trầm nề.

* * *

Hải thượng hà lao viễn ký hàm⁽⁴⁾,
Vô tâm ưng khuyển đảo thu sàm.
Tiểu kiều nghị độ sơn kê trác,
Khúc mộc trùng duyên dã điểu kham.⁽⁵⁾
Lục kỳ phong phiên hồng phảng hãm,
Hoàng mai vũ trứ bạch y am.⁽⁶⁾

(1) Hoài Nam: tức Hoài Nam Tử, tên hiệu của Hoài Nam Vương Lưu An, một tôn thất nhà Hán, tác giả bộ sách *Hoài Nam Tử*.

(2) Cát Tiên, Ngọc Kê: tên suối và núi gần nơi ở của tác giả.

(3) Chữ trong vòng tròn là chữ PHÁCH, gồm: 辟 + 鳥.

(4) Chữ trong vòng tròn là chữ HÀM, gồm: 虫 + 咸.

(5) Chữ trong vòng tròn là chữ KHAM, gồm: 𪔐 + 鳥.

(6) Chữ trong vòng tròn là chữ AM, gồm: 黑 + 咸.

禁中頗牧無人識
憶我知音是畢誠

*Cấm trung phả mục vô nhân thức,
Úc ngã tri âm thị tất hàm.*

Dịch nghĩa:

Nhà Tiểu Thúy (bốn bài)

Ngắm xem thử ở chôn đồng quê có cái thú vị an nhàn,
Xóm vắng, người chăn trâu về hát vang không gian.
Cõi tiên Phương Hồ, Viên Kiệu, mây rạng rỡ,
Xứ Phật Đại Hải, Tu Di mặt trời mặt trăng xoay quanh.
Sớm chiều câu cá, công việc thông thả,
Chim hoa mùa xuân mùa thu, núi sông bát ngát.
Tảng đá cỏ bên gốc cây mát như được lau chùi,
Tan hơi nồng nực đáng gọi là vũng ao bậc nhất.

* * *

Yên ổn với áo thâm, không cầu mong gì nữa;
Quay lưng lại với cuộc đời, ngày ngày tu luyện bậc cao.
Cây cỏ chia nghiêng với con đường ngoài xóm,
Mây ráng dội ánh sáng xuống ngôi lầu giữa nước.
Tiếng sáo dài vang vang trên núi vắng vẻ,
Vài cuộc cờ tàn trong động cỏ thâm u.
Sang sáng tụng câu thơ Chiêu ẩm của Hoài Nam,
Bóng mát khắp sân, tiếng đế kêu ran.

* * *

Ở chôn thâm u, yêu mến mãi dòng khe Cát Tiên;
Ngủ dậy thấy ác vàng rạng rỡ núi Ngọc Kê.
Ổng tay áo đầy gió mát, cầm búp măng tre màu tía;
Một chiếc áo toi che mưa nhỏ, với lá cỏ non màu đỏ.
Cửa nhà trong núi có khách đến, chim vệt gọi;
Chiếc thuyền nhỏ không người, chim bồ nông đậu.
Thiên hạ gần đây nghe chiếu rồng ban xuống,
Chôn rừng sâu hang lạnh khuây động bùn chìm.

* * *

Sao lại vất vả gởi thân làm giống sò trên biển,
 Giống khuyến ung nào có lòng nghĩ đến chú thỏ lúc thu tàn,
 Kiến đi qua chiếc cầu nhỏ thì bị gà rừng mổ,
 Sâu leo trong thân cây thì bị chim rừng ăn.
 Lá sen gió lật làm đổ lối thuyền đi,
 Mai vàng dưới mưa làm trắng chiếc áo đen.
 Chôn cung cấm có người giữ gìn [đức hạnh] không ai biết,
 Nhớ kẻ tri âm quá hợp ý của ta.

Tạm dịch thơ:

Ở chốn đồng quê rất thanh thoi,
 Mục đồng xóm vắng sáo vang trời.
 Phương Hồ Viên Kiệu vùng mây rạng,
 Đại Hải Tu Di nhật nguyệt ngời.
 Chài lưới sớm chiều nghề rảnh rỗi,
 Hoa chim xuân hạ cảnh xinh tươi.
 Góc cây bàn đá lằng lằng mát,
 Tiêu hạ nơi đây thật tuyệt vời.

* * *

Yên sông đồ thâm chẳng thiết nào,
 Quên đời ngày tháng gắng tu cao.
 Cỏ hoa ngoài xóm ngăn chia lối,
 Mây ráng trên lầu dọi xuống ao.
 Tiếng sáo ngân dài vang núi vắng,
 Bàn cờ tàn cuộc lặng hang sâu.
 Hoài Nam Chiêu ẫn cao lời tụng,
 Bóng mát đầy sân tiếng đế xao.

* * *

Núi sâu yêu mãi Cát Tiên khô,
 Ngủ dậy ác vàng xé Ngọc Kê.
 Tay áo gió lồng măng tía dất,
 Chiếc tơ mưa nhẹ cỏ son che.
 Cửa sài vệt gọi khách vừa đến,

Đò nhỏ chim “ngồi” người đã đi.
 Thiên hạ mới nghe vua xuống chiếu,
 Rừng sâu hang lạnh dẫy bùn nề.

* * *

Đem thân trên biển gởi loài sò,
 Ứng khuyến nhớ gì thỏ cuối thu.
 Kiến qua cầu nhỏ gà rừng mổ,
 Sâu nấp cây cao chim núi vỗ.
 Sen biếc gió lửa hồng thuyền chạy,
 Mai vàng mưa dầm trắng quần thô.
 Cung sâu dưỡng nét nào ai biết,
 Nhớ bạn tri âm hợp ý đồ.

BÀI SỐ 28

山中

Sơn trung

此身輕似鶴乘軒
 路引斜陽牧笛村
 一局漁樵歸梓澤
 數家雞犬入桃源
 馬衝嶺上雲盤野
 僧帶松間月叩門
 一自掛冠歸卧閣
 茯苓枉迓國深恩

*Thử thân khinh tựa hạc thừa hiên,
 Lộ dẫn tà dương mục địch thôn.
 Nhất cục ngư tiều quy tử trạch,
 Số gia kê khuyến nhập Đào nguyên.
 Mã xung lãnh thượng vân bàn dã,
 Tăng đới tùng gian nguyệt khấu môn.
 Nhất tự quải quan quy ngọa các,
 Phục linh uổng nhạ quốc thâm ân.*

Dịch nghĩa:

Trong núi

Thân này nhẹ nhàng như chim hạc ngồi trên chiếc xe lớn,
 Con đường dẫn đến xóm sáo mục đồng thời lúc chiều tà.
 Một cuộc người chài và người hái củi về đầm cây thị,
 Vài ngôi nhà gà và chó vào suối hoa đào.
 Ngựa xông lên trên đỉnh núi, mây thì sa xuống cánh đồng;
 Nhà sư ở trong đám cây thông, gõ cửa dưới trăng.

Từ lúc treo mũ về nằm trên gác,
Thuốc phục linh uống chịu ơn nước sâu nặng.

Tạm dịch thơ:

Thân này nhẹ tựa hạc ngồi xe,
Sáo mục bóng tà dọc lối quê.
Một cuộc ngư tiêu về Tử trạch,
Vài nhà gà chó tới Đào khê.
Ngựa xông lên đỉnh, mây đồng nội;
Sư đội trong từng nguyệt cửa tre.
Treo mũ một lần về gác nghỉ,
Uống mang ơn nước thuốc thang xuê.

BÀI SỐ 29

佛日

Phật nhật

好是清和物候新
無憂樹下摘花晨
宮開兜率天繒接
園敞毘藍妓樂陳
七寶蓮池移玉趾
九龍香水洒金身
壹千年後南郊石
象教流通萬國珍

*Hảo thị thanh hòa vật hậu tân,
Vô ưu thụ⁽¹⁾ hạ trích hoa thân.
Cung khai Đâu Suất thiên⁽²⁾ tăng tiếp,
Viên xướng Tỳ Lam⁽³⁾ kỹ lạc trần.
Thất bảo liên trì di ngọc chỉ,
Cửu long hương thủy sái kim thân.
Nhất thiên niên hậu nam giao thạch,
Tượng giáo⁽⁴⁾ lưu thông vạn quốc trân.*

⁽¹⁾ Vô ưu thụ: cây vô ưu, nơi Phật sinh ra, nguyên tên gọi là Asoka, dịch âm là A-thâu-ca, A-thuật-ca.

⁽²⁾ Đâu Suất thiên: tiếng Phạn Tusita, tên một cõi trời ở Dục giới. Đức Thích Ca Mâu Ni khi chưa thành Phật là Bồ tát Hộ Minh ngự ở đây cùng Đức Di Lặc dẫn dắt các bồ tát; ngài từng phóng hào quang ở gan bàn chân chiếu khắp mười phương thế giới, giúp chúng sinh ở địa ngục; khi ngài xuống trần thì phó chúc cho Đức Di Lặc tiếp tục giáo hóa chư bồ tát. Bốn nghìn năm ở nhân gian chỉ bằng một ngày đêm ở cõi trời Đâu Suất.

⁽³⁾ Tỳ Lam: tên vườn (Tỳ Lam viên), nguyên tự Lumbini (cũng dịch âm là Lam-tì-ni, Lưu-di-ni, Lâm-vi-ni, Lạp-phạn-ni, Lâm-phạn-ni, còn dịch nghĩa là Khả Ái viên), ở thành Ca-tì-la, nơi bà Ma-da sinh ra Đức Phật. Thời ấy, người giữ vườn có tên như thế, nên cũng lấy để đặt tên vườn.

⁽⁴⁾ Tượng giáo: tượng nghê đen là con voi, dùng thay chữ “像 tượng”, chỉ hình thể vật chất, ý nói đạo pháp không có hình thù nên khó diễn tả hết được, chỉ dùng “tâm” và “trí” mà cảm nhận thôi. Lại Đức Phật khi giảng kinh, thường lấy hình ảnh sự vật làm thí dụ cho chúng sinh hiểu, nên cũng gọi là Tượng giáo. Tượng cũng là tướng, hình ảnh, trạng thái của sự vật, của các pháp mà tri giác phân biệt được; phàm những gì có tướng đều là hư vọng; nếu thấy tướng trong phi tướng tức thấy Như Lai.

Dịch nghĩa:

Ngày Phật

Tốt đẹp thay, khí hậu mát mẻ điều hòa, cảnh vật tươi mới;
 Dưới cây vô ưu, hái lấy hoa ban mai.
 Cung Đâu Suất mở ra, trời tiếp tấm lụa;
 Vườn Tỳ Lam rộng rãi, con hát bày ra cuộc vui.
 Hồ sen bảy thứ báu dãi gót ngọc,
 Nước thơm chín con rồng rưới vào thân vàng.
 Một trăm năm sau, đá ở đồng phía nam;
 Đạo Phật truyền bá thành ra thứ quý trọng của muôn nước.

Tạm dịch thơ:

Khí hậu điều hòa khung cảnh mới,
 Hái nụ vô ưu dưới gốc mang.
 Cung bày Đâu Suất trời dâng lụa,
 Vườn rộng Tỳ Lam kỹ hát vang.
 Bảy báu hồ sen in gót ngọc,
 Chín rồng nước ngát tắm thân vàng.
 Một trăm năm nữa miền Giao Chỉ,
 Đạo Phật lưu thông khắp vạn bang.

BÀI SỐ 30

浴

Dục

四月人間正蘊隆
 江頭一浴失蟲蟲
 六根輕利塵俱淨
 四大安便觸是空
 攀出尼河猶苦行
 詠歸沂水剩遺風
 不須被袂蘭亭飲
 草座粳糜自在翁

*Tứ nguyệt nhân gian chính uẩn long,
Giang đầu nhất dục thất trùng trùng.
Lục căn khinh lỵ trần câu tĩnh,
Tứ đại an tiên xúc thị không.
Phan xuất Ni Hà⁽¹⁾ do khổ hạnh,
Vĩnh quy Nghi Thủy⁽²⁾ thặng di phong.
Bất tu Phát hế Lan Đình⁽³⁾ ẩm,
Thảo tọa canh mi tự tại ông.*

Dịch nghĩa:

Tắm

Tháng Tư, chính là lúc người đời nhớ bản nhất;
Đầu bên sông một lần tắm gội sạch hết mọi sâu bọ.
Lục căn nhẹ nhõm bụi bặm đều sạch sẽ,
Tứ đại yên lành không bị va chạm gì.
Vិន ra khỏi Ni Hà vẫn còn hạnh khổ,
Ngâm thơ về Nghi Thủy còn phong thái để lại.
Không nên uống rượu Lan Đình ngày Phát hế,
Làm một ông già thoải mái với ghế cỏ cháo hoa.

Tạm dịch thơ:

Tháng Tư người thế bản vô cùng,
Ra tắm đầu sông gội hết trùng.
Nhẹ nhõm sáu căn như thấy sạch,
Yên lành bốn đại xúc đều không.
Ngâm về Nghi Thủy di phong sót,
Vិន thoát Ni Hà khổ hạnh vòng.
Đừng chúc Lan Đình ngày Phát hế,
Cháo hoa giường cỏ tự nhiên ông.

(1) Ni Hà: tên sông, không rõ ở đâu, hoặc chỉ nơi trần tục khổ ải.

(2) Nghi Thủy: xem chú thích “Nghi Vu” ở bài số 19, Khê Khiếu đình.

(3) Phát hế: một lễ tục thời xưa, bạn bè họp nhau tắm rửa, bày tiệc rượu vui chơi. Vương Hy Chi (321-379), con của Vương Đạo đời Tấn, là một nhà thư pháp nổi tiếng. Một hôm, nhằm năm Vĩnh Hòa 9 (353) thời Tấn Mục Đế, nhân ngày lễ Phát hế, ông cùng 24 danh sĩ tập trung tại Lan Đình thuộc huyện Sơn Âm, Cối Kê, vừa uống rượu, vừa làm thơ, ông viết bài tựa, nhan đề *Lan Đình tập tự* trên giấy kén, bút lông chuột, 28 dòng, 324 chữ bằng một thể đặc biệt, đẹp vô song, người ta gọi là “Lan Đình bút thiếp thức”. Đáng tiếc bản văn bị thất truyền.

BÀI SỐ 31-35

古翠齋五首

Cổ Thúy trai ngũ thủ

偏稱幽居足布絢
不姑盛世作琮艘
東鄰禴祭西鄰福
南院風流北院豪
古寺獨參金粟去
深山誰共赤松教
太平歌舞家家樂
肯與東門世外逃

* * *

深壑平岡竹數椽
兩中小篋兩灯前
泉香沁齒和琮屑
菜嫩沾脣餌玉延
說法承家長奉佛
報恩何日可俱仙
三年歸去偏知穩
卧着寒潭縮項鰱

* * *

明月清風契夙因
飄然衲子淡無塵

*Thiên xứng u cư túc bố đào,⁽¹⁾
Bất cô thịnh thế tác quỳnh sru.
Đông lân dục tế tây lân phúc,
Nam viện phong lưu, bắc viện⁽²⁾ hào.
Cổ tự độc tham Kim Túc⁽³⁾ khứ,
Thâm sơn thùi cộng Xích Tùng⁽⁴⁾ ngao.
Thái bình ca vũ gia gia lạc,
Khẳng dữ đông môn thế ngoại đào.*

* * *

*Thâm hác bình cương trúc sở chuyên,
Lưỡng trung tiểu khiếp lưỡng đẳng tiên,
Tuyền hương thám xỉ hòa quỳnh tiết.⁽⁵⁾
Thái nộn triêm thân nhĩ ngọc diên.
Thuyết pháp thừa gia trường phụng Phật,
Báo ân hà nhật khả câu tiên.
Tam niên quy khứ thiên tri ổn,
Ngọa khán hàn đàm súc hạng biên.⁽⁶⁾*

* * *

*Minh nguyệt thanh phong khế túc nhân,
Phiêu nhiên nạp tử đạm vô trần.*

- (1) Đào là sợi dây, chỉ việc làm nhà cỏ, nhà tranh. *Thi kinh*, phần *Quốc phong*, *Bân phong*, thiên *Thất nguyệt* (詩經-國風-豳風-七月), chương VI, nói về công việc phải làm trong tháng Sáu, có câu: 晝爾于茅/宵爾索綯/亟其乘屋/其始播百穀 *Trú nhĩ vu mao / Tiêu nhĩ tác đào / Cức kỳ thừa ốc / Kỳ thủy bá bách cốc* (Ngày người bứt cỏ / Tối người xe dây / Nóc nhà sửa lợp / Để lại cấy cày).
- (2) Nguyên bản chép nhầm thành chữ 阮 Nguyễn, chúng tôi hiệu đính. Nói Nam Nguyễn, Bắc Nguyễn tuy cũng có nghĩa, nhưng không được thông (họ Nguyễn ở Nam, họ Nguyễn ở Bắc là ai?).
- (3) Kim Túc: tức Kim Túc Như Lai, vị cổ Phật đã mượn thân cư sĩ Duy Ma để giảng sinh cùng thời với Phật Thích Ca để ủng hộ Phật pháp. Duy Ma (Vimalakirti), dịch âm Duy-ma-la-cật, là một cư sĩ ở thành Tỳ-da-li, phụ giúp Đức Phật giáo hóa.
- (4) Xích Tùng: Xích Tùng Tử, một vị tiên trong thời huyền sử Thần Nông, đồng thời là thần mưa. Thần đi mây về gió, vào lửa không cháy, thường tới núi Côn Luân, ở nhà đá của Tây Vương Mẫu. Con gái Viêm Đế theo thần học đạo cũng thành tiên.
- (5) Quỳnh tiết: ngọc vụn, chỉ cơm.
- (6) Biên: *Khang Hy tự điển* chú: Dân Giang Đông gọi cá phường là biên. Cá phường, ta gọi là cá mè.

重尋小翠參禪處
三度含龍結夏辰
啼鳥野花聊暫別
白雲流水漸相親
元山此去應無恙
待我歸來作主人
剝啄鐘魚信手撞

* * *

萬緣如絮望風降
僧初出定仙機悞
客偶輸誠鬼語○
戛戛松風橫度壑
團團桂月上臨窗
神游世介三千外
瓔珞莊嚴七寶幢

* * *

眈書喜墨費吟哦
日著千言柰老何
蛩語關懷僧語共
蛙聲得意梵聲和
去來數劫微言迴
世界沙塵古畫多
檢點二家經卷在
不妨八百附儒科

Trùng tâm Tiểu Thúy tham thiền xứ,
Tam độ Hàm Long kết hạ thân.
Đề điều dã hoa liêu tạm biệt,
Bạch vân lưu thủy tiệm tương thân.
Nguyên sơn thử khứ ưng vô dạng,
Đãi ngã quy lai tác chủ nhân.
Bác trác chung ngư tín thủ tràng,

* * *

Vạn duyên như như vọng phong hàng.
Tăng sơ xuất định tiên cơ ngộ,
Khách ngẫu thâu thành quỷ ngữ song.⁽¹⁾
Tắc tắc tùng phong hoành độ hác,
Đoàn đoàn quế nguyệt thương lâm song.
Thần du thế giới tam thiên ngoại,
Anh lạc trang nghiêm thất bửu tràng.

* * *

Đam thư hỷ mặc phí ngâm nga,
Nhật trước thiên ngôn nại lão hà.
Cùng ngữ quan hoài tăng ngữ cộng,
Oa thanh đắc ý Phạn thanh hòa.
Khứ lai số kiếp vi ngôn quỳnh,
Thế giới sa trần cổ họa đa.
Kiểm điểm nhị gia kinh quyển tại,
Bất phương bát bách phụ nho khoa.

Dịch nghĩa:

Nhà trai giới Cổ Thúy (năm bài)

Mái nhà lợp cỏ tranh hợp với chỗ ở quanh vắng,
Trong thời hưng thịnh, làm chiếc thuyền quỳnh chẳng hại gì.
Láng giềng phía đông tế mùa xuân, phía tây tế cầu phúc;

⁽¹⁾ Chữ trong vòng tròn là chữ SONG, gồm: 丩 + 雙. Chữ này, Khang Hy tự điển cho mấy phiên thiết: 息拱切/荀勇切/息勇切/並同悚/通作聳 Tức cũng thiết, Tuân dũng thiết, Tức dũng thiết, tịnh đồng tụng, thông tác tụng. Lại có phiên thiết: 所江切/疏江切/並音雙/筏同 Sở giang thiết, Sơ giang thiết, Tịnh âm song; Phiệt đồng. Như vậy, đây phải đọc song, nghĩa là cái bè, nghĩa này ở đây không hợp. Nhưng từ điển Hán Việt cũng như các phần mềm chữ Hán đều không thu nhận.

Người ở viện nam thì phong lưu, viện bắc thì hào phóng.
Ngôi chùa cổ chỉ một mình ông Kim Túc tu hành đã đi rồi,
Trong núi sâu, ai cùng ông tiên Xích Tùng đi chơi;
Đời thái bình nhà nhà vui vẻ hát múa,
Cứ trốn ra ngoài cõi thế với cửa đông.

* * *

Hang sâu trên gò núi bằng phẳng, trồng mấy cây trúc;
Hai cây trong hộp nhỏ, hai cây trước ngọn đèn.
Hương suốt thắm chân răng hòa với que quỳnh,
Rau non ướt môi trộn lẫn những hạt ngọc vụn (com).
Nổi dòng nhà nói pháp và thờ Phật lâu dài,
Báo đáp ơn một ngày nào đó sẽ thành tiên.
Đã ba năm bỏ về, biết mình vẫn yên ổn,
Nằm xem đầm lạnh, cá mè co rút lại.

* * *

Trắng sáng gió mát có nhân duyên kết làm bạn,
Áo nhà tu phơi phơi đậm bạc không chút bụi.
Lại tìm đến nhà Tiểu Thúy là nơi tham thiền,
Đã ba lần kết hạ ở chùa Hàm Long (Báo Quốc).
Thôi thì tạm xa cách chim hót và hoa đồng nội,
Mây trắng và nước chảy dần dần thân thiết với nhau.
Nguyên ngọn núi lần ấy ra đi không còn tăm hơi,
Hãy đợi ta trở về làm chủ nhân.

* * *

Gỗ động, quen tay đánh chuông cá;
Muôn duyên như tơ liễu trông theo gió mà bay.
Nhà sư vừa ngời thiền xong, lằm lằm đạo Tiên;
Người khách tình cờ chân thành, sợ lời nham hiểm.
Gió thông vi vút thổi qua hang,
Trăng quế tròn vành vạnh ló lên ngoài cửa sổ.
Tĩnh thần rong ruổi ngoài ba nghìn thế giới,
Bức màn thất bảo đầy châu ngọc trang nghiêm.

* * *

Mê sách vui mực cứ ngâm nga hoài,
 Mỗi ngày viết hàng ngàn lời, già sao được.
 Tiếng dế thiết tha chung với tiếng nhà sư,
 Tiếng ếch đặc ý hòa với tiếng tụng kinh.
 Qua lại mấy kiếp, lời lẽ tinh vi sâu xa;
 Thế giới cát bụi, đã nhiều bức tranh cổ.
 Kiểm điểm sách vở của hai nhà còn lại,
 Không kém tám trăm cuốn, giúp vào cái học nhà nho.

Tạm dịch thơ:

Một mái tranh mây nơi quạnh vắng,
 Thuyền quỳnh thời thịnh hại chi nào.
 Đông nhà xuân tế, tây nhà phúc,
 Nam viện phong lưu bắc viện hào.
 Kim Túc một thầy tu viện cổ,
 Xích Tùng ai bạn đạo non cao.
 Nhà nhà múa hát vui bình thái,
 Đến với Đông môn lánh ẩn vào.

* * *

Hang thẳm gò bằng trúc mấy cây,
 Đôi trong tráp nhỏ đôi đèn cầy.
 Suối thơm răng ngọc chan hòa thấm,
 Rau ngọt môi châu ướt át dây.
 Thờ Phật nếp nhà thường nói pháp,
 Lên tiên nào thừa báo ơn dày.
 Ba năm về ẩn đời yên ổn,
 Đàm lạnh nằm xem cá rút vây.

* * *

Gió mát trăng trong từng có hẹn,
 Áo lam phơi phới bụi không vương.
 Tìm về Tiểu Thúy tham thiền cũ,
 Lại tới Hàm Long kết hạ thường.
 Chim hót hoa đồng đành tạm biệt,

Nước trôi mây trắng sẽ thân thương.
 Một đi núi cũ mù xa bóng,
 Đợi lúc ta về lại chủ trương.

* * *

Chuông kinh gõ động đã quen tay,
 Duyên nghiệp như tơ gió thổi bay.
 Sư vừa xuất định cơ tiên lẫn,
 Khách chợt thấu thành tiếng quỷ hay.
 Vì vút gió thông qua cửa động,
 Tròn tròn trăng quế dội song mây.
 Tinh thần rong ruổi ba nghìn cõi,
 Lấp lánh cờ châu thất bảo bày.

* * *

Vui mê sách mực cứ ngâm nga,
 Viết mấy nghìn câu khổ lão già.
 Dể nể quan hoài lời sãi hợp,
 Éch kêu đặc ý tiếng kinh hòa.
 Đi về mấy kiếp câu văn diệu,
 Cát bụi nhiều đời bức họa xưa.
 Kiểm điểm hai nhà còn sách vở,
 Tám trăm có lẽ giúp nho khoa.

BÀI SỐ 36

花圓銀聚

Hoa viên ngân tụ

園法周公九府泉
 荷蘭新製鑄花圓
 素龍敲雪堆三島
 白兔凝冰印萬川
 曉岫散群林鶴舞
 晴江逐隊野鷗翩
 忽聞天樂鏗鏘處
 寶聚高標界大千

*Viên pháp Chu công Cửu Phủ tiền,
 Hà lan tân chế chú hoa viên.
 Tố long xao tuyết đôi tam đảo,
 Bạch thỏ ngưng băng ấn vạn xuyên.
 Hiếu tự tán quần lâm hạc vũ,
 Tình giang trục đội dã âu phiên.
 Hốt văn thiên nhạc khanh thương xứ,
 Bảo tụ cao tiêu giới đại thiên.*

Dịch nghĩa:

Bạc tú vườn hoa

Vườn bắt chước Cửu Phủ tuyền của Chu công,
Sen và lan theo kiểu mới chế tạo, đúc hoa tròn.
Rồng trắng vẩy tuyết đắp thành ba đảo,
Thỏ trắng làm đông băng in trên muôn con sông.
Trên núi buổi sáng, hạc rừng tách đàn múa,
Trên sông tạnh ráo, chim âu đồng nội đuổi nhau bay liệng.
Chợt nghe chónh nhạc trời réo rắt,
Báu tú lại nêu cao thể giới đại thiên.

Tạm dịch thơ:

Vườn theo Cửu Phủ của Chu công,
Kiểu mới sen lan tròn đúc bông.
Vẩy tuyết rồng vun ba ngọn đảo,
Đóng băng thỏ dọi vạm dòng sông.
Núi sớm tách bầy rừng hạc múa,
Sông quang nổi cánh ruộng âu vòng.
Chợt nghe réo rắt trời gieo nhạc,
Giới đại thiên cao báu tú đông.

BÀI SỐ 37

光明燭

Quang minh chúc

(得明字鄉試題 祝光明 - Hương thí đề)

燭斯無跋又無檠	<i>Chúc tư vô bạt hựu vô kinh,</i>
一寸靈臺分外明	<i>Nhất thốn linh đài phân ngoai minh.</i>
炯炯心燈臨萬類	<i>Quỳnh quỳnh tâm đăng lâm vạn loại,</i>
熒熒智炬洞群情	<i>Huỳnh huỳnh trí cự đồng quần tình.</i>
無私日月同高炤	<i>Vô tư nhật nguyệt đồng cao chiếu,</i>
彼卓星河共遠瑩	<i>Bỉ trác tinh hà cộng viễn oanh.</i>
此日九重開慧鑑	<i>Thử nhật cửu trùng khai tuệ giám,</i>
離明普炤到縉紘	<i>Ly minh phổ chiếu đáo diên hoành.</i>

Dịch nghĩa:

Cây đuốc sáng

(Lấy chữ “minh” làm vần. Đề bài thi Hương)

Cây đuốc không có bụng [đựng dầu] cũng không có đế,
 Một tác linh đài chia ra phần bên ngoài tỏa sáng.
 Rạng rỡ đèn tâm ra đến muôn loài,
 Sáng trưng lửa trí soi thấu mọi tình.
 Không riêng tây như mặt trời mặt trăng dọi từ trên cao,
 Thứ kia cùng với sao và ngân hà hắt sáng ra xa.
 Ngày ấy đức vua mở tấm gương tuệ,
 Ánh sáng quẻ ly chiếu đến tận nơi tí mù.

Tạm dịch thơ:

Đuốc kia không bụng cũng không đế,
 Một tác linh đài ngọn sáng ngời.
 Rực rỡ đèn tâm trùm cõi thế,
 Rõ ràng ánh trí sửa tình đời.
 Không riêng nhật nguyệt soi cao ngất,
 Có cả tinh vân sáng tí vời.
 Gương tuệ cửu trùng ngày ấy mở,
 Ly minh chiếu khắp đến muôn nơi.

BÀI SỐ 38

曝書

Bộc thư

浪說人間富五車
 琅函玉軸更何如
 蠹魚三食神仙字
 龍馬重開卜筮書
 花影拖頭經展貝
 芸香觸手墨翻猪

Lãng thuyết nhân gian phú ngũ xa,
 Lang hàm ngọc trục cánh hà như.
 Đố ngư tam thực thần tiên tự,
 Long mã trùng khai bốc phê thư.
 Hoa ảnh tha đầu kinh triển bối,
 Vân hương⁽¹⁾ xúc thủ mặc phiên trư.

⁽¹⁾ Vân hương: mùi thơm cỏ vân. Cỏ vân, từ hoa đến cành lá đều thơm, dùng làm hương liệu, người ta cũng giã lá lấy nước làm thuốc chống chất độc của côn trùng; cũng ép lá vào sách vở để chống mối mọt, cho nên sách vở gọi là vân biên, nhà đọc sách gọi là vân trai.

吾家長物應如此
白首摩挲莫笑渠

Ngô gia trưởng vật ứng như thử,
Bạch thủ ma sa mạc tiếu cừ.

Dịch nghĩa:

Phơi sách

Nghe nói nhân gian giàu [sách vở] có đến năm xe,
Hòm châu cuộn ngọc lại là như thế nào.
Cá mỗi ba lần ăn hết chữ của thần tiên,
Ngựa rồng hai lần mở ra sách bói toán.
Bóng hoa dắt đầu, sách bằng lá bói chồng chất,
Hương cỏ vãn chạm vào tay, mực đổi làm heo (?)
Nhà ta nuôi lớn vật nên như thế,
Bạc đầu lau chùi cọ rửa⁽¹⁾ chớ chê cười.

Tạm dịch thơ:

Nghe nói nhân gian chất mấy xe,
Hòm châu cuộn ngọc lại còn khoe.
Chữ thần cá mỗi ăn mòn hết,
Sách bói ngựa rồng mở bét be.
Kinh bói đầu vương hoa bóng lá,
Mực heo⁽²⁾ tay nhuộm cỏ hương nhòe.
Nhà ta nuôi vật nên làm thế,
Đầu bạc lau chùi chớ có chê.

BÀI SỐ 39-46

化臺八首

Hóa Đài bát thủ

麥黃梅熟節剛逢
聖代無才合退農
放牧山中三弄笛
偈僧樓上幾聲鐘

Mạch hoàng mai thực tiết cương phùng,
Thánh đại vô tài hợp thoái nông.
Phóng mục sơn trung tam lộng địch,
Kệ tăng lầu thượng kỷ thanh chung.

⁽¹⁾ Lau chùi cọ rửa: nguyên văn "ma sa", chữ Hán 摩挲, cũng viết 磨砂, nghĩa là vuốt ve, lau chùi, cọ rửa. Bài 石鼓歌 Thạch cổ ca (Bài hát trống đá) của Hàn Dũ có câu: 牧童敲火牛礪角 / 誰復著手爲摩挲 Mực đồng xao hỏa ngưu lệ giác / Thùy phục trước thủ vi ma sa (Mực đồng đốt lửa sùng trâu cọ / Ai chịu ra tay rửa sạch a?).

⁽²⁾ Thơ của Như Như đạo nhân có khá nhiều điển tích, điển cố, nhiều chữ khó hiểu, đành tạm dịch cho xuôi câu thơ, chớ bỏ cứu hoặc được các bậc cao minh chỉ giáo thêm.

雨絲風片縈愁緒
剩水殘山了夢蹤
高臥北窗誰得似
羲皇傲殺老龍鍾

* * *

花木纍纍任意○
薰風幾度長都咸
故園三載荒松菊
兆宅千章拱檟杉
晴柳綠多侵紙帳
曉荷香遠泛羅衫
萬言課誦香三炷
他日猶傳摘朶岩

* * *

槐花辰節草初醒
習習薰風長綠萍
雨後池塘聞吠蛤
水邊籬落著流螢
日餐沆瀣和琮屑
月課瑯環紀瑞莖
四海干戈旁午裡
樹巔和上一窠寧

* * *

一卷金經一炷檀
定中結咒磬聲殘
從頭世界三千起
過眼光陰半百拚
織草爲衣編雅稱

Vũ ty phong phiến oanh sầu tự,
Thặng thủy tàn sơn liễu mộng tung.
Cao ngọa bắc song thùy đắc tự,
Hy hoàng ngạo sát lão long chung.

* * *

Hoa mộc luy luy nhậm ý ham,⁽¹⁾
Huân phong kỷ độ trưởng đô hàm.
Cổ viên tam tải hoang tùng cúc,
Triệu trạch thiên chương củng giả sam.
Tĩnh liễu lục đa xâm chỉ trưởng,
Hiếu hà hương viễn phiếm la sam.
Vạn ngôn khóa tụng hương tam chú,
Tha nhật do truyền trích nhữ⁽²⁾ nham.

* * *

Hòe hoa thân tiết thảo sơ tinh,
Tập tập huân phong trưởng lục bình.
Vũ hậu trì đường văn phệ cáp,
Thủy biên ly lạc trước lưu huỳnh.
Nhật xan hạng giới hòa quỳnh tiết,
Nguyệt khóa lang hoàn kỷ thụ minh.
Tứ hải can qua bàng ngọ lý,
Thụ điền hòa thượng nhất khoa ninh.

* * *

Nhất quyển Kim kinh⁽³⁾ nhất chú đàn,
Định trung kết chú khánh thanh tàn.
Tòng đầu thế giới tam thiên khởi,
Quá nhân quang âm bán bách phàn⁽⁴⁾
Chức thảo vi y biên nhĩ xứng,

(1) Chữ trong vòng gồm MỘC + KHIẾM (木+欠). Theo *Khang Hy tự điển*, dạng cổ là Mộc + Liêm (木 + 𣎵) đọc: 虛嚴切 - 音簽 *Hư nghiêm thiết, âm hiêm*. Có thể đọc HAM hay HÀM, nghĩa: ham muốn; điều mong ước.

(2) Chữ này là chữ Nôm, do người sao lục chép nhầm chăng?

(3) Kim kinh: tức *Kim cương kinh*, tên đầy đủ là *Kim cương bát nhã ba la mật kinh* (Vajra-prajnaparamita-sutra). Bộ kinh này lấy không và tuệ làm thể, giải thích về cái lý nhất thiết pháp vô ngã (TDPHHV, tr. 620). Có 6 bản Hán dịch, phổ biến nhất là bản dịch của nhà sư Cưu-ma-la-thập thời Tần Lục triều.

(4) Chữ này đọc đúng là “biện”, nhưng đây theo vần phải đọc “bàn” hay “phàn”. Nghĩa: quét dọn.

嚼花作飯覺輕安
雞窩自有神仙術
分付兒孫好探着

* * *

幸賴朝廷足一夔
小臣不數買山貲
莫言盛世冠苴履
詎是閑身鏡蓋危
且學靈均偏衣荔
欲尋李綺遠餐芝
金經課罷支頤坐
閱盡閭浮咏四雖

* * *

靜着樵子綴丹榮
幸免聲名世所縈
磨折一生埋腹劍
摧殘五夜息心兵
六通自可超三界
萬卷何須假百城
未有乾坤先有物
寥寥今古未安名

* * *

南柯一枕倚高槐
身世思量日愈乖

Tước hoa tác phạn giác khinh an.
Kê oa tự hữu thần tiên thuật,
Phân phó nhi tôn hảo thám khan.

* * *

Hạnh lại triều đình túc nhất quý,⁽¹⁾
Tiểu thần bất số mãi sơn ty.
Mạc ngôn thịnh thế quan苴履,
Cự thị nhàn thân kính cái chi.
Thả học Linh Quân⁽²⁾ thiên ý lệ,
Dục tầm Lý Ý⁽³⁾ viễn xan chi.
Kim kinh khóa bãi chi di tọa,
Duyệt tận diêm phù vịnh tứ tuy.

* * *

Tĩnh khan lưu tử tuyết đan vinh,
Hạnh miễn thanh danh thế sở oanh.
Ma chiết nhất sinh mai phúc kiếm,
Thôi tàn ngũ dạ tức tâm binh.
Lục thông⁽⁴⁾ tự khả siêu tam giới,
Vạn quyển hà tu giả bách thành.
Vị hữu càn khôn tiên hữu vật,
Liêu liêu kim cổ vị an danh.

* * *

Nam kha⁽⁵⁾ nhất chấm ý cao hòe,
Thân thế tư lường nhật dữ quai,

(1) Túc nhất quý: một loài thú lạ ngày xưa, theo *Sơn hải kinh*, mình giống như trâu mà không có sừng, toàn thân màu xanh, chỉ có một chân.

(2) Linh Quân: hiệu của nhà thơ Khuất Nguyên (phỏng chừng: 340-278 TCN), người nước Sở thời Chiến Quốc.

(3) Lý Ý: Chưa rõ. Có lẽ là một nhà y dược học thời cổ.

(4) Lục thông: hay lục thần thông, sáu phép biến hóa, thông suốt sáu nhiệm mà các bậc thánh giả tam thừa chứng được của quá trình thiền định gồm: 1. Thần cảnh tri chứng thông (phiêu diêu vắng lai hay biến hiện tự do tự tại). 2. Thiên nhãn tri chứng thông (nhìn tỏ tường không gì ngăn cản được). 3. Thiên nhĩ tri chứng thông (nghe rõ ràng không gì ngăn cản được). 4. Tha tâm tri chứng thông (hiểu biết tỏ tường tưởng niệm của người khác không gì ngăn cản được). 5. Túc mệnh tri chứng thông (biết rõ kiếp sống quá khứ của bản thân và người khác không gì ngăn cản được). 6. Lậu tận tri chứng thông (mọi phiền não đều trút sạch không). (*TĐPHHV*, tr 1290).

(5) Nam kha: cảnh cây phía nam, chỉ cuộc đời giàu sang qua mau như một giấc mơ, không thực. Bài Nam kha ký của Lý Công Tá thời Đường kể chuyện: Thuần Vu Phần nằm ngủ dưới gốc cây hòe, chiêm bao

炤腑已無秦代鏡
稱心徒傲魯風鞋
山藤絡石旋龍帶
水草臨池吐雀釵
無事山童烹笋坐
自將品字燒枯柴

* * *

當年結綬慶登槐
復旦光花紀玉杯
康濟商舟資大用
扶持舜杖得奇材
瑞圖長表義龍德
亨運先呈漢驥才
江水不忘今古恨
栖栖獨上問津臺

*Chiếu phủ dĩ vô Tần đại kính,⁽¹⁾
Xứng tâm đồ hiệu Lỗ phong hài.⁽²⁾
Sơn đằng lạc thạch toàn long đới,
Thủy thảo lâm trì thổ tước sai.
Vô sự sơn đồng phanh duẩn tọa,
Tự tương phẩm tự thiếu khô sai.*

* * *

*Đương niên kết thụ khánh đăng hòe,
Phục đán quang hoa kỷ ngọc bôi.
Khang tế Thương chu tư đại dụng,
Phù trì Thuần trượng đắc kỳ tài.
Thụy đồ trường biểu Hy long đức,
Hanh vận tiên trình Hán ký tài.
Giang thủy bất vong kim cổ hận,
Tê tê độc thương vãn tân đài.*

Dịch nghĩa:

Hóa Đài (tám bài)

Lúa vàng mai chín gặt tiết cứng cõi,
Đời thánh, mình không có tài, lui về làm ruộng là phù hợp.
Thả trâu chăn trong núi, thổi chơi ba tiếng sáo;
Độc bài kệ nhà chùa trên lầu, gõ mấy tiếng chuông.
Những sợi mưa, những cơn gió cuộn quanh mỗi sào;
Sông nước dấy, núi chiều dăng chắm dứt giấc mộng đời.
Nằm cao ở cửa sổ phía bắc, mấy ai được như thế;
Thời xa xưa ngao du cho đến khi già lỏng không.

* * *

Hoa và cây rườm rà, thỏa ý ham muốn của ta;
Mấy độ gió mát mẽ đều lớn lên cả.

thấy mình đến nước Hòe An, được vua gả công chúa, phong phò mã, bổ làm thái thú quận Nam Kha, lập nhiều công trạng, phú quý vinh hoa tốt bậc; sau bị quân địch đánh bại, công chúa mất, vua đuổi về. Ông tỉnh dậy, thấy mình đang nằm dưới gốc cây hòe, trên đầu cành phía nam có một tổ kiến; ông nghĩ chắc mình đã mơ vào đó.

(1) Tần đại kính: gương thời Tần: Tần Thủy Hoàng để có một cái gương thần, gọi là chiếu đảm cảnh, con gái nào có lòng tà dâm, soi vào thì mặt tan, khí kiệt.

(2) Lỗ phong hài: giày gió nước Lỗ, chưa rõ điển tích.

Khu vườn cũ ba năm rồi thông và cúc bị bỏ hoang,
 Ngôi nhà xưa nghìn cột cây giả cây sam.
 Cây liễu màu xanh biếc rậm rà hắt vào màn giấy,
 Mùi sen buổi sáng sớm từ xa lộng vào áo lụa.
 Một buổi tụng nghìn lời, đốt ba nén hương,
 Ngày sau còn truyền chuyện “Trích nhỏ nham” (?)

* * *

Vào thời tiết hoa hòe, cỏ bắt đầu nảy nở;
 Gió mát thổi dào dạt, bèo xanh lớn lên.
 Sau cơn mưa, nghe ếch nhái kêu ngoài ao;
 Bên mé nước, thấy đom đóm bay ở hàng rào.
 Ngày ngày ăn cơm với rau rắng,
 Tháng tháng lấy giấy bút chép thơ hay.
 Bốn biển binh đao (chiến tranh) không thôi,
 Một nhà sư yên ổn trong cái tổ trên ngọn cây.

* * *

Một quyển kinh vàng và một nén hương,
 Trong lúc ngồi thiền ta bắt quyết, tiếng khánh tan dần.
 Đầu tiên, ba nghìn thế giới nổi lên;
 Rồi đến thời gian năm mươi năm trôi qua trước mắt.
 Dệt cỏ làm áo chép bài thơ hay,
 Nhai hoa làm cơm biết được nhẹ nhàng yên ổn.
 Ở ổ gà mà tự có phép thuật thần tiên,
 Chia giao cho con cháu xem thấy điều tốt đẹp.

* * *

May nhờ ơn triều đình ban cho chức quan thừa,
 Chức quan nhỏ không đủ của nả để mua núi.
 Chớ bảo đời thịnh, mũ giày lót đay gai;
 Há rằng ấy là nhàn hạ tấm thân mang gương che dù.
 Hãy bắt chước Linh Quân mặc áo cỏ lệt,
 Muốn tìm Lý Ý lánh xa ăn cỏ chi.
 Tụng kinh Kim cương xong, ngồi nghỉ ngơi;
 Đọc sách âm phủ, vịnh thơ bốn bên.

* * *

Yên lặng xem những hạt lựu điểm son sáng,
 May thoát khỏi cái tiếng tằm ràng buộc cõi đời.
 Một đời vấp vấp khó khăn, chôn gươm bụng;
 Đêm năm canh sắp tàn, nghỉ binh lòng.
 Sáu biến thông có thể tự vượt lên ba cõi,
 Vạn quyền sách sao hạ được trăm thành.
 Chưa có trời đất, trước đã có vật rồi,
 Xưa nay vắng vẻ chưa yên cái danh.

* * *

Một chiếc gỏi ở cảnh nam trên cây hòe cao,
 Thân thể suy nghĩ lo lắng ngày càng ngang trái.
 Đã không có tấm gương thời Tần để soi tạc phủ,
 Lại chẳng theo được chiếc giày gió nước Lỗ để xứng với lòng.
 Dây mây vẫn vít hòn đá, đai rồng cuốn quanh;
 Cỏ nước lan ra bờ ao, thoa chim sẻ nhả ra.
 Chẳng có chuyện gì, chú bé núi ngòi nấu măng;
 Tự đem chữ “phẩm” đốt cháy củi khô.

* * *

Năm ấy được trao dây buộc ấn, làm lễ mừng lên chức quan;
 Lại vào ngày tươi sáng nâng chén rượu ngọc kỷ niệm.
 Thuyền Thương cứu vớt, có được tài lạ;
 Gậy Thuần nâng đỡ, hết lòng làm việc lớn.
 Cơ đồ tốt đẹp nêu lâu dài đức rồng Hy (?)
 Vận hội may mắn trước đã hiện rõ tài năng ngựa Hán.
 Nước sông không quên mối hận xưa nay,
 Một mình bồn chồn lên đài Ván Tân.⁽¹⁾

Tạm dịch thơ:

Lúa vàng mai chín tiết,
 Đồi thánh tài hèn thoát nghiệp nông.
 Trong núi thả trâu, chơi sáo trúc,
 Trên lầu đọc kệ, gõ chuông đồng.

⁽¹⁾ Đài Ván Tân: chỗ học tập. Ván tân là hỏi bấn, chỉ việc học hỏi một điều gì, như *Y học vấn tân*, sách chứa đựng những kiến thức về nghề thuốc.

Mối sầu dăng mắc mưa rồi gió,
Giấc mộng tàn phai núi với sông.
Song bắc nằm cao ai được thế,
Hy hoàng thông thả lão già nông.

* * *

Rậm rạp hoa cây mặc ý ngời,
Lớn lên mấy độ gió thanh thời.
Cúc thông vườn cũ ba năm bỏ,
Sam giả nhà xưa những cột tời.
Liều biếc màu in màn giấy ánh,
Sen mai hương lộng áo là hơi.
Ngày hương ba nén nghìn lời tụng,
“Trích nhỏ nham” truyền mãi ở đời.

* * *

Tiết đến hoa hòe sinh cỏ mới,
Dạt dào gió mát đám bèo dày.
Sau mưa tiếng ếch ngoài ao vọng,
Bên bến đèn huỳnh trước giậu bay.
Ngày bữa rau xanh kèm ngọc vụn,
Tháng cầm bút ngọc chép thơ hay.
Can qua bốn biển nơi đâu đó,
Hòa thượng yên hàn tổ ngọn cây.

* * *

Kinh vàng một quyển hương đôi nén,
Ấn chú ngồi thiền tiếng khánh thâu.
Thế giới ba nghìn vừa nổi dậy,
Thời gian năm chục thoáng qua mau.
Cỏ đan làm áo, ghi thơ nhả,
Hoa nhá thay cơm, nhẹ bụng lâu.
Nhà cỏ phép tiên rồi vẫn có,
Chia cho xem rõ cháu con sau.

* * *

May cây triều đình chút chức danh,
Quan hèn không của tậu non xanh.
Đừng khen đời thịnh mũ giày tốt,
Há bảo thân nhân kính lọng tranh.
Bắt chước Linh Quân mang áo cỏ,
Tìm tòi Lý Ý nếm rau lành.
Kim kinh tụng hết ngời thông thả,
Độc sách Diêm Phù thơ vịnh quanh.

* * *

Lặng xem hạt lựu đỏ lung linh,
May khỏi thanh danh vương thế tình.
Một kiếp dày vò chôn phúc kiếm,
Năm canh tàn dứt nghỉ tâm binh.
Lục thông vượt được lên tam giới,
Vạn quyền làm sao hạ bách thành.
Chưa có đất trời đà có vật,
Cổ kim vắng vẻ chữa yên danh.

* * *

Cành nam một giấc cội hòe cao,
Thân thế lo lường trắc trở sao.
Đã chẳng gương Tần soi phủ tạng,
Lại không giày Lỗ xứng tâm bào.
Mây non vắn đá đai rồng cuộn,
Cỏ nước dầm ao thoa sẻ trao.
Thông thả sơn đồng ngời nấu nước,
Tự đem chữ “phẩm” đốt cây rào.

* * *

Năm nao nhận ấn mừng lên chức,
Rạng rỡ ngày sau chén ngọc bày.
Khang tể thuyền Thương nên việc lớn,
Phù trì gậy Thuần được tài hay.
Rồng Hy đức lớn cơ đồ biểu,

Ngựa Hán tài cao vận hội dày.
Sông nước không quên kim cổ hận,
Bồn chồn lên hỏi chốn Tân Đài.

BÀI SỐ 47

采蓮

Thái liên

西湖選勝足○留	<i>Tây hồ tuyển thắng túc nê⁽¹⁾ lưu,</i>
正喜荷花托碧流	<i>Chính hỷ hà hoa thác bích lưu.</i>
葉底魚遊盤走汞	<i>Diệp để ngư du bàn tảo hồng,</i>
房中蜂探子塗髹	<i>Phòng trung phong thám tử đồ hưu.</i>
綠雲紅雨迷歸棹	<i>Lục vân hồng vũ mê quy trạo,</i>
水淨風香引去舟	<i>Thủy tịnh phong hương dẫn khứ chu.</i>
萬頃琉璃開世界	<i>Vạn khoảnh lưu ly khai thế giới,</i>
金臺九品占從頭	<i>Kim đài cửu phẩm chiếm tông đầu.</i>

Dịch nghĩa:

Hái sen

Hồ Tây được chọn là cảnh đẹp nổi tiếng đã lâu,
Vui nhất là lúc hoa sen nổi giữa dòng nước biếc chảy.
Cá bơi giỡn dưới lá xòe ra thủy ngân lóng lánh,
Trong gương sen ong vào thăm những hạt màu đỏ thắm.
Mây biếc mưa hồng mờ mịt mái chèo trở về,
Nước trong gió thơm dẫn thuyền đi qua.
Muôn khoảnh long lanh mở ra một thế giới,
Chín phẩm đài vàng đứng hàng đầu.

Tạm dịch thơ:

Tây Hồ danh thắng tiếng lâu nay,
Vui lúc hoa sen nước biếc lay.
Dưới lá cá bơi dòng bạc chảy,
Trong gương ong ghé hạt hồng đầy.

⁽¹⁾ Chữ này gồm chữ 尼 XU'ỐC + 尼 NI, *Khang Hy tự điển* cho phiên thiết: 奴計切 Nô kế thiết; 乃計切 Nãi kế thiết, 並泥去聲 tịnh Nê khứ thanh, như thế phải đọc Nễ hay Nệ, nhưng đây phải đọc thanh bình. Nghĩa: gần (近 cận), chân chừ, chậm chạp (棲遲 thê tri).

Chèo mê mưa thắm mây xanh biếc,
Thuyền ruỗi dòng trong gió ngát hây.
Thế giới long lanh ngời vụn khoảnh,
Đài vàng chín phẩm nhất là đây.

BÀI SỐ 48

辟穀

Tịch cốc

見說神仙有妙方
茯苓桑椹禹餘糧
雪山六載辭蘭弗
圯上三番約子房
石蜜黃精供法食
交梨火棗備天漿
采薇不是高風慕
只要飛昇白日長

*Kiến thuyết thần tiên hữu diệu phương,
Phục linh tang thậm Vũ dư lương.⁽¹⁾
Tuyết Sơn lục tải từ Lan Phát,⁽²⁾
Dĩ Thượng⁽³⁾ tam phiên ước Tử Phòng.
Thạch mật hoàng tinh cung pháp thực,
Giao lê hỏa táo bị thiên tương.
Thái vi⁽⁴⁾ bất thị cao phong mộ,
Chỉ yếu phi thăng bạch nhật trường.*

- (1) Vũ dư lương: gạo ăn thừa của ông Vũ. Ông Vũ là bề tôi của vua Thuấn, sau khi trị thủy sông Hoàng Hà thành công, ông giúp ông Khí (làm chức Hậu tể), lo việc trồng trọt để cứu nạn đói cho dân. Ông Khí phụ trách canh nông, trồng cây lúa, nhưng chỉ thóc gạo thì chưa đủ, nên ông Vũ khuyến khích, chỉ vẽ trồng những giống khác phụ vào.
- (2) Tuyết Sơn, Lan Phát: Tuyết Sơn tức là vùng núi Himalaya ở bắc Ấn Độ, ta dịch là Hy Mã Lạp Sơn, đỉnh cao nhất 8.848m, quanh năm tuyết phủ. Cũng gọi là Tuyết Lĩnh. Tương truyền ở vùng núi này có loài cò thiêng tên gọi sa ha, ai nhìn thấy nó thì trở thành bất tử, kinh Phật gọi là Tuyết Sơn bất tử được. Thời Đức Như Lai quá khứ, có một vị sư gọi là Tuyết Sơn đại sĩ hay Tuyết Sơn đồng tử tu khổ hạnh ở núi Tuyết Sơn, chịu xả thân cho một la sát ăn thịt để được nghe nốt nửa bài kệ (la sát là loài quỷ dữ ăn thịt người, quỷ nam gọi là la sát ta, mình đen, tóc đỏ, mắt xanh, trông xấu xí; quỷ nữ gọi là la sát tư, rất xinh đẹp). Lan Phát không rõ, có lẽ là Tuyết Sơn đại sĩ.
- (3) Dĩ Thượng: tên cầu bắc ngang Sông Nghi ở Hạ Bì (nay ở tỉnh Giang Tô, Trung Quốc); Tử Phòng là hiệu của Trương Lương (? -186 TCN), mưu thần của Hán vương Lưu Bang trong cuộc chiến tranh ngôi thiên tử với Sở vương Hạng Vũ. Tương truyền sau khi nước Hàn bị nhà Tần kiềm tính, Trương Lương đi tìm cách báo thù, bỏ hết của nhà ra thuê tráng sĩ mưu sát Tần Thủy Hoàng để, việc thất bại ở Bắc Lăng Sa. Trương Lương phải trốn tránh, một hôm đến cầu Dĩ, gặp một cụ già. Cụ lóng ngóng thế nào mà rơi giày xuống nước. Ông thương cụ già nua ốm yếu, xuống nhặt lên đưa trả. Cụ lại đánh rơi. Cứ thế ba lần. Cụ bèn đưa cho ông một cuốn sách bảo về học kỹ, và dặn: “Mười ba năm sau thấy hòn đá vàng ở chân núi Cốc Thành, đó chính là ta đấy”. Ông về dỡ sách ra xem, thì là cuốn *Lục thao tam lược*, hay *Thái Công binh pháp* của danh tướng Khương Thượng đầu thời Chu. Sau, Trương Lương giúp Lưu Bang diệt Tần, phá Sở, lập nên nhà Hán, đúng mười ba năm. Ông từ bỏ danh lợi, tìm về núi Cốc Thành, quả nhiên thấy tảng đá vàng, bèn đem về thờ để nhớ ơn xưa, nhân đó gọi cụ già là Hoàng Thạch Công.
- (4) Thái vi: hái rau vi. Bá Di và Thúc Tề là hai anh em con vua nước Cô Trúc, một một quốc gia nhỏ bé thời nhà Thương. Vua cha sắp chết truyền ngôi cho Thúc Tề, đến khi cha chết, Thúc Tề lại nhường ngôi cho anh. Bá Di bảo: “Phải tuân theo di mệnh của cha”, rồi trốn đi. Thúc Tề cũng tìm theo anh. Người trong nước phải lập em út lên ngôi. Rồi Tây bá Phát diệt vua Trụ, lập nên nhà Chu. Hai anh em hổ thẹn, không chịu ăn thóc nhà Chu, bỏ lên núi Thúc Dương, hái rau vi ăn. Có người phụ nữ bảo: “Các ông không ăn thóc lộc nhà Chu, nhưng cây cỏ này cũng là cây cỏ nhà Chu đấy”. Họ bèn nhịn ăn mà chết.

Dịch xuôi:

Nhịn ăn ngũ cốc

Nghe nói thần tiên có phương pháp kỳ diệu,
Phục linh, quả đậu là lương thực thừa của ông Vũ.
Ở núi Tuyết sáu năm, từ biệt Lan Phát,
Trên cầu Dĩ ba lần hẹn với Tử Phòng.
Thạch mật và hoàng tinh cung cấp thức ăn cho nhà tu,
Giao lê và hỏa táo đủ làm thức uống tự nhiên.
Hái rau vì không vì mền phong thái cao (của Di Tề),
Mà chỉ cốt cho được cao bay ngày tháng dài.

Tạm dịch thơ:

Nghe nói thần tiên lắm phép hay,
Phục, tang ông Vũ thế lương ngày.
Tuyết Sơn Lan Phát sáu năm biệt,
Dĩ Thượng Tử Phòng ba dạo giầy.
Thạch mật hoàng tinh cơm đạo đó,
Giao lê hỏa táo nước trời đây.
Rau vì đâu bởi yêu phong thái,
Chỉ cốt ngày dài được vút bay.

BÀI SỐ 49

端陽有感

Đoan Dương⁽¹⁾ hữu cảm

鴈不成行鯉曠趨	<i>Nhạn bất thành hàng lý khoáng xu,</i>
翟公門戶歲年殊	<i>Địch công⁽²⁾ môn hộ tuế niên thù.</i>
浴蘭令節人空在	<i>Dục lan lệnh tiết nhân không tại,</i>
采艾遺風事不拘	<i>Thái ngãi di phong sự bất câu.</i>

⁽¹⁾ Đoan Dương: Tết Đoan Ngọ, nói trại từ Đoan Ngũ, mừng 5 tháng Năm.

⁽²⁾ Địch công: có lẽ chỉ Địch Nhân Kiệt thời nhà Đường. Ông làm chức Tướng quốc, tiến cử được nhiều nhân tài giữ các chức quan trọng trong triều đình, nên người ta khen: “天下桃李盡在公門 *Thiên hạ đào lý tận tại công môn*” (Hết thầy đào lý trong thiên hạ đều ở cửa nhà ông cả). Khi làm Tham quân ở Tĩnh Châu, một hôm lên núi Thái Hàng, ông trở đám mây trắng xa xa bảo thủ hạ: “吾親舍於其下 *Ngô thân xá ư kỳ hạ*” (Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy). Đó là Hà Dương, quê hương của ông. Về sau, người ta dùng hình ảnh mây trắng, mây bạc để chỉ quê nhà.

投李無人供角黍
烹茶有客當香蒲
蓮船儘可容吾泛
競渡何須問鷓鴣

Đầu lý vô nhân cung giác thử,
Phanh trà hữu khách đáng hương bồ.⁽¹⁾
Liên thuyền tận khả dung ngô phiếm,
Cạnh độ hà tu vấn nghịch phù.

Dịch nghĩa:

Tết Đoan Dương có cảm xúc

Nhận bay không thành hang lối, cá gáy bơi thung thăng;
Cửa nhà ông Địch mỗi năm một khác.
Tết lớn “tắm lan”, người ấy không còn nữa,
Phong tục xưa hái lá ngải chẳng còn là việc bắt buộc.
Không ai ném quả lý cho giống lúa thử nhọn đầu (?)
Có khách nấu trà thơm như cây cỏ bồ.
Thuyền sen đều có thể để cho ta dong chơi,
Tranh nhau qua bến, sao cần hỏi lũ chim nghịch, chim phù.

Tạm dịch thơ:

Cá chép tung tăng, nhận lạc bầy;
Địch công nhà cửa mỗi năm thay.
“Tắm lan” tết đẹp người đâu vắng,
“Hái ngải” lẽ xưa việc chẳng bày.
Có khách đun trà bồ ngát vị,
Không ai ném lý thử lên cây.
Thuyền sen hẳn giúp ta dong ruỗi,
Qua bến sao nên hỏi vịt bay.

⁽¹⁾ Hương bồ: *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu ghi “Bạch xương bồ”. Cỏ bồ 蒲 “lá non ăn được, lá già dùng làm chiếu, làm quạt hay làm cái bao bọc đồ, tục gọi là *bồ bao* - 包, *bạch xương bồ* 白菖 - cây bạch xương bồ gọi tắt là bồ, Tết Đoan Ngọ dùng lá nó cắt như hình cái gươm để trừ tà gọi là bồ kiếm - 劍”. Chúng tôi chưa tận mắt thấy cây bồ, hay đây là loại cây lác, cây bàng mà có nơi trong huyện Quảng Điền xưa kia chuyên nghề làm chiếu và đan bị (chiếu lác, bị lác), nay vẫn còn...

BÀI SỐ 50-57

無一行窩八首

Vô Nhất hành oa⁽¹⁾ bát thủ

十二頭陀做自家
水邊林下結香跏
優曇夜宿和香霧
巨勝早餐併玉霞
彈屋金丸山果落
映窗碧玉竹枝斜
不嫌淡泊難供客
日日漁童喚倒茶

* * *

雲樹蕭疏日影重
小亭高倚澗邊松
放參水檻魚揚鬣
入定香林鹿養茸
園果應辰甘苦進
瓶蓮晚日白紅供
空江日暮無人過
雷雨聲中長籊龍

* * *

Thập nhị đầu đà⁽²⁾ tổ tự gia,
Thủy biên lâm hạ kết hương gia.⁽³⁾
Ưu đàm dạ túc hòa hương vụ,
Cự thắng⁽⁴⁾ triêu xan tính ngọc hà.
Đàn ốc kim hoàn sơn quả lạc,
Ánh song bích ngọc trúc chi tà.
Bất hiềm đạm bạc nan cung khách,
Nhật nhật ngư đồng hoán đảo trà.

* * *

Vân thụ tiêu sơ nhật ảnh trùng,
Tiểu đình cao y giản biên tùng.
Phóng tham thủy hạm ngư dương liệt,
Nhập định hương lâm lộc dưỡng nhung.
Viên quả ứng thời cam khổ tiến,
Bình liên văn nhật bạch hồng cung.
Không giang nhật mộ vô nhân quá,
Lôi vũ thanh trung trưởng thác long.

* * *

- (1) Vô Nhất hành oa: Tức là Hành oa có tên Vô Nhất. Hành oa là ngôi nhà làm ngoài chỗ ở chính, xa cách chỗ ở chính để làm nơi nghỉ ngơi.
- (2) Thập nhị đầu đà: đầu đà tiếng Phạn dhūta, còn gọi là đồ trà, đồ đa, Hán dịch là đầu tẩu, đầu giản, Việt dịch là tẩy rửa, rửa sạch, nói về phép tu hành tẩy rửa, lau chùi, rửa sạch các thứ quần áo, đồ ăn, nhà cửa. Thế tục gọi các vị sư đi hành cước, khát thực là đầu đà hay hành giả. Thập nhị đầu đà là mười hai điều mà một vị sư hành cước phải giữ gồm: 1. Mặc nạp y (áo người bỏ đi, nay khâu vá lại mà dùng). 2. Chỉ mặc dẫn tam y, tức ba loại áo: tăng-già-lê (samghāti: các mảnh cắt rời ra rồi khâu lại, mặc ngoài cùng), uất-đa-la-tăng (cũng là áo khâu nhiều mảnh, mặc giữa và mặc thường), an-đa-hội (áo năm nếp, mặc trong cùng); gọi chung là áo cà sa). 3. Phải đi xin ăn (khất thực) chứ không nhận mời mọc, chiêu đãi. 4. Không bày biện ăn uống. 5. Nhất tọa thực, chỉ ăn một bữa đúng Ngọ hay trước Ngọ. 6. Nhất sửu thực, chỉ ăn cơm và thức ăn đựng trong một bát của mình, không thêm. 7. Ở chỗ quanh vắng xa dân cư (a-la-nhã xứ). 8. Ở nơi mồ mả, nghĩa địa (trùng gian xứ). 9. Ở dưới gốc cây (thụ hạ tọa). 10. Ở nơi không có bóng cây che (lộ địa tọa). 11. Ở chỗ nào có cỏ mọc không cứ có bóng cây (tùy tọa). 12. Thường ngồi kiết già, không nằm (thường tọa bất ngoạ).
- (3) Kết hương gia: hay gia phu, ngồi kết già (thường đọc kiết già), một cách ngồi thiền định của các hòa thượng, theo thế của Phật Thích Ca ngồi dưới cây bồ đề, ngồi xếp ngựa hai bàn chân bên trái bên phải, bàn tay trái đề lên bàn tay phải, gọi là kết già cát tường, để khỏi mỗi một (結跏趺座 kết già phu tọa). Kết già hàng ma thì bàn tay phải đề lên bàn tay trái.
- (4) Cự thắng: không rõ là gì, nhưng cũng là một thứ để ăn sáng của nhà tu hành.

滿天星斗挂寒江
 鍊笛何人換別腔
 暗壁圖書迷遠夢
 小篷風雨耿殘釭
 行持悟處龜藏六
 言戒危辰雁去雙
 忽憶故人吟社近
 箇中誰是筆堪扛

* * *

每聽鳴雞振樹巔
 咸池兀坐到虞淵
 自怜蝶夢蘊蘊去
 長笑蚊芒僕僕然
 爛砌散花陀利地
 響檐落果鉢曇天
 鐘山從此無關世
 秋朮春芝數頃田

* * *

水禽啼徹候鐘鳴
 起視銀河傍玉衡

Mãn thiên tinh đầu quải hàn giang,
 Thiết địch hà nhân hoán biệt xoang.
 Âm bích đồ thư mê viễn mộng,
 Tiểu bồng phong vũ cảnh tàn cang.
 Hành trì ngô xứ quy tàng lục,⁽¹⁾
 Ngôn giới nguy thần nhận khứ song.
 Hốt ức cố nhân ngâm xã cận,
 Cá trung thùy thị bút kham giang.

* * *

Mỗi thính minh kê chấn thụ diên,
 Hàm Trì ngọt tọa đảo Ngu Uyên.⁽²⁾
 Tự linh điệp mộng⁽³⁾ cừ cừ khứ,
 Trường tiểu văn mang⁽⁴⁾ bộc bộc nhiên.
 Lạn thể tán hoa đà lợi địa,⁽⁵⁾
 Hương thiềm lạc quả bát đàm thiên.⁽⁶⁾
 Chung sơn tông thử vô quan thế,
 Thu truat xuân chi sở khoảnh diên.

* * *

Thủy cầm đề triệt hậu chung minh,
 Khởi thị Ngân Hà bạng Ngọc Hành.

(1) Quy tàng lục: Con rùa thu giấu sáu chi. Người có sáu thức (nhãn - sắc, nhĩ - thanh, tỷ - hương, thiệt - vị, thân - xúc, ý - pháp) như con rùa có sáu chi, gồm bốn chân, đầu và đuôi. Kinh Tạp a hàm, quyển 43: "Vào thời quá khứ, có một con rùa nằm ở đám cỏ ngoài sông. Bấy giờ có một con cáo bụng đói đang đi tìm ăn, nó từ xa nhìn thấy con rùa liền phóng tới vồ. Con rùa thấy vậy liền rút cả sáu chi (bốn chân, đầu và đuôi) lại. Con cáo ngồi rình, chờ con rùa thò đầu thò chân ra thì sẽ bắt lấy ăn thịt. Đợi mãi chẳng thấy con rùa thò đầu, thò chân ra, đói quá nó đành tức giận bỏ đi. Nay các ti khiếu! Các người ngày nay cũng giống như vậy... Bấy giờ đức Thế Tôn mới nói bài kệ rằng: Con rùa sợ con cáo, giấu sáu chi trong mai; ti khiếu giỏi nhiếp tâm, giấu kín các giác tướng" (TĐPHHV, tr. 1049).

(2) Hàm Trì, Ngu Uyên: thời cổ, người Trung Quốc cho rằng buổi sáng sớm mặt trời từ Hàm Trì ngoài biển bay lên trời, chiều thì chui vào Ngu Uyên trong núi ngủ.

(3) Điệp mộng: giấc mơ hóa bướm. Trong sách *Nam hoa kinh*, Trang Tử kể chuyện nằm ngủ mơ thấy mình là một con bướm bay lượn nhón nhơ thỏa thích, khi tỉnh dậy bâng khuâng tự hỏi không biết mình là người đã mơ hóa bướm, hay chính là bướm đang mơ hóa người. Chỉ cuộc đời hư ảo, không biết đâu là mộng, đâu là thực.

(4) Văn mang: Sách Trang Tử (*Nam hoa kinh*) có câu: 其於治天下也猶涉海鑿河而使蚊負山也. Kỳ ư trị thiên hạ dã do thiệp hải tạc hà nhi sử văn phụ sơn dã (Việc trị thiên hạ giống như vượt biển đào sông mà khiến con muỗi gánh núi vậy). Chỉ việc rất khó khăn không làm được.

(5) Đà lợi địa: hay đà lý (ghātu), cái tự thể vốn có của mỗi sự vật. Còn chỉ xá lợi (nhục thân) của đức Như Lai.

(6) Bát đàm thiên: hay bát đà la, bát vu, dụng cụ đựng thức ăn của tăng nhân, bằng sành hay bằng sắt.

紅卸瓶花薰石硯
黃敲窗葉響楸枰
水清可菊如瓜蔓
菜嫩堪茹似菊英
木石深居何處好
羊裘擬學富春耕

* * *

長夏清江野興饒
茶瓜草草度無聊
含龍齋慶傳金偈
白虎漁歌答水樵
帶鳥還山帆入港
得魚上市客爭橋
閉門不管人間事
掃地焚香自暮朝

* * *

泰道裁成慶拔茹
廟堂奔走盡璫璣
社開新句傳奎聚
陣演初碁罷翼舒
法眼暝來彌空曠
吟髭○後更蕭疏
漁船飛上河橋市
新得香江藿葉魚

* * *

Hồng tá bình hoa huân thạch nghiễn,
Hoàng xao song điệp hưởng thu bình.
Thủy thanh khả cúc như qua mạn,
Thái nộn kham như tự cúc anh.
Mộc thạch thâm cư hà xứ hảo,
Dương cừ nghĩ học Phú Xuân canh.⁽¹⁾

* * *

Trưởng hạ thanh giang dã hứng nhiêu,
Trà qua thảo thảo độ vô liêu.
Hàm Long trai khánh truyền kim kệ,
Bạch Hổ ngư ca đáp thủy tiêu.
Đới diểu viễn sơn phàm nhập cảng,
Đắc ngư thương thị khách tranh kiều.
Bế môn bất quản nhân gian sự,
Tảo địa phản hương tự mộ triều.

* * *

Thái đạo tài thành khánh bạt như,
Miếu đường bốn tẩu⁽²⁾ tận phiên dư.
Xã khai tân cú truyền khuê tự,
Trận diễn sơ kỳ bãi dục thư.
Pháp nhãn minh lai di khổng khoáng,
Ngâm tỳ niếp⁽³⁾ hậu cánh tiêu sơ.
Ngư thuyền phi thương hà Kiều thị,
Tân đắc Hương Giang hoắc điệp ngư.

* * *

(1) Phú Xuân canh: cây ruộng ở Phú Xuân. Nghiêm Lăng người thời Hán. Khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Vương Lăng ở ẩn, kết bạn thân thiết với Lưu Tú. Khi Lưu Tú dấy binh đánh Vương Mãng để khôi phục cơ nghiệp, ông cũng hết lòng giúp đỡ. Sau khi Lưu Tú lên ngôi (Hán Quang Vũ đế), ông lui về ở ẩn tại vùng núi Phú Xuân cây ruộng, vua mời mãi ông đều từ chối, phong quan tước, ông không nhận, cuối cùng nể lời bạn, ông đến kinh đô. Vua mừng rỡ, đêm ấy cùng ngủ chung giường, chuyện trò đến sáng, ông lại từ biệt về...

(2) Miếu đường bốn tẩu: chỉ việc chạy vạy sắm sửa, lo toan phục vụ tế lễ. *Thi kinh*, phần *Tụng*, *Chu tụng*, thiên *Thanh miếu*, chương I: 於穆青廟/肅雍顯相/濟濟多士/秉文之德/對越在天/駿奔走在廟/不顯不承/無射於人斯. *Ô mục Thanh miếu / Túc ung hiển tướng / Tế tế đa sĩ / Bình Văn chi đức / Đối việt tại thiên / Tuấn bốn tẩu tại miếu / Bất hiển bất thừa / Vô dịch ư nhân tư* (Ồi! Thanh miếu sâu xa / Nghiêm trang rạng rỡ / Người hầu đông đức / Giữ đức Văn Vương / Đối ngài trên trời / Chạy vạy tại miếu / Đức sáng nên thờ / Không hề chán ghét).

(3) Chữ trong vòng tròn là chữ NIẾP, gồm: bộ trúc + 爾.

水竹蒼涼曉日暹
江鄉六月失餘炎
臨溪雲棧三間淨
赴海風帆一路恬
次第李瓜滋味足
尋常鬱莫野情兼
仙家數著殘棋在
消受人間歲月淹

*Thủy trúc thương lương hiều nhật tiêm,
Giang hương lục nguyệt thất dư viêm.
Lâm khê vân sạn tam gian tĩnh,
Phó hải phong phàm nhất lộ điềm.
Thứ đệ lý qua tư vị túc,
Tâm thường uất áo dã tình kiêm.
Tiên gia số trứ tàn kỳ tại,
Tiêu thụ nhân gian tuế nguyệt yêm.*

Dịch nghĩa:

Vô Nhất hành oa (tám bài)

Mười hai đầu đà tự làm lấy trong nhà,
Dưới rừng cây bên bờ sông, ngồi kết già.
Hoa ưu đàm trong đêm ngủ dưới sương móc thơm,
Cây cự thắng buổi sáng sớm ăn với mây ráng ngọc.
Đầy nhà những trái cây hạt vàng rụng,
Dội vào cửa sổ những cành tre xanh như ngọc nghiêng thấp.
Không ngại ngừng vì đãi khách sơ sài,
Ngày ngày cậu bé nhà chài gọi thay trà.

* * *

Cây và mây xơ xác, bóng hoa trùng trùng;
Ngôi đình nhỏ cao tựa vào gốc cây thông bên khe.
Vọt lên châu trước hiên nước, cá dương vây (râu);
Nhập thiền định trong rừng hương, hươu nuôi sừng non.
Trái trong vườn theo từng mùa ngọt đắng dâng lên,
Sen trong bình vào buổi chiều trắng hồng đem cúng.
Sông vắng tanh, sớm chiều không ai qua lại;
Trong tiếng mưa tiếng sấm, măng tre lớn lên.

* * *

Sao đây trời treo trên sông lạnh,
Ai đó thổi sáo bài chia tay.
Mờ mờ trên vách, sách vở, mịt mù giấc mộng đi xa;
Chiếc thuyền nhỏ giữa gió mưa, rõ ràng cái chum tàn. (?)
Thực hành giữ đúng [phép tu luyện] như con rùa giấu sáu chi,

Nói năng rắn giữ nghiêm túc như nhận bay hai hàng.
 Bỗng nhớ bạn cũ trong hội thơ gần đây,
 Trong số ấy ai là người theo đuổi cây bút?

* * *

Mỗi khi nghe tiếng gà gáy vang trên đầu ngọn cây,
 Ngồi ngay thẳng từ khi mặt trời mọc cho đến lúc mặt trời lặn.
 Tự thương giấc bướm trôi qua chợt tỉnh dậy,
 Cười mãi con muỗi mà gánh vác việc nặng quá sức.
 Vách nhà hoa vung vãi sáng, là đất đà lợi;
 Thêm nhà vang tiếng quả rụng, là trời bát đằm.
 Núi chuông từ đó không quan hệ gì đến thế gian nữa,
 Cây mùa thu, cỏ mùa xuân và vài khoảnh ruộng.

* * *

Chim nước gáy cho đến lúc tiếng chuông ngân vang,
 Thức dậy thấy sông Ngân Hà đã ở cạnh Ngọc Hành.
 Màu hồng ở hoa trong bình tỏa mát nghiêng đá,
 Màu vàng ở lá ngoài cửa sổ xao động bàn cờ.
 Nước trong veo có thể vốc như dây dưa,
 Rau nộm ăn chay được cũng như hoa cúc.
 Vùng sâu nào đây có cây đá mà thích hợp thế,
 Bắt chước mặc áo da dê cày ruộng ở núi Phú Xuân.

* * *

Mùa hè dài, sông nước trong, hứng quê dồi dào;
 Trà, dưa, rau, cỏ, qua ngày chẳng bận bịu gì.
 Tiếng khánh chùa Hàm Long truyền đi bài kệ vàng,
 Tiếng hò chài ở cầu Bạch Hổ đáp lại tiếng hát người vớt củi.
 Mang chim [săn được] về núi, cánh buồm vào bến;
 Đánh được cá lên chợ, khách tranh nhau qua cầu.
 Đóng cửa không màng đến việc nhân gian,
 Quét đất đốt hương một mình hai buổi sớm chiều.

* * *

Luyện được đạo hay thấu đến tận rễ,
 Miếu đường sắm sửa hết cả thứ ngọc quý phiên dư.

Hội thơ mở ra câu mới truyền sách vở,
 Ván cờ bắt đầu diễn ra, dẹp việc nghỉ ngơi thông thả.
 Mắt pháp mờ đi trước khoảng không mênh mông,
 Rìa (râu mép) bạc sau hàng trúc càng thừa thớt.
 Thuyền đánh cá [chạy như] bay trên sông tới chợ Cầu,
 Mới được ăn cá với rau hoắc trên sông Hương.

* * *

Tre nước xanh rờn, mặt trời buổi sáng lên cao;
 Làng xóm bên sông tháng sáu đã mất hơi nóng thừa.
 Bên khe, ba gian nhà mây sạch sẽ;
 Ra biển, cánh buồm theo gió một đường đi yên lành.
 Rau dưa lần lữa mùi vị đầy đủ,
 Rổ rá [dần, sàng] tầm thường đậm đà tình quê.
 Nhà tu tiên vẫn còn lại một vài ván cờ tàn,
 Tiêu hết những năm tháng lánh ẩn của nhân gian.

Tạm dịch thơ:

Thập nhị đầu đà nhà sẵn phép,
 Dườn rừng bên bến kết hương già.
 Ưu đàm đêm ngủ trong sương ngát,
 Cự thắng mai ăn dưới ráng ngà.
 Quả núi hạt vàng rơi nóc mái,
 Cành tre lá ngọc lả song sa.
 Chớ hiềm đãi khách sơ sài thế,
 Thỉnh thoảng ngư đồng gọi đổi trà.

* * *

Cây mây xơ xác bóng hoa trùng,
 Đình nhỏ bên khe dựa cội tùng.
 Hiên nước cá tham mà vẩy vẩy,
 Rừng hương hươu định để nuôi nhung.
 Vụ mùa vườn quả dâng cay đắng,
 Chiều muộn hoa bình cúng trắng hồng.
 Trời tối sông tro không khách tới,
 Trong mưa sấm động nổ mặng rông.

* * *

Sông lạnh đầy trời nhấp nhánh sao,
 Khúc tiêu ly biệt thổi nao nao.
 Gió mưa thuyền nhỏ vành chum hiện,
 Sách vở vách đầy giấc mộng sao.
 Giữ vững như rùa che sáu cánh,
 Rắn nghiêm tựa nhận ruỗi hai tao.
 Hội thơ bỗng nhớ bao người cũ,
 Cầm bút còn ai giữ được nào.

* * *

Gà gáy trên cây mỗi sáng ngày,
 Từ mai đến tối cứ ngồi ngay.
 Thương mình giấc bướm mơ vừa tỉnh,
 Cười nó sức mòng việc lớn vay.
 Vách sáng hoa bay miền tự tính,
 Thềm vang trái rụng cõi trì chay.
 Núi chuông từ đấy xa nhân thế,
 Đám ruộng xuân thu cỏ với cây.

* * *

Chim nước kêu rồi chuông đóng canh,
 Dậy thấy Ngân Hà cạnh Ngọc Hành.
 Nghiên đá mát thơm hoa chậu thắm,
 Bàn cờ xao động lá song xanh.
 Nước trong vốc được như dây cuốn,
 Rau nộm ăn chay với cúc anh.
 Cây đá nướng thân nơi tốt nhất,
 Phú Xuân cày ruộng áo tươi lành.

* * *

Hè tới sông trong quê hứng nhiều,
 Trà dưa rau cỏ sống cô liêu.
 Hàm Long khánh điểm truyền câu kệ,
 Bạch Hồ chài ca đáp tiếng tiêu.
 Chim quẫy về non, thuyền tới bến;
 Cá mang vào chợ, khách tranh kiêu.

Chuyện đời đóng cửa không màng đến,
Quét đất thiêu hương sớm lại chiều.

* * *

Đàn lễ làm xong chay bát độ,
Cúng dường tập nập ngọc vàng đưa.
Hội khai câu mới truyền thơ đẹp,
Ván đánh cờ đầu bãi nghỉ trưa.
Mắt pháp đã mờ trông chệnh choáng,
Hàm râu vừa bạc mọc lứa thừa.
Chợ Cầu thuyền cá theo nhau tới,
Cá diếc Sông Hương mới được ưa.

* * *

Tre nước xanh rờn ác sớm lên,
Xóm sông tháng sáu nóng vơi liền.
Nhà mây bên suối ba gian tịnh,
Buồm gió ra khơi một lối yên.
Lần lửa rau dưa mùi vị đủ,
Tầm thường rõ rá thú quê quen.
Tiêu dần ngày tháng quên nhân thế,
Mấy ván cờ tàn ở cõi tiên.

BÀI SỐ 58

夏至

Hạ chí

曲徑臨湖細草芰
深居門戶沒機緘
五莢初熟朝登豆
半夏方生晚試鑱
柱礎濕餘添暑溽
江村雨後失潮鹹
滿林啼鴉催詩思
快似并刀乍出函

*Khúc kính lâm hồ tế thảo sam,
Thâm cư môn hộ một cơ giam.
Ngũ lãng sơ thực triều đăng đậu,
Bán hạ phương sinh vãn thí sàm.
Trụ sở thấp dư thiêm thử nhục,
Giang thôn vũ hậu thất triều hàm.
Mãn lâm đề quyết thôi thi tứ,
Khoái tị tính đao sạ xuất hàm.*

Dịch nghĩa:

Tiết hạ chí

Con đường quanh co ra đến hồ, cỏ mọc mượt mà;
 Ở mãi trong nhà, mất cả mọi thời cơ.
 Ngũ lãg mới chín, buổi sớm lên đậu;
 Nửa mùa hè vừa sinh, buổi chiều thử cuốc (xẻng).
 Nhà cửa đã ướt át nay thêm nóng và ẩm,
 Xóm bên sông sau khi mưa, lại bị nước triều nhiễm mặn.
 Đầy rừng, chim đề quyết giục già tứ thơ;
 Sắc sảo nhanh chóng như dao gươm ra khỏi vỏ.

Tạm dịch thơ:

Đường lượn ra ao đầy cỏ mượt,
 Trong nhà ở mãi vận cơ sai.
 Đầu mùa mới chín mai lên đậu,
 Giữa hạ vừa sinh tối thử mai.
 Trụ sở ướt rồi thêm nóng ẩm,
 Giang thôn mưa tạnh lại hàm quai.
 Đầy rừng đề quyết cho thi tứ,
 Sắc tựa dao cau mới lấy mài.

BÀI SỐ 59-66

江村夏日寄一二知己八首

Giang thôn hạ nhật ký nhất nhị tri kỷ bát thủ

曾聞閣下獨生麻	Tằng văn các hạ độc sinh ma,
溫似水條艷吐葩	Ôn tự thủy điều diễm thổ ba.
別墅琴樽饒勝賞	Biệt thự cầm tôn nhiều thắng thưởng,
故山泉石足清華	Cố sơn tuyền thạch túc thanh hoa.
而孫何必移王屋	Nhi tôn hà tất di vương ốc,
臣子徒勞望帝車	Thần tử đồ lao vọng đế xa.
樗散即今同棄置	Sư ⁽¹⁾ tán tức kim đồng khí trí,

⁽¹⁾ Sư: một loài cây lớn nhưng gỗ xốp, không thể dùng làm gì cả, cũng như cây lịch. Vì vậy, người ta dùng từ *lịch* sư hay *lịch* để chỉ kẻ hèn kém vô dụng.

未妨共種邵平瓜
(沙岩墨癡子)

Vị phương cộng chủng Thiệu Bình qua.⁽¹⁾
(*Sa Nham Mặc Si Tử*).⁽²⁾

Dịch nghĩa:

Ngày hè ở xóm sông, gởi cho một vài tri kỷ (tám bài)

1. [Gởi cho] Sa Nham Mặc Si Tử

Tùng nghe dưới gác chỉ có một loài cây gai mọc,
Mềm mại êm ái như cảnh băng đẹp để nhả hoa.
Đàn và rượu trong ngôi nhà riêng rất nhiều vui thú,
Suối và đá nơi núi cũ đầy đủ hoa tươi.
Con cháu cần gì phải dời đến vương phủ,
Bề tôi chớ nhọc lòng mong mỗi xe hoàng đế.
Cây xư (sư) vô dụng đến nay cùn bị bỏ đi,
Chưa có hại gì khi cùng trồng với cây dưa của Thiệu Bình.

Tạm dịch thơ:

Trồng gai dưới gác đã nghe qua,
Êm tựa cảnh băng đẹp nhả hoa.
Đàn rượu nhà riêng nhiều thú vị,
Đá khe núi cũ đủ thanh ba.
Cháu con đâu phải về vương ốc,
Tôi tớ màng chi đến đế xa.
Sư gỗ đến nay cùn vất bỏ,
Trồng cùng dưa Thiệu hại gì ta.

禪房蔓絕一陳無
經卷茶鐺旦復晡
寶龕爛堆紅餠飮
淨瓶香沁玉盤盂
半空返炤明簾押
百丈殘虹拂罽○

*Thiền phòng mạn tuyệt nhất trần vô,
Kinh quyển trà sanh đán phục bồ.
Bảo khám lạn đôi hồng đậu đỉnh,⁽³⁾
Tĩnh bình hương thấm ngọc bàn vu.
Bán không phản chiếu minh liêm áp,
Bách trượng tàn hồng phát kế lâu.⁽⁴⁾*

⁽¹⁾ Thiệu Bình qua: cây dưa của Thiệu Bình. Chưa tra khảo được điển tích.

⁽²⁾ Những tri kỷ của tác giả hầu hết chúng tôi không được biết, nên xin miễn chú thích.

⁽³⁾ Đậu đỉnh: Theo sách *Thông nhĩ ẩm thực*, đậu đỉnh là loại bánh ngũ sắc xếp trong hộp thành chồng đặt trước bàn tiệc. Cũng chỉ văn chương chấp vá.

⁽⁴⁾ Chữ trong vòng tròn là chữ LÂU, gồm: 婁 + 毛.

寄語江西山谷道 *Ký ngữ giang tây sơn cốc đạo,*
 社中二十五人俱 *Xã trung nhị thập ngũ nhân câu.*
 (波羅密字圓覺大師) *(Ba La Mật tự Viên Giác đại sư).⁽¹⁾*

Dịch nghĩa:

2. [Gởi cho] Đại sư Viên Giác chùa Ba La Mật

Phòng thiền sạch sẽ một mảy bụi cũng không có,
 Sách kinh và chén trà từ sáng sớm đến trưa.
 Trên khám báu sáng rực những hộp bánh chồng màu hồng,
 Bình nước sạch mùi thơm tỏa đến các đĩa chén bát nhang.
 Ánh nắng lưng trời dội xuống rèm hắt sáng vào,
 Móng cầu trăm trượng tàn phát trên chiếc thảm lông.
 Xin gởi lời nhắn tới đường hang núi ở phía tây sông,
 Cùng với hai mươi lăm người trong hội [thơ?].

Tạm dịch thơ:

Sạch sẽ phòng thiền mảy bụi không,
 Sớm trưa kinh kệ với trà bông.
 Bánh bày khám báu từng chồng thắm,
 Hoa cắm bình thơm chén bát nồng.
 Ánh nắng lưng trời soi cửa sáng,
 Móng cầu trăm trượng phát màn lông.
 Sông tây xin nhắn đường hốc núi,
 Trong hội hai mươi lăm lẻ ông.

百尺飛樓四望開 *Bách xích phi lâu tứ vọng khai,*
 倚欄無語思悠哉 *Ỡ lan vô ngữ tư du tai.*
 嶺頭散彩飛虹斷 *Lĩnh đầu tán thể phi hồng đoạn,*
 水面成紋小雨纔 *Thủy diện thành văn tiểu vũ tài.*

⁽¹⁾ Viên Giác đại sư: vị sư trú trì chùa Ba La Mật. Viên Giác đại sư thế danh Nguyễn Khoa Luận (1834-1900), thuộc đời thứ chín họ Nguyễn Khoa, một họ có truyền thống lâu đời và nổi tiếng ở xứ Huế. Năm 1861, với chân giám sinh Quốc Tử Giám, ông đỗ cử nhân khoa Tân Dậu, Tự Đức 14, làm đến chức Bố chánh tỉnh Quảng Ngãi. Khi nghe tin vua Hàm Nghi ra chiến khu Hà Tĩnh và ban chiếu Cần Vương (1885), ông treo ấn từ quan, cắt tóc quy y với hòa thượng Hải Thiệu chùa Từ Hiếu. Phu nhân là Thanh Trát Từ Thiện Tôn Nữ Thị Tư (1839-1899) dựng ngôi chùa Ba La Mật để sư tu hành. Năm Canh Tý (1900), đại sư lâm bệnh, truyền y bát cho đệ tử Viên Thành, rồi thị tịch ngày 27 tháng Sáu năm Canh Tý, Thành Thái 12 (23/7/1900).

Dich nigha:

Dưới ánh trăng, lá tràng hạt mây phen ngói thien đình.
Nghe tiếng chuông, chợt nhớ đến nhữnng câu thơ trong sàg;
Hình gắm ở ghề đê vè cây mai lưn thưn.
Chữ nưi ở bình phong bảng vãi cò hánh từc mực bao dươn,
Tiên mấi nưc, con mưn nhỏ nưn cón ghi qđm àn.
Đám nưi còi mòng cãm vông nưn mưn tơn tạc,
Tưn vảo lơn cãn chấnng nòi gí, ỳ từ báy đổng xỏ.
Tiên lĩm cảo tấn thừc, tồng tĩn bõn đé tọng tĩn;

Tam dich tho:

Bê lê ⁽⁴⁾ công táỉ cách hân γ.	禾干鬲殊工燕韓
Đa lã ⁽³⁾ xảo chẻ giá trắn phiền ⁽²⁾ .	鼠麴齧鑊兀羅多
Zor song tính nhậi khân γ uy. ⁽¹⁾	○○養日靑窗山
Qua giá xâm thiếm đậu giáp phỉ ⁽¹⁾	呬莢豆鬱曼采瓜

[illegible]

盛世箭芝誇並畜	<i>Thịnh thế tiễn chi khoa tịnh súc,</i>
君家跼萼正連輝	<i>Quân gia phu ngạc chính liên huy.</i>
山中能作知音客	<i>Sơn trung năng tác tri âm khách,</i>
爲我攜琴試一揮	<i>Vì ngã huê cầm thí nhất huy.</i>
(定慧道人)	(Định Huệ đạo nhân).

Dịch nghĩa: **4. [Gởi cho] Định Huệ đạo nhân**

Dàn đưa phủ đến thêm nhà, hạt đậu mập mập,
 Ngày tạnh ráo, nhìn qua cửa sổ trên núi xem sâu đùn đất
 Lá cây đa la chế tạo khéo léo làm quạt che bụi,
 Cỏ bẹ lẹ trông công phu để làm áo ngăn mồ hôi.
 Có tiễn chi được thời khoe mình được chăm sóc,
 Đài hoa nhà bạn đứng lúc nở rục rở.
 Trong núi, ông có thể làm người khách tri âm của ta,
 Vì ta mà đem đàn đến gảy một phen.

Tạm dịch thơ:

Dàn đưa đậu tốt phủ hiên nhà,
 Song tạnh xem sâu sủi đất ra.
 Áo mát thì trông cây bẹ lẹ,
 Quạt trần ắt chế lá đa la.
 Tiễn chi lúc thịnh khoe chăm bón,
 Hoa nhụy nhà anh nở sáng lò.
 Trong núi tri âm ta có bác,
 Vì ta xin tấu một bài ca.

新浴身輕似野翬	<i>Tân dục thân khinh tự dã huy,</i>
岸巾支笏傍書幃	<i>Ngạn cân chi hốt bàng thư vi.</i>
三閭傷楚朝餐菊	<i>Tam Lư thương Sở triều xan cúc,⁽¹⁾</i>
孤竹懷殷暮採薇	<i>Cô Trúc⁽²⁾ hoài Ân mộ thái vi.</i>
雙壁自怜甘鏹采	<i>Song bích⁽³⁾ tự linh cam sản thể,</i>

(1) Tam Lư xan cúc: Tam Lư tức nhà thơ Khuất Nguyên nước Sở. Trong bài *Ly tao* sáng tác thời kỳ bị lưu đày, ông viết: 老冉冉其將至兮恐脩名之不立 / 朝飲木蘭之墜露兮夕餐秋菊之落英 *Lão nhiễm nhiễm kỳ tương chí hể, khủng tu danh chi bất lập / Triều ẩm mộc lan chi trụ lộ hể, tịch xan thu cúc chi lạc anh* (Đào Duy Anh dịch: Già sòng sọc sắp đến a, sợ danh hay chưa dựng được / Sớm uống nước rót ở cây mộc lan a, tối ăn nhụy non của hoa cúc).

(2) Cô Trúc: xem chú thích Di Tề bài số 48: Tịch cốc.

(3) Song bích: chưa rõ ý nghĩa.

二離猶強逞揚暉
 沉思古訓應緘口
 一串菩提凜佩韋
 (洪益)

*Nhị ly⁽¹⁾ do cường sinh dương huy.
 Trầm tư cổ huấn ứng giam khẩu,
 Nhất quán bồ đề lẫm bội vi.
 (Hong Ích).*

Dịch nghĩa:

5. [Gởi cho] Hồng Ích

Mới tắm xong, thân thể nhẹ như lông trĩ đồng;
 Khăn đội đầu, hốt cầm tay bên cạnh màn sách.
 Ông Tam Lư [Khuất Nguyên] thương nước Sở, sớm ăn cúc;
 Người Cô Trúc [Di Tề] nhớ nhà Ân, hái rau vi.
 “Song bích” tự thương mình đành lánh ẩn,
 “Nhị ly” còn gắng gượng tỏ tài minh.
 Nghĩ ngợi sâu xa lời dạy xưa nên kín miệng,
 Một chuỗi hạt bồ đề cầm chặt bên mình.

Tạm dịch thơ:

Mới tắm mình như lông trĩ nhẹ,
 Đội khăn cầm hốt tựa thư vi.
 Tam Lư xót Sở mai ăn cúc,
 Cô Trúc hoài Ân tối hái rau.
 “Song bích” thương mình về ẩn quách,
 “Nhị ly” gắng sức tỏ tài chi.
 Lời xưa ngẫm kỹ nên im miệng,
 Chuỗi hạt bồ đề chẳng bỏ đi.

金經卸誦倚重檐
 鄰寺鳴鐘夕課嚴
 三尺清風輕入幕
 一鉤明月淨窺簾
 漫天星斗分棋局
 匝院池塘劃鏡奩
 憶殺吾家陳仲子

*Kim kinh tá tụng y trọng thiềm,
 Lân tự minh chung tịch khóa nghiêm.
 Tam xích thanh phong khinh nhập mạc,
 Nhất câu minh nguyệt tịnh khuy liêm.
 Mạn thiên tinh đấu phân kỳ cục,
 Táp viện trì đường hoạch kính liêm.
 Ưc sát ngô gia Trần Trọng tử,*

⁽¹⁾ Nhị ly: hai điều lia bỏ được. Sách *Nghĩa sở lục tiếp*, quyển 1. Phật địa luận: “Đức Phật có đủ nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, lia được hai chương phiên não và sở trí” (TĐPHHV, tr. 894).

於陵半李恐傷廉
(圓成寶林)

Ư lãng bán lý khủng thương liêm.
(Viên Thành Bửu Lâm).

Dịch nghĩa:

6. [Gởi cho] Viên Thành Bửu Lâm

Tụng hết kinh Kim cương, đứng tựa dưới mái hiên dài;
Chùa bên cạnh vang tiếng chuông, khóa lễ chiều nghiêm túc.
Ba thước gió nhẹ thổi vào màn,
Một mảnh trăng khuyết sáng dòm vào rèm.
Khắp trời sao bày như bàn cờ,
Xung quanh viện, ao nước như hộp gương.
Nhớ tha thiết ông Trần Trọng nhà ta.
Nửa gói của cải e hại đến sự thanh liêm.

Tạm dịch thơ:

Kim kinh tụng hết tựa bên thềm,
Chùa cạnh chuông vang khóa lễ đêm.
Làn gió hây hây lay động trướng,
Móc trăng vằng vặc dọi qua rèm.
Đầy trời dăng mắc muôn sao sáng,
Quanh viện long lanh ánh nước êm.
Nhớ bấy nhà ta Trần Trọng tử,
Ôm nghèo e hại tiếng thanh liêm.

一痕新月淡仙蛾
西望秦都表○河
招飲江頭辭子晉
鬻歌市上謝韓娥
同僚燕暇誇懸印
後進蟬聯說賜靴
涼夜倚欄誰是伴
草堂課罷聽經鵝
(藍亭)

*Nhất ngân tân nguyệt đạm tiên nga,
Tây vọng Tần đô biểu Khiển⁽¹⁾ Hà.⁽²⁾
Chiêu ẩm giang đầu Từ Tử Tấn,
Dục ca thị thượng Tạ Hàn Nga.
Đồng liêu yến hạ khoa huyền ấn,
Hậu tiến thiên liên thuyết tứ ngoa.
Lương dạ ỷ lan thù thị bạn,
Thảo đường khóa bãi thánh kinh nga.
(Lam Đình).*

⁽¹⁾ Chữ trong vòng tròn gồm chữ: 𠂔 + 升, có thể đọc KHIỂN hay NGHIÊN.

⁽²⁾ Khiển Hà: chính âm Khiên Hà, tức Khiên Dương Hà, tên một con sông ở kinh đô nhà Tần xưa, nay ở tỉnh Thiểm Tây; ngọn núi ở đây cũng tên Khiên Dương Sơn.

Dịch nghĩa:

7. [Gởi cho] Lam Đình

Một vành trăng mới thanh đậm như nàng tiên,
 Trông về phía tây là kinh đô nhà Tần, sông Khiển Dương nổi bật.
 Đầu sông, Từ Tử Tấn mời uống rượu;
 Trên chợ, Tạ Hàn Nga hát rong.
 Những bạn cùng làm quan thông thả dự tiệc khoe treo ấn,
 Những kẻ tiếp bước về sau nói về việc được ban ủng.
 Đêm mát trời, tựa lan can, ai là bạn;
 Ở nhà cỏ, khóa tụng xong, nghe ngỗng kêu.

Tạm dịch thơ:

Một vành trăng mới nhạt tiên nga,
 Tây ngóng Tần đô thấy Khiển Hà.
 Mời rượu đầu sông Từ Tử Tấn,
 Ca rong trên chợ Tạ Hàn Nga.
 Đồng liêu rảnh tiệc khoe treo ấn,
 Hậu tiến đua nhau nói tứ ngoa.
 Đêm mát tựa lan ai bạn nhĩ,
 Thảo đường khóa dứt ngỗng kêu xa.

故山無恙水雲寬	<i>Cố sơn vô dạng thủy vân khoan,</i>
結制年年築此壇	<i>Kết chế niên niên trúc thử đàn.</i>
十二碧城十二閣	<i>Thập nhị bích thành thập nhị các,</i>
七重行樹七重欄	<i>Thất trùng hàng thụ thất trùng lan.</i>
空臺苦竹涼陰薄	<i>Không đài khổ trúc lương âm bạc,</i>
老石頑苔夕炤寒	<i>Lão thạch ngoan đài tịch chiếu hàn.</i>
不遠虎溪頻枉駕	<i>Bất viễn Hồ Khê tần uổng giá,</i>
淨修元亮笑談闌	<i>Tĩnh tu Nguyên Lượng tiếu đàm lan.</i>
(竹川)	<i>(Trúc Xuyên).</i>

Dịch nghĩa:

8. [Gởi cho] Trúc Xuyên

Núi cũ mịt mù, mây nước mênh mang;
 Năm năm chế tạo, đắp nên cái đàn này.

Mười hai thành ngọc, mười hai tòa gác;
 Bảy lớp hàng cây, bảy lớp lan can.
 Đài không trúc gầy, bóng mát nhật nhòa;
 Đá cổ rêu dày, nắng chiều lạnh lẽo.
 Không xa Hồ Khê, nhiều lần mất công đến;
 Ông Nguyên Lượng thôi cười về việc tịnh tu.

Tạm dịch thơ:

Núi cũ đâu đây mây nước tràn,
 Bao năm quần quật đắp nên đàn.
 Mười hai thành ngọc mười hai gác,
 Bảy lớp hàng cây bảy lớp lan.
 Đài quanh trúc gầy màu tối nhạt,
 Đá xưa rêu nhạt nắng chiều tàn.
 Hồ Khê gần gũi nhiều phen tới,
 Nguyên Lượng cười chi phép tịnh quan.

BÀI SỐ 67-72

感憶六首

Cảm ức lục thủ

却馬剛逢喜駕轅
 瑞禾先應太平園
 舜廷虎豹稱元凱
 堯陞夔龍作拊言
 皦皦太都聞戶誦
 熙熙親自睹衢尊
 予遺誰料如今日
 獨媿黃兒不自蕃

*Khước mã cương phùng hỷ giá viên,
 Thụy hòa tiên ứng thái bình viên.
 Thuần đình hổ báo xưng nguyên khái,⁽¹⁾
 Nghiêu bệ Quỳ Long tác phủ ngôn.⁽²⁾
 Hạo hạo thái đô văn hộ tụng,
 Hi hi thân tự đồ⁽³⁾ cù tôn.
 Kiết di thùy liệu như kim nhật,
 Độc quý hoàng nhi bất tự phiên.*

* * *

* * *

⁽¹⁾ Hồ báo, nguyên khái: Có lẽ tác giả nhầm, về này phải là Nghiêu đình, về dưới phải là Thuần bệ mới đúng. Theo Sử ký, thời vua Nghiêu có tám người tài giỏi, gọi là “bát khái”. Ý nói thời thịnh vượng, đến cạp beo cũng trở nên hiền lành ngoan ngoãn (Khải nghĩa chính là vui vẻ, hòa dịu, cũng có nghĩa là gió nam, như *Thi kinh*, phần *Quốc phong*, mục *Bội phong*, thiên *Khải phong*: “凱風自南 / 吹彼棘心 *Khải phong tự nam / Xuy bỉ cửc tâm*” (Gió nam thổi tới / Vào bụi gai kia).

⁽²⁾ Quỳ Long: tên hai ông quan giỏi của vua Thuần. “Phủ ngôn” là “phủ thạch” và “nạp ngôn”, hai chức năng của quan lại thời phong kiến, nguồn gốc của lễ nhạc và ngự sử. Xem thêm *Thư kinh*, phần *Thuần điển*.

⁽³⁾ Chữ này nguyên viết 者 GIẢ + 見 KIẾN, là chữ tự chế, không có.

寸心爭得不成灰
往事如山夢裡摧
日落烏衣懷謝阮
雲迷鹿砦憶王裴
愁添螢火兼風度
恨惹蛙聲帶雨來
最是定中人兀坐
靜如入蔡夜銜枚

* * *

聞雞苦憶孟嘗君
世事如棋局已分
誰謂版圖全屬漢
喜看祭器尚存殷
何期老衲聆天語
詎料黃冠惹御薰
三載廟堂歸去後
周家禮樂尚云云

* * *

破觚誰復肯爲圓
才薄誠難可濟艱
惹恨雲烟空僻易
炤愁星斗更爛編
心空月襯袈裟角

*Thôn tâm tranh đắc bất thành hôi,
Vãng sự như sơn mộng lý thôi.
Nhật lạc Ô Y⁽¹⁾ hoài Tạ Nguyễn,
Vân mê Lộc Trại⁽²⁾ ức Vương Bui.
Sầu thêm huỳnh hỏa kiêm phong độ,
Hận nhạ oa thanh đài vũ lai.
Tối thị định trung nhân ngọt tọa,
Tĩnh như nhập Thái dạ hàm mai.*

* * *

*Văn kê khổ ức Mạnh Thường Quân,⁽³⁾
Thế sự như kỳ cục dĩ phân.
Thùy vị bản đồ toàn thuộc Hán,
Hy khan tế khí thượng tồn Ân.⁽⁴⁾
Hà kỳ lão nạp linh thiên ngữ,
Cự liệu hoàng quan nhạ ngự huân.
Tam tái miếu đường quy khứ hậu,
Chu gia lễ nhạc thượng vân vân.*

* * *

*Phá cô thùy phục khắng vi hoàn,
Tài bạc thành nan khả tế gian.
Nhạ hận vân yên không tích dịch,
Chiêu sầu tinh đầu cánh lan ban.
Tâm không nguyệt sấn cà sa giác,*

(1) Ô Y: tức Ô Y hạng (ngõ Áo Đen), tên một đường cổ ở phía đông nam trong thành Kim Lăng (Nam Kinh), nay vẫn còn tên. Thời Tấn, hai họ Vương (Vương Đạo và các con Vương Hy Chi, Vương Hiến Chi), Tạ (anh em Tạ Dịch, Tạ An, con Tạ Dịch là Tạ Huyền) rất oai quyền, giàu sang tột đỉnh, có dinh thự ở nơi này, người nhà đều mặc áo đen, nên mới có tên như thế.

(2) Lộc Trại: trại hươu, tên nơi nhà ở của Vương Duy, tại Vĩng Xuyên Trang. Ông vừa làm quan, vừa ở ẩn.

(3) Mạnh Thường Quân: người nước Tề thời Chiến Quốc, dòng tôn thất, họ Điền tên Văn, được phong tước Mạnh Thường Quân. Ông tính hào phóng, hiếu khách, trong dinh luôn có hàng mấy nghìn người, chia thành từng loại để chu cấp thực đơn. Ông được vua Tần đón rước làm Tướng quốc, sau có kẻ dèm chê, bị vua giam lỏng, nhờ có mưu kế của vài thực khách trung kiên mà ông trốn về được áp Tiết yên lành. (Thời này có ba ông đều nổi tiếng ngang nhau, hai người kia là Tín Lăng Quân Ngụy Vô Kỵ, Bình Nguyên Quân Triệu Thắng).

(4) Tồn Ân: nhà Ân là giai đoạn cuối của nhà Thương. Năm Canh Tý (1401 TCN), vua Bàn Canh dời đô đến đất Bạc, đổi quốc hiệu là Ân; đến vua Trụ, tên Thọ Tân thì bị diệt, năm Kỷ Mão (1122 TCN). Tây bá Phát lập nên nhà Chu, nhưng vẫn cho con cháu nhà Thương Ân cúng tế tại tông miếu như cũ. Đây có lẽ tác giả muốn nói đất nước tuy bị Pháp chiếm, nhưng nhà Nguyễn vẫn còn giữ được việc cúng tế tổ tiên.

事往風敲錫杖鐶
寄語鳳毛麟趾客
是何足足是般般

* * *

滿船烟月譜瑩篴
一擲千金換白裘
花艷詩奢春射覆
燈紅酒綠夜藏鉤
功名局上虛蕉鹿
聲利場中費棘猴
喚醒夢蹤鐘空後
沉思往事總空浮

* * *

耿耿虎視繼周興
殆鳳冥鴻合避矰
蜀犬漫勞爭吠日
夏虫遑復哂凝冰
一朝雷雨分龍鯉

Sự vắng phong xao tích trượng hoàn.
Ký ngữ phụng mao⁽¹⁾ lân chỉ⁽²⁾ khách,
Thị hà túc túc thị ban ban.

* * *

Mãn thuyền yên nguyệt phổ không hầu,⁽³⁾
Nhất trịch thiên kim hoán bạch cừ.
Hoa diễm thi xa xuân xạ phúc,⁽⁴⁾
Đăng hồng tửu lục dạ tàng câu.⁽⁵⁾
Công danh cục thượng hư蕉鹿,
Thanh lợi trường trung phí cực hầu.
Hoán tỉnh mộng tung chung không hậu.
Trầm tư vắng sự tổng không phù.

* * *

Đam đam hổ thị⁽⁶⁾ kẻ Chu hưng,
Đãi phụng minh hồng hợp tỵ tăng.
Thục khuyến⁽⁷⁾ mạn lao tranh phệ nhật,
Hạ trùng hoàng phục sản nghi băng.
Nhất triều lôi vũ phân long lý,

- (1) Phụng mao: lông chim phụng. Chỉ dòng dõi vua chúa, sau dùng rộng ra chỉ con cháu các gia đình quyền quý. Các nhà quyền quý thường dùng những thành ngữ như Phụng mao tế mỹ, Tế tế phụng mao để khắc biển hoành treo ở nhà thờ.
- (2) Lân chỉ: ngón chân con lân. Chỉ dòng dõi nhân hậu. Xem thêm: Khổng Tử, *Kinh Thi*, bản dịch Tạ Quang Phát, quyển I, Nxb Văn học, Hà Nội, 2007, tr. 68-70.
- (3) Không hầu: loại đàn cổ có 25 dây.
- (4) Xạ phúc: một loại trò chơi, nhưng không rõ như thế nào.
- (5) Tàng câu: tác giả viết 藏鉤, đúng ra phải là 藏鬪 *tàng cưu*. Chữ này viết chữ “龜 quy” trong bộ “鬥 đấu”, *Khang Hy tự điển* dẫn các vận thư phiên thiết là 居求切 *Cư cầu thiết* (Quảng vận), 居虬切並音鳩 *Cư cầu thiết, tịnh âm cưu* (Tập vận), tức phải đọc “cưu”, Hứa Thận (*Thuyết văn giải tự*) giải thích “*cưu là lấy*” (鬪取也 *Cưu thủ dã*), sách Ngọc thiên giảng “dùng tay mà lấy” (手取也 *Thủ thủ dã*). Như vậy, đây là một trò chơi thời cổ, một người cất giấu cái gì đó (không phải cái móc câu), rồi những người khác tìm mà lấy được, là thắng cuộc.
- (6) Đam đam hổ thị: *Kinh Dịch*, quẻ Di, hào Lục tứ: 顛頤吉虎視眈眈其欲逐无咎 *Điên di, cát. Hổ thị đam đam, kỳ dục trục trục. Vô cửu* (Đảo lộn cách nuôi mà tốt. Hổ nhìn hau háu, ham muốn liên liên. Không lỗi). Ý nói người trên tương đắc với người dưới, tuy phải vị diện đảo, nhưng coi trọng đạo nghĩa nên không có lỗi, tuy nhiên cần phải chuyên nhất như hổ nhìn mỗi chực vồ mới được.
- (7) Thục khuyến: chó đất Thục. Thục nguyên là tên một nước nhỏ do hai vua Tàm Tùng và Ngự Phù thành lập, vua cuối cùng là Vọng Đế, tên Đỗ Vũ, bị nước Tần kiêm tính cùng với nước Ba, lập thành quận Ba Thục, nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. Xứ này quanh năm sương mù dày đặc, không thể thấy mặt trời, mặt trăng, nên mỗi lần thấy được, chó tưởng có kẻ lạ đột nhập, ngóng mồm lên sủa, nên có câu tục ngữ: “蜀吠吠日 Thục khuyến phệ nhật” (hay “吠月 phệ nguyệt”).

數仞蓬蒿絕鸚鵡
無復山公傳啓事
秘書何必說郎丞

*Sổ nhận bông hao⁽¹⁾ tuyệt án bằng.
Vô phục Sơn Công truyền khai sự,
Bí thư hà tất thuyết lang thăng.*

Dịch nghĩa:

Cảm nhớ (6 bài)

Con ngựa mạnh cứng mừng được kéo xe quân,
Lúa tốt đẹp trước hết ứng với khu vườn thái bình.
Giữa sân vua Thuần, hồ báo xưng “nguyên khai”,
Trên bệ vua Nghiêu, ông Quý ông Long làm “phủ ngôn”.
Ở chốn đô thành rạng rỡ, nghe nhà nhà ca tụng;
Trong hàng bà con thân thiết, kính người già khi đi đường.
Ai biết được đến ngày hôm nay,
Riêng thẹn là một đứa con nhỏ không giúp được gì [cho nhà vua].

* * *

Tác lòng tranh giành cho được chẳng thành tro,
Việc đã qua như núi xô đẩy trong giấc mộng.
Mặt trời lặn ở xóm Ô Y, nhớ đến họ Tạ, họ Nguyễn;
Mây che mờ Lộc Trại, nhớ họ Vương, họ Bùi.
Buồn thêm những con đom đóm cùng gió bay qua,
Giận nghe tiếng ếch kêu theo cơn mưa đến.
Nhất là người ngồi ngay trong khi thiên định,
Yên lặng vào nước Thái, đêm ngâm mai.

* * *

Nghe gà gáy, nhớ đến Mạnh Thường Quân;
Việc đời như cuộc cờ đã phân rõ [hơn thua].
Ai bảo bản đồ đã thuộc cả về Hán,
Mừng thấy đồ cúng tế vẫn còn nhà Ân.
Bao giờ sãi già này được nghe lời nói của trời [vua],
Tưởng đến lúc mũ vàng được xông hương ngự.

⁽¹⁾ Bông hao: hai loài cỏ. Bông là cỏ không rễ, bay lẩn theo gió trên mặt cát, chỉ đời người lang thang hay sự thấp hèn. Hao ta còn gọi là cỏ ngải, bay cao và xa hơn, chỉ người có chí lớn, nhìn xa trông rộng. *Nam hoa kinh*: 蒿目而憂世之患 *Hao mục nhi ưu thế chi hoạn* (Mắt trông xa mà lo những hoạn nạn của đời).

Ba năm sau khi miếu đường mất đi,
 Tại nhà vẫn còn theo lễ nhạc nhà Chu.

* * *

Cái chén đã vỡ, ai gắn lại hoàn toàn như cũ được;
 Tài mọn thật sự không thể cứu vãn cảnh khó khăn.
 Mang hận mây khói vẫn lững lờ trôi,
 Dội sầu sao trời lại càng sáng rực rỡ.
 Lòng trống trải, trắng nhuộm tà áo cà sa;
 Việc qua rồi, gió thổi động vào cây gậy thếp.
 Gởi lời cho những khách “lông phượng gót lân”,
 Cây gì giàu có với cao sang.

* * *

Một thuyền đầy khói và trắng với bản đàn không hầu,
 Ném ra ngàn vàng để đổi lấy chiếc áo cầu trắng.
 Hoa đẹp thơ nồng, chơi trò “xạ phúc” mùa xuân;
 Đèn hồng rượu lục, chơi trò tàng câu buổi tối.
 Trên cuộc công danh chẳng qua là hư ảo như con hươu lá chuối,
 Trong trường thanh lợi hao phí như loài khỉ gai.
 Sau khi chuông vang lên gọi tỉnh giấc mộng,
 Nghĩ kỹ lại thấy việc đã qua đều là chẳng có gì cả.

* * *

Hồ nhìn hau háu tiếp đến nhà Chu nổi lên,
 Phụng mồn mồi, hồng mịt mờ cùng tránh tên bắn.
 Chó đất Thục nhọc nhằn tranh nhau sữa mặt trời,
 Dế mùa hè lại vội cười ngờ băng rơi.
 Một sớm sấm sét và mưa rơi phân biệt rồng và cá chép,
 Mây nhận cỏ bông cỏ hao dứt chim cút và chim bằng.
 Không có lại Sơn Công truyền việc mở núi,
 Chúc bí thư cần gì phải nói đến hạng lang thừa.

Tạm dịch thơ:

Ngựa mạnh xe quân mừng được kéo,
 Thái bình điền tốt lúa đầy thôn.

Sân Nghiêu hồ báo thành “nguyên khai”,
Bệ Thuần Quỷ Long lập “phủ ngôn”.
Nhà cửa trong thành lời tụng vãng,
Bà con ngoài ngõ bậc già tôn.
Nào ai biết được con vua chúa,
Chẳng chút công lao với nước non.

* * *

Tắc lòng tranh đoạt chẳng hề nguôi,
Chuyện cũ như mơ đầy núi đồi.
Ác lặn Ô Y mong Tạ Nguyên,
Mây mờ Lộc Trại nhớ Vương Bùi.
Đóm bay cùng gió buồn thêm thắm,
Ếch ộp theo mưa giận lại sôi.
Thiên định một người ngồi sừng đó,
Lặng yên vào Thái ngậm tằm rồi.

* * *

Nghe gà chột nhớ Mạnh Thường Quân,
Thế sự như cờ đã định phân.
Ai bảo bản đồ đà thuộc Hán,
Ta mừng tế khí vẫn còn Ân.
Bao giờ lão nạp nghe thiên ngữ,
Tuởng lúc mũ vàng xông ngực huân.
Miếu mạo ba năm thờ đã mất,
Nhà Chu lễ nhạc lại về dân.

* * *

Chén vỡ gấn lành ai khá toan,
Tài hèn không cứu được gian nan.
Khói mây mang hận trôi lơ lửng,
Sao đầu dâng sầu sáng chứa chan.
Lòng trống trắng soi tà áo nạp,
Việc qua gió thổi gậy thiền quan.
Xin nhắn cháu con nhà quý tộc,
Cậy gì giàu có với cao sang.

* * *

Một thuyền trắng khói, một không hầu;
 Vắt xuống nghìn vàng đôi bạch cầu.
 Hoa đẹp thơ nồng xuân “xạ phúc”,
 Đèn hồng rượu lục tối “tàng câu”.
 Công danh hư ảo như hơi chuối,
 Thanh lợi phí hoài tựa khi gai.
 Từ thừa chuông khua lay mộng tỉnh,
 Việc qua nghĩ kỹ chuyện không đâu.

* * *

Hổ nhìn hau háu tiếp Chu lên,
 Phụng mới hồng mờ tránh mũi tên.
 Chó Thục nhọc chi trông nắng sủa,
 Dế hè cười nổi ngỗ băng rơi.
 Cá rồng phân rõ sau mưa sấm,
 Bằng cú so ra bậc quý hèn.
 Không có Sơn Công truyền mở việc,
 Bí thư chẳng nói chuyện quan quèn.

BÀI SỐ 73-75

竹園三首

Trúc viên tam thủ

東窗閑試綠葡萄	<i>Đông song nhàn thí lục bô đào,</i>
露滴薔薇且引毫	<i>Lộ trích tường vi thả dẫn hào.</i>
看竹劇怜過母笋	<i>Khán trúc kịch linh qua mẫu duẩn,</i>
勸園偏厭抱娘蒿	<i>Sử viên thiên yếm bảo nương cao.</i>
庚申獨守欺彭質	<i>Canh Thân⁽¹⁾ độc thủ khi bành chất,</i>
甲子重推學大撓	<i>Giáp Tý⁽²⁾ trùng thôi học đại nao.</i>
計就十年惟樹木	<i>Kế tựu thập niên duy thụ mộc,</i>
插葵利小薄錐刀	<i>Sáp⁽³⁾ quỳ lợi tiểu bạc chùy đao.</i>

* * *

* * *

⁽¹⁾ Canh Thân: có lẽ là năm 1860, tác giả còn nhỏ, chỉ lo việc học tập.

⁽²⁾ Giáp Tý: có lẽ là năm 1864.

⁽³⁾ Chữ này, nguyên viết với bộ 木 MỘC, chúng tôi tra từ điển không thấy, nên tạm đổi sang chữ bộ 耂 THỦ.

移柳栽槐老愈勤
樹根攔阻斷龍筋
挂冠一自辭神武
奉檄何心作廣文
駕出松舟飛檣楫
卧看桂棟仰蘭芬
陳編家有三千軸
不惜窺園爲種芸

* * *

淨水朝供綠滿甌
瓶蓮可愛太嬌憨
午陰得意遮棋罫
暮色悲歌叩劍鐔
山果爛黃鞋下襯
野花鮮白鬢間鑽
林門寂莫無人到
遠害從教伴雀鷁

Dịch nghĩa:

Vườn trúc (ba bài)

Bên cửa sổ phía đông thông thả nhấm thử rượu nho,
Sương móc giọt ở bụi tường vì dẫn ngọn bút lông.
Xem trúc thiết tha thương xót cho búp măng,
Cày vườn riêng giầu cỏ hao (ngải).
Năm Canh Thân riêng giữ coi thường chất cứng mạnh,
Năm Giáp Tý lại thúc giục học theo sự khuấy động lớn.
Mưu sự thành tựu trong mười năm chỉ có việc trồng cây,
Trồng cây quỳ có lợi nhỏ nhưng chùy dao mỏng mảnh.

* * *

Di liễu tài hòe lão dũ cần,
Thụ căn lan trở đoạn long cân.
Quải quan nhất tự từ thần vũ,
Phụng hịch hà tâm tác quảng văn.
Giá xuất tùng chu phi quải tiếp,
Ngọa khan quế đồng ngưỡng lan phần.
Trần biên gia hữu tam thiên trục,
Bất tích khuy viên vi chủng vân.

* * *

Tĩnh thủy triều cung lục mẫn đàm,
Bình liên khả ái thái kiều hàm.
Ngộ âm đắc ý già kỳ quải,⁽¹⁾
Mộ sắc bi ca khẩu kiếm đàm.
Sơn quả lạn hoàng hài hạ sấn,⁽²⁾
Dã hoa tiên bạch mấn gian toàn.
Lâm môn tịch mộ vô nhân đáo,
Viễn hại tông giao bạn tước am.

⁽¹⁾ Chữ này, nguyên bộ phận phía dưới viết nguyên chữ 掛 QUẢI, không có trong từ điển. Theo *Khang Hy tự điển*, người ta thường viết 絀 (nghĩa: tơ rối. Chỉ sự rắc rối, trở ngại). *Sử ký*: 車絀於木而止 *Xa quải ư mộc nhi chí* (Xe vương mắc vào cây mà dừng lại).

⁽²⁾ Sấn: cũng đọc "thần", nghĩa: 1. Áo lót; 2. Dựa vào mà làm nổi rõ. Thơ Đường của Tư Không Đồ: 大堤時節近清明 / 霞襯煙籠繞郡城 *Đại đề thì tiết cận Thanh minh / Hà sấn yên lung nhiễu quận thành* (Trên đề thời tiết sắp Thanh minh / Ráng nổi khói lồng khắp quận thành).

Dồi liễu trông hòe, càng già càng siêng năng,
 Rễ cây lan ra gây trở ngại thì chặt đứt gân rồng.
 Một phen treo mũ giã từ Thần Vũ,
 Vâng hịch vua, lòng nào làm Quảng Văn.
 Vua ngự thuyền gỗ thông ra đi, chèo cối như bay,
 Ta nằm xem cột quế nâng đòn tay gỗ lan.
 Bày sách ra, nhà có ba nghìn cuốn;
 Không tiếc mảnh vườn trồng cỏ vân.

* * *

Buổi sáng sớm cung cấp nước sạch, màu lục đầy bình sành;
 Sen trong bình đáng yêu, trông rất đẹp.
 Buổi trưa đặc ý bóng mát che bàn cờ rắc rối,
 Buổi chiều cất tiếng hát buồn gõ mũi gươm.
 Quả cây núi chín vàng dưới giày đầy rẫy,
 Hoa đồng nội trắng tươi rắc đầy trên mái tóc.
 Cửa rừng vắng vẻ không người đến,
 Mọi sự xâm hại đều lánh xa, khiến ta làm bạn với chim sẻ, chim cú.

Tạm dịch thơ:

Rượu đào thông thả nhấm song đông,
 Sương móc tường vi dẫn bút lông.
 Xem trúc những thương măng cái nẩy,
 Cày vườn riêng giầu cỏ hao đồng.
 Canh Thân xem nhẹ phường hung hãn,
 Giáp Tý từng theo chí vẫy vùng.
 Mưu kế mười năm duy “thụ mộc”,
 Ghép quỳ lợi nhỏ mỏng dao dùng.

* * *

Dồi liễu trông hòe lão gắng công,
 Rễ cây ngăn trở chặt gân rồng.
 Treo xe giã võ theo riêng chí,
 Vâng hịch làm văn há nữ lòng.
 Giá xuất thuyền thông chèo cối gấp,
 Nằm xem cột quế gỗ lan chồng.

Sách nhà bày biện ba nghìn cuốn,
Vườn tược cỏ vùn chẳng tiếc trồng.

* * *

Sớm cung nước sạch vại chum đầy,
Đẹp dễ sen bình khả ái thay.
Buổi ngọc chơi cờ vui bóng mát,
Xế chiều gõ kiếm hát bài hay.
Trắng tươi hoa nội rơi trên tóc,
Vàng chín trái rừng dầm dưới giày.
Cửa núi vắng tênh không khách tới,
Lánh xa môi hại bạn chim bay.

BÀI SỐ 76

示兒

Thị nhi

擬作春秋占夢蛟
何妨無口李公匏
文章到老仍吾膾
禮樂如今作我鯖
正喜兒孫烏反哺
且欣弟姪鵲同巢
等閒自把離騷讀
空感蘭荃化艾茅

*Nghĩ tác Xuân thu⁽¹⁾ chiêm mộng giao,
Hà phương vô khẩu Lý công bào,⁽²⁾
Văn chương đáo lão nhưng ngô quai,
Lễ nhạc như kim tác ngã hào.
Chính hỷ nhi tôn ô phản bộ,
Thả hân đệ diệt thược đồng sào.
Đăng nhàn tự bả Ly tao⁽³⁾ độc,
Không cảm lan thuyên hóa ngải mao.*

(1) *Xuân thu*: nhan đề bộ sách do Khổng Tử biên soạn về lịch sử nước Lỗ, từ Lỗ Ẩn Công năm thứ nhất đến Lỗ Ai Công năm thứ 14 (tương đương Chu Bình Vương năm thứ 49 đến Chu Kính Vương năm thứ 39), trong khoảng 242 năm (722-481 TCN). Văn viết rất gọn nhưng súc tích, mục đích là chính danh tự, định danh phận, ngụ bao biếm.

(2) Lý công bào: cái bầu của ông Lý. Ông Lý tức Lý Bạch, nhà thơ thời Đường, có rượu ông làm thơ càng hay. Ông viết trong bài *Nguyệt hạ độc chúc* (Một mình uống rượu dưới trăng): 花間一壺酒/獨酌無相親/舉杯邀明月/對影成三人/月既不解飲/影徒隨我身/暫伴月將影/行樂須及春 *Hoa gian nhất hồ tửu / Độc chúc vô tương thân / Cử bôi yêu minh nguyệt / Đối ảnh thành tam nhân / Nguyệt ký bất giải ẩm / Ảnh đồ tùy ngã thân / Tạm bạn nguyệt tương ảnh / Hành lạc tu cập xuân* (Trong hoa một nậm rượu / Chỉ mình ta uống thôi / Nâng chén mời trăng sáng / Với bóng là ba người / Trăng không hay thú rượu / Bóng chỉ theo mình chơi / Tạm bạn trăng cùng bóng / Vui kịp sắc xuân tươi).

(3) *Ly tao*: tác phẩm của Khuất Nguyên, làm lúc bị lưu đày ra vùng Sông Tiêu, Sông Tương, dài 375 câu (về) theo điệu Sở từ (thể từ của nước Sở). Theo Đào Duy Anh, “Tư Mã Thiên dẫn Hoài Nam Vương Lưu An nói rằng “Ly tao” cũng như “Ly ưu”. Vương Dật giải thích “ly” là ly biệt, “tao” là sâu. Như vậy có thể nói “ly tao” là mối sầu ly biệt, mà ly biệt đây là do bị ruồng bỏ, tức bị đày xuống miền Nam (Khuất Nguyên, *Sở từ*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 305).

Dịch nghĩa:

Dặn con

Mô phỏng làm sách *Xuân thu*, bói được giấc mộng con giao;
 Có hại gì đâu không có cái miệng bầu của ông Lý.
 Văn chương đến vẫn là niềm vui thích của ta,
 Lễ nhạc như bây giờ làm thức ăn ngon của ta.
 Chính là nỗi mừng vì con cháu nuôi được cha ông,
 Hãy vui sướng vì các em và các cháu cùng ở một nhà.
 Thông thả tự cầm sách *Ly tao* đọc,
 Luống cảm xúc vì cây lan cây thuyên hóa thánh cỏ ngải cỏ tranh.

Tạm dịch thơ:

Mô phỏng *Xuân thu* bói mộng giao,
 Không bầu ông Lý hại đâu nào.
 Văn chương tuy lão ngon như chả,
 Lễ nhạc ngày nay tốt giống hào.
 Mừng thấy cháu con nuôi bố mẹ,
 Vui cùng em út ở chung sào.
 Thanh nhàn cầm cuốn *Ly tao* đọc,
 Luống cảm lan thuyên hóa ngải mao.

BÀI SỐ 77

辟言

Tích ngôn

露餐仙掌瘦難禁	<i>Lộ xan tiên chưởng⁽¹⁾ sấu nan câm,</i>
兀坐無言也似瘖	<i>Ngột tọa vô ngôn dã tự âm.</i>
山色遠模摩詰畫	<i>Sơn sắc viễn mô Ma Cật họa,⁽²⁾</i>
泉聲雅聽杜連琴	<i>Tuyền thanh nhã thính Đỗ Liên cầm.⁽³⁾</i>

(1) Tiên chưởng: tay tiên. Thời nhà Hán, vua Vũ Đế sai dựng cột đồng ở đài Bách Lương, trên đỉnh tạc tượng người tiên tay cầm đĩa ngọc hứng móc (sương), lấy móc trong với bột ngọc để luyện thuốc tiên, uống để được trường sinh bất lão.

(2) Ma Cật họa: tranh vẽ của Ma Cật. Ma Cật là hiệu của Vương Duy (701-751), người huyện Kỳ (nay thuộc phủ Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc), thời Đường. Ngoài thơ, ông còn thông âm luật, giỏi đàn tỳ bà, hội họa. Các tác phẩm của ông được người đời xưng tụng là *Thi trung hữu họa, họa trung hữu thi* (Trong thơ có tranh vẽ, trong tranh vẽ có thơ).

(3) Đỗ Liên cầm: ngón đàn của Đỗ Liên. Không rõ Đỗ Liên là người cùng thời với tác giả hay ai khác.

盲龜那得遭浮木	<i>Manh quy na đắc tao phù mộc,</i>
磁石何曾受曲針	<i>Từ thạch hà tăng thụ khúc châm.</i>
一自拈花微笑後	<i>Nhất tự niêm hoa vi tiếu⁽¹⁾ hậu,</i>
如來重擔却堪任	<i>Như Lai trọng đảm khước kham nhâm.</i>

Dịch nghĩa:

Lời giác ngộ

Ăn móc trên trụ tay tiên, gầy gò hết mức;
 Ngồi sừng chẳng nói năng gì như người câm.
 Màu núi xa trông như tranh vẽ của Ma Cật (Vương Duy),
 Tiếng suối nghe êm đềm như tiếng đàn của Đỗ Liên.
 Rùa mù sao có thể gặp được cây gỗ nổi,
 Đá nam châm sao từng hút được cây kim gãy.
 Một phen từ sau khi cầm đóa hoa mỉm cười,
 Đức Như Lai đảm đương nhiệm vụ nặng nề.

Tạm dịch thơ:

Ăn móc tay tiên rất mực gầy,
 Ngồi sừng sừng tựa kẻ câm đây.
 Núi xa trông tựa tranh Vương nhĩ,
 Suối chảy nghe như đàn Đỗ thay.
 Gỗ nổi rùa mù sao vớ được,
 Kim cong đá hút được nào hay.
 Từ khi cười mỉm cầm hoa đó,
 Trách nhiệm Như Lai chịu gánh đây.

BÀI SỐ 78-83

坐翠棧六首

Tọa Thúy Sạn lục thủ

露宿風餐老一龕	<i>Lộ túc phong xan lão nhất kham,</i>
茶瓜度日覺餘甘	<i>Trà qua độ nhật giác dư cam.</i>

⁽¹⁾ Niêm hoa vi tiếu: thành ngữ Phật giáo (giờ hoa lên mà mỉm cười), nói về gốc gác của đạo Thiền. Phật điển có chép: “Trong cuộc hội ở trên núi Linh Sơn, đức Thế Tôn giờ canh hoa ra hiệu cho đại chúng. Mọi người đều im lặng không hiểu ý gì, chỉ một mình ngài Ca-diếp rạng rỡ mỉm cười, Đức Thế Tôn nói: Ta có Chính pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, Thực tướng vô tướng, Vi diệu pháp môn, Bất lập văn tự, Giáo ngoại biệt truyền, Trao phó cho Ma-ha Ca-diếp” (TĐPHHV, tr. 930). Sau, Ca-diếp truyền thừa thành một phái riêng, gọi là Thiền na (Dhyàna), gọi tắt là Thiền.

卓來大鑒非無錫
歸去淵明剩有籃
桐槿得霜紅歷落
松杉過雨碧○○
靜中得意無人識
只在艱題險韻探

* * *

門壓花陰卧小尙
故鄉風俗尚醇龐
鴨頭水綠含吟舫
雁齒橋紅跨鉤砭
十字遠通官路市
三才高挂酒旗杠
身輕羞覺登樓便
恰似都盧巧上○

* * *

車馬聲遼隔半街
小樓日日閱船牌
國香自占蘭歸楚
真味誰知橘過淮
風月江山千古在
虫魚花草四靈懷
庵居正與人相棄
何事殷勤鳳詔差

* * *

呵筆呼童注硯蟾
滿床書史坐厭厭
雨餘江水清無底
秋近園蔬嫩不○
世遠幾曾聞識記

Trác lai Đại Giám phi vô tích,
Quy khứ Uyên Minh thặng hữu lam.
Đồng cần đắc sương hồng lịch lạc,
Tùng sam quá vũ bích lam tam.⁽¹⁾
Tĩnh trung đắc ý vô nhân thức,
Chỉ tại gian đề hiểm vận tham.

* * *

Môn áp hoa âm ngọa tiểu mang,
Cố hương phong tục thượng thuần bàng.
Áp đầu thủy lục hàm ngâm phảng,
Nhạn xỉ kiều hồng khóa câu cang.
Thập tự viễn thông quan lộ thị,
Tam tài cao quả tửu kỳ giang.
Thân khinh sai giác dăng lâu tiện,
Kháp tự đô lư xảo thương tràng.⁽²⁾

* * *

Xa mã thanh liêu cách bán nhai,
Tiểu lâu nhật nhật duyệt thuyền bài.
Quốc hương tự chiếm lan quy Sở,
Chân vị thủy tri quất quá Hoài.
Phong nguyệt giang sơn thiên cổ tại,
Trùng ngư hoa thảo tứ linh hoài.
Am cư chính dữ nhân tương khí,
Hà sự ân cần phượng chiếu sai.

* * *

Hà bút hô đồng chú nghiên thiềm,
Mãn sàng thư sử tọa yêm yêm.
Vũ dư giang thủy thanh vô để,
Thu cận viên sơ nộn bất liêm,⁽³⁾
Thế viễn cơ tăng văn sấm ký,

(1) Hai chữ này nguyên viết 藍+毛 và 參+毛.

(2) Chữ trong vòng tròn là chữ TRĂNG, gồm: 木+童.

(3) Chữ trong vòng tròn là chữ LIÊM, gồm: 簽+欠

辰平那復說韜鈴
禽聲帆影簷邊過
雲棧憑虛思轉忼

* * *

帆梢歷歷閱輪蹄
拂檻明霞吐蜃蛭
羽扇搖風臨露坐
草鞋和月躡雲梯
指揮淨室清塵塵
晤對禪窗辟暑犀
天上步虛人靜後
三星在戶証摩醯

* * *

蜀鵲莊蝶總詭詭
浮世空如水上泡
淡泊每虛供菽水
肥甘無復進烹炮
烟花壺鬱迷雙樹
雲木參差據二嶠
坐觀生生無數劫
許多魚虎化為蛟
(寢園有感)

Thần bình na phục thuyết thao kiêu.
Cầm thanh phàm ảnh thiêm biên quá,
Vân Sạn bằng hư tứ chuyển hân.

* * *

Phàm sao lịch lịch duyệt luân đề,
Phát hạm minh hà thổ thận nghệ.
Vũ phiến dao phong lâm lộ tọa,
Thảo hài hòa nguyệt niếp vân thê.
Chỉ huy tĩnh thất thanh trần chủ,
Ngộ đối thiền song tịch thử tê.
Thiên thượng bộ hư nhân tĩnh hậu,
Tam tinh tại hộ chứng ma ê.

* * *

Thục quyên⁽¹⁾ Trang điệp⁽²⁾ tổng nao nao,
Phù thế không như thủy thượng bào.
Đạm bạc mỗi hư cung thực thủy,
Phì cam vô phục tấn phan bào.
Yên hoa nhất uất mê Song Thụ,⁽³⁾
Vân mộc sâm si cử Nhị Hào.⁽⁴⁾
Tọa khán sinh sinh vô số kiếp,
Hứa đa ngư hổ hóa vì giao.
(Tâm viên hữu cảm)

Dịch nghĩa:

Ngồi ở nhà Thúy Sạn (sáu bài)

Ăn gió nằm sương, già đi trong một tháp;

Uống chè ăn dưa qua ngày, thấy vị ngọt thừa.

(1) Thục quyên: chim quyên đất Thục, ý nói tấm lòng tưởng nhớ đến nước đã mất. Xưa, vua nước Thục là Đỗ Vũ mất nước chết, hóa thành con chim kêu ra rả suốt đêm ngày. Người ta gọi con chim ấy là đỗ vũ hay đỗ quyên, ta gọi là chim cuốc (chim quốc).

(2) Trang điệp: bướm Trang, tức là câu chuyện chàng Trang mơ thấy mình là con bướm (Trang sinh mộng điệp) trong sách *Nam hoa kinh* của Trang Chu.

(3) Song Thụ: gọi tắt từ Sa La Song Thụ, tên khu rừng nơi Đức Phật nhập diệt. “Đức Phật ở bên bờ sông A-li-la-bạt-đế thành Câu-thi-na [Kusinagara], bốn phía có cây sa-la, mỗi phía đều có cặp cây sinh đôi, đức Phật ngồi vào giữa đó tịch diệt, vậy nên nơi Phật tịch diệt gọi là rừng Sa-la [Sālavana]” (TĐPHHV, tr. 1056).

(4) Nhị Hào: tên núi bên Trung Quốc, nhưng không rõ liên quan đến điển tích nào.

Ông Đại Giám đến đây tu, chẳng phải không có gậy sắt;
 Ông Uyên Minh bỏ về vẫn còn lại cái làn (giỏ, thúng).
 Cây ngô đồng, cây bông cần được sương, hồng lay rụng;
 Cây thông cây sam qua cơn mưa xanh biếc buồn rữ.
 Không ai biết được sống trong yên tĩnh cũng đắc ý,
 Chỉ tại khó đề thơ vì tìm vần hiểm hóc.

* * *

Cửa ken san sát bóng hoa, con chó xù nhỏ nằm;
 Quê cũ phong tục vẫn còn thuần phác tự nhiên.
 Cỏ áp đầu (đầu vịt) nước biếc ngậm chiếc thuyền thơ,
 Hoa dương xỉ (răng nhọn) cầu hồng vượt cái cổng đá.
 Cái thập tự giá xa thông với chợ trên đường quan,
 Cờ tam tài [Pháp] treo cao trên cán cờ rượu.
 Cái thân nhẹ nhõm tưởng như lên lầu thuận tiện,
 Giống với Đô Lô (?) khéo treo lên cột [cờ, nhà].

* * *

Tiếng xe ngựa lao xao cách nửa con đường phố,
 Ngày ngày trên căn gác nhỏ xem thuyền qua lại.
 Tự chiếm lấy mùi hương nhất nước, lan về Sở,
 Ai biết được mùi vị thật sự (quả) quýt, sang xứ Hoài.
 Gió trắng sông nước xưa nay vẫn ở đấy,
 Sâu cá cỏ hoa bốn mùa còn nhớ.
 Ở trong am chính là rời bỏ con người,
 Việc gì phải ân cần vâng chiếu vua sai.

* * *

Tắm ngọn bút, gọi trẻ cho nước vào cóc nghiên;
 Đầy giường sử sách, ngồi chăm chăm mãi.
 Sau cơn mưa, nước sông trong sâu không đáy;
 Gắn mùa thu, rau trong vườn non tươi vô cùng.
 Xa cuộc đời, mấy lần từng nghe lời sấm truyền;
 Thời thái bình, sao lại bàn đến chuyện lược thao.
 Tiếng chim kêu, bóng cánh bướm qua bên thềm;
 Ở Vân Sạn [Thúy Sạn], tựa vào hư không, lòng chuyển qua vui.

* * *

Ngọn buồm rong ruổi qua như bánh xe quay hoài,
 Hoi ráng sáng chiếu vào hiên nhà ra lâu hén, cầu vòng.
 Quạt lông phe phẩy gió, ra ngôi trên đường;
 Giày cỏ hòa lẫn trong ánh trắng bước lên thang mây.
 Sửa soạn nhà tu, lấy đuôi chủ [hươu] phủ bụi;
 Gặp gỡ bên cửa thiền, dùng sừng tê khử nóng.
 Trên trời đi giữa hư không, sau khi người yên tĩnh;
 Ba ngôi sao ở ngay cửa chứng ma ê (?).

* * *

Quyên đất Thục, bướm thầy Trang đều vu vơ cả;
 Cuộc đời trôi nổi như cái bọt trên mặt nước.
 Nhặt nhèo mỗi bữa ăn chỉ cần đậu và nước lã,
 Ngọt bùi chẳng lại phải nấu nướng làm chi.
 Khói hoa rậm rạp che khuất Song Thụ (hai cây),
 Mây và cây rườm rà phủ Nhị Hào (hai ngọn núi).
 Ngôi quán niệm mà sinh rồi lại sinh bao nhiêu kiếp,
 Ít nhiều cá và cọp hóa thành con giao.

Tạm dịch thơ:

Trà dưa ngon ngọt tháng ngày qua,
 Ăn gió nằm sương một tháp già.
 Đại Giám về nương mang gậy thép,
 Uyên Minh lui ẩn để làn hoa.
 Cẩn đồng sương thấm hồng rơi rụng,
 Tùng bá mưa chan biếc rũ tà.
 Ai biết niềm vui trong lặng lẽ,
 Chỉ vì vẫn hiềm khó thi ca.

* * *

Trong cổng hoa chen, con chó nhỏ;
 Phong thuần tục mỹ vẫn quê ta,
 Áp đầu nước biếc thuyền thơ nổi,
 Nhạn xỉ cầu hồng cổng đá qua.
 Thập tự đường quan bày rải rác,
 Tam tài cờ rượu cấm la đà.

Gác cao mình nhẹ lên càng tiện,
 Chẳng khác Đô Lô bám cột nhà.

* * *

Xe ngựa lao xao cách lối quai,
 Ngày qua lâu nhỏ ngắm thuyền bài.
 Tự ôm hương nước lan về Sở,
 Ai biết mùi chân quýt tới Hoài.
 Trăng gió non sông nghìn thừa mãi,
 Cá sâu hoa cỏ bốn mùa dài.
 Am riêng ở mãi là người thế,
 Chi phải ân cần vâng chiếu sai.

* * *

Sai trẻ đổ nghiên dầm ngọn bút,
 Đầy giường sách sử cứ ngồi thình.
 Tạnh mưa sông nước đầy trong suốt,
 Thu mới rau vườn nỡn thắm xinh.
 Đồi trước từng nghe truyền sấm ký,
 Thời bình đừng nói chuyện đao binh.
 Chim kêu buồm lộng ngoài hiên thoáng,
 Vân Sạn ngồi không cũng thỏa tình.

* * *

Ngọn buồm lữ lượt tựa vành xe,
 Ráng sáng lồng hiên nhả thận nghề.
 Gió phẩy quạt lông ngồi giữa móc,
 Trăng lồng giày cỏ bước trên mây.
 Sửa sang tịnh thất dùng đuôi chủ,
 Kề cận thiền song lấy gác tê.
 Cát bước cõi không người đã tĩnh,
 Ba sao trước cửa chứng ma ê.

* * *

Bướm Trang quyên Thục chỉ lao xao,
 Phù thế hư không bọt nước trào.

Nhặt nhèo chỉ cần rau với nước,
 Ngọt bùi chẳng thiết nấu cùng xào.
 Khói hoa man mác che Song Thụ,
 Cây ráng mệnh mang phủ Nhị Hào.
 Quán niệm sinh sinh vô số kiếp,
 Ít nhiều cá hồ hóa ra giao.

BÀI SỐ 84-85

聞南圻有警二首

Văn Nam Kỳ hữu cảnh nhị thủ.

朝聞海上起朦朧	<i>Triều văn hải thượng khởi mông đồng,</i>
氣吐雄雌萬丈虹	<i>Khí thổ hùng thư vạn trượng hồng.</i>
岩築有誰求肖象	<i>Nham trúc⁽¹⁾ hữu thùy cầu tiếu tượng,</i>
渭茅何處獵非熊	<i>Vị mao⁽²⁾ hà xứ lạp phi hùng.</i>
孤忠木石勞精衛	<i>Cô trung mộc thạch lao Tinh Vệ,⁽³⁾</i>
無主田疇聒活東	<i>Vô chủ điền trừ quất Hoạt Đông.⁽⁴⁾</i>
忽憶唐虞全盛日	<i>Hốt ức Đường Ngu toàn thịnh nhật,</i>
壤翁載路和轅童	<i>Nhưỡng ông tải lộ họa viên đồng.</i>

* * *

* * *

- (1) Nham Trúc, tiếu tượng: Vua Cao Tông cầu nhân tài giúp việc trị nước, nằm mộng thấy một người, khi tỉnh dậy sai vẽ hình tượng, cử sứ giả đi tìm, gặp ông Duyệt làm nghề đắp đất ở cánh đồng Phó Nham, dung mạo hoàn toàn khớp, bèn đón về lập làm tướng, coi hết trăm quan, nhân đó gọi là Phó Duyệt. Ông giúp vua sửa đức, mọi việc trôi chảy, triều đại hưng thịnh. Xem *Thư kinh*, *Thượng thư*, *Duyệt mệnh hạ*.
- (2) Vị Mao, phi hùng: Cỏ Sông Vị (sông này phát nguyên từ núi Điều Thử ở Lũng Tây, nay ở tây bắc huyện Vị Nguyên, tỉnh Cam Túc, Trung Quốc). Thời cổ, phong chức cho ai, vua lấy hòn đất buộc cọng cỏ làm tin chứ chưa có ấn. Đây chỉ việc Văn Vương nhà Chu mời được Khương Thượng làm tướng. Theo truyền thuyết, bấy giờ Cơ Xương là chủ bộ tộc Chu, thần thuộc nhà Thương, từng bị vua Trụ bắt giam, đang muốn tìm nhân tài để gây dựng sự nghiệp. Một hôm ông sắp đi săn, bói được một quẻ, thầy đoán rằng chuyến này không phải săn được gấu (hùng) hay cọp (hổ), mà tìm được một người giúp ông làm đại sự. Ông ruổi xe đến bờ Sông Vị, gặp cụ già 70 tuổi đang ngồi câu cá trên tảng đá. Ông xuống xe đến hỏi chuyện, càng nghe càng kính phục, nói: "Khi ông nội ta còn sống, từng bảo ta sau này sẽ có một người rất giỏi giúp tộc Chu hưng vượng lên. Ông nội ta trông mong ông đã lâu rồi", đoạn mời lên xe cùng ngồi về, phong ngay làm tướng. Do câu nói: "吾太公望子久矣 *Ngô thái công vọng tử cửu hĩ!*", nên gọi cụ già là Thái Công Vọng, người ta quen gọi là Lã Vọng. Đó là Khương Thượng, còn gọi Lã Thượng (vì tổ tiên được phong ở đất Lã), hiệu Tử Nha. Cơ Xương mất, con là Cơ Phát nối nghiệp, tiếp tục tin dùng Khương Thượng, tôn làm Sư thượng phụ, tiêu diệt được vua Trụ, lập nên nhà Chu, suy tôn cha là Văn Vương.
- (3) Tinh Vệ: một loài chim nhỏ ở ven biển, gần giống loài quạ, chân đỏ mỏ trắng, thường ngậm gỗ đá ở núi Tây ra bỏ ở biển Đông, nên người Trung Quốc có truyện cổ kể sự tích: nàng công chúa Tinh Vệ, con vua Viêm Đế, đi chơi ngoài biển, bị nạn chết đuối, hồn hóa làm chim, ngậm gỗ đá non Tây ra lấp biển Đông cho hả giận.
- (4) Hoạt Đông: chưa rõ điển tích.

向風慕義盡喁喁
佇見金泥在範鎔
自信香芸能辟蠹
誰知朽葦化為○
清溪無復追三笑
深谷誠難覓一蹇
何日虎頭飛萬里
班超深媿作書傭

Hướng phong mộ nghĩa tận ngưng ngưng,
Trữ kiến kim nê tại phạm dung.
Tự tín hương vân năng tích đố,
Thùy tri hủ vĩ hóa vi cung.⁽¹⁾
Thanh Khê vô phục truy tam tiếu,
Thâm cốc thành nan mịch nhất cung.
Hà nhật Hổ Đầu⁽²⁾ phi vạn lý,
Ban Siêu⁽³⁾ thâm quý tác thư dung.

Dịch nghĩa:

Nghe Nam Kỳ có báo động (hai bài)

Buổi sáng sớm, nghe trên biển nổi tàu chiến;
Nhả khí ra ùn ùn như cầu vòng muôn trượng.
Nham Trúc có ai cầu tìm thấy người trong tranh vẽ,
Vị Mao chốn nào sẵn chẳng phải gấu.
Cây đá giữ lòng trung, chim Tinh Vệ nhọc nhằn;
Ruộng đồng không có chủ, loài Hoạt Đông lao xao.
Chợt nhớ buổi toàn thịnh Đường Ngu,
Ông già dập đất trên đường hát cùng em bé xe quân.

* * *

Hướng về ngọn gió mên nghĩa khắp nơi theo về,
Đứng nhìn thấy bùn vàng ở trong khuôn đúc.
Tự tin rằng cỏ vân thơm có thể trừ mối mọt,
Ai biết cây lau mục nát hóa thành dun đế [đom đóm].
Ở khe trong không dỗi tìm lại được ba phen cười,

(1) Chữ trong vòng tròn là chữ CUNG, gồm: trên chữ CỘNG 共 + dưới bộ TRÙNG 虫, Khang Hy tự điển cho phiên thiết đọc CŨNG. Đây phải đọc bình thanh. Một loài dế.

(2) Hổ Đầu: Tức Lý Quảng, người thời Hán, tông quân đi đánh Hung Nô. Ông giỏi cỡi ngựa, bắn cung, ngày phi nghìn dặm; Hung Nô rất sợ, gọi ông là Phi Tướng, không dám xâm phạm. Ông cũng rất thanh liêm, yêu thương sĩ tốt, thường lấy lương bổng chia đều cho thuộc hạ.

(3) Ban Siêu (34-102): người An Lăng, Phù Phong (nay đông bắc huyện Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây), con của sử gia Ban Bưu, em của sử gia Ban Cố (32-92). Thừa trê nhà nghèo, ông làm nghề thư lại, viết thuê. Một hôm, ông ném bút nói: "Kê đại trượng phu nên lập công ngoài cõi khác, chứ sao lại cứ bo bo với bút nghiên như thế này". Ông quyết chí lập công danh ngoài mặt trận, ném bút theo quân (đầu bút tung nhưng, đầu bút lại). Năm 73, thời Hán Minh Đế, ông làm Đại lý tư mã dưới trướng Đại tướng quân Đâu Cô đi đánh Hung Nô, lập được chiến công, suốt đời hoạt động ở vùng Tây Vực, 31 năm mới trở về, đầu tóc đã bạc.

Ở hang sâu khó tìm thấy một tiếng chân dẫm trên đất.
 Biết ngày nào Hồ Đầu tướng quân bay vạn dặm,
 Ban Siêu rất hồ thẹn làm một tên thư lại.

Tạm dịch thơ:

Trên biển nghe đồn tàu giặc đông,
 Khói mù vạn trượng tựa cầu vòng.
 Vị Mao sẵn gấu trong mơ thế,
 Nham Trúc tìm người tranh vẽ không?
 Cây đá cô trung Tinh Vệ nhọc,
 Ruộng đồng vô chủ Pháp Lan rộng.
 Đường Ngu chợt nhớ ngày toàn thịnh,
 Già trẻ trên đường vui hát nông.

* * *

Hưởng phong mộ nghĩa thầy theo chiều,
 Đứng ngó dân nông lẫn lính triều.
 Tin cỏ vên thơm trừ mối mọt,
 Biết cây lau mục hóa sâu keo.
 Khe trong khó kiếm cười ba tiếng,
 Hang thăm không nghe bước một chiều.
 Nào thừa Hồ Đầu bay vạn dặm,
 Thẹn là thư lại ấy Ban Siêu.

BÀI SỐ 86

漫興

Mạn hứng

(六月十八日 *Lục nguyệt thập bát nhật*)

舞蝶翩翩不受局
 一籬疏雨碍蜻蜓
 董仙此地多栽杏
 尹伯何人重采○
 窗外土圭初測卯
 樓頭斗柄已回丁
 忽聞競渡喧譁裡
 却憶盧君覽勝亭

*Vũ điệp phiên phiên bắt thụ quynh,
Nhất ly sơ vũ ngại thanh đình.
Đồng Tiên⁽¹⁾ thử địa đa tài hạnh,
Doãn Bá⁽²⁾ hà nhân trọng thể đình.⁽³⁾
Song ngoại Thổ Khuê sơ trắc Mão,
Lâu đầu Đẩu Bính dĩ hồi Đình.
Hốt văn cạnh độ huyền hoa lý,
Khước ức Lư quân Lãm Thắng đình.*

Dịch nghĩa:

Hứng lan man

(Ngày 18 tháng Sáu)

Bướm bay lượn chập chờn không chịu vào cửa,
Một hàng rào mưa lâm thâm ngăn trở chuồn chuồn.
Ở đất này, ông Đồng Tiên trồng nhiều cây hạnh;
Người nào vì ông Doãn Bá mà hái hoa đình.
Ngoài cửa sổ, sao Thổ Khuê vừa ở khoảng vị Mão,
Đầu nóc lầu, chuôi sao Bắc Đẩu đã quay về vị Đình.
Chợt nghe trong tiếng ồn ào tranh nhau qua sông,
Bỗng nhớ đến ngôi đình Lãm Thắng của ông Lư.

Tạm dịch thơ:

Bướm lượn chập chờn không lọt cửa,
Chuồn chuồn mưa nhỏ ngại rào quanh.
Đồng Tiên chốn ấy trồng rau hạnh,
Doãn Bá người đâu hái nụ đình.
Ngoài cửa sao Khuê chừng hướng Mão,
Trên lầu đầu Đẩu đã ngang Đình.
Chợt nghe xao xác tranh qua bến,
Bỗng nhớ chàng Lư Lãm Thắng đình.

(1) Đồng Tiên: Tức ông tiên Đồng Phụng. Theo *Thần tiên truyện*, tiên Đồng Phụng có một rừng hạnh trên núi Lư Sơn, quê nhà của ông. Quả hạnh hương vị đậm đà hơn quả mơ (mai) nhưng không chua bằng mơ.
(2) Doãn Bá: tức Doãn Bá Kỳ. Theo *Hiếu tử truyện*, Doãn Bá Kỳ hái hoa đình để làm thức ăn. Hoa đình tức hoa đường lê nở vào mùa xuân, người ta hái phơi nắng cho khô, luộc làm rau ăn.
(3) Chữ trong vòng tròn là chữ ĐÌNH, gồm: 木 + 亭.

BÀI SỐ 87-88

喜定慧竹川見過二首

Hỷ Định Huệ Trúc Xuyên kiến quá nhị thủ

已無剝啄到孤岑
何幸安車枉見臨
粟布縫春怜我老
玉冰清潤羨君深
三叉手敏江山助
一爛柯閑歲月侵
萬事不如求半偈
莫嫌千里覓東林

*Dĩ vô bóc trác đảo cô sâm,
Hà hạnh an xa uổng kiến lâm.
Túc bố phùng thung linh ngã lão,
Ngọc băng thanh nhuận tiện quân thâm.
Tam soa thủ mẫn giang sơn trợ,
Nhất lạn kha nhàn tuế nguyệt xâm.
Vạn sự bất như cầu bán kệ,
Mạc hiềm thiên lý mịch đông lâm.*

* * *

絕無一事到吾廬
閉閣焚香注起居
林下清風饒苧葛
山中真味足瓜蔬
華山偶爾看棋局
剡曲何期枉筍輿
一自金剛開示後
津津妙意咀含餘

*Tuyệt vô nhất sự đáo ngô lư,
Bế các phân hương chú khởi cư.
Lâm hạ thanh phong nhiêu trử cát,
Sơn trung chân vị túc qua sơ.
Hoa Sơn ngẫu nhĩ khan kỳ cục,
Diễm Khúc hà kỳ uổng duẩn dư.
Nhất tự Kim cương khai thị hậu,
Tân tân diệu ý trứ hàm dư.*

Dịch nghĩa:

Mừng Định Huệ và Trúc Xuyên ghé thăm (hai bài)

Đã không mời mọc ép buộc gì mà đến núi cô quạnh,
May mắn xiết bao khi an dư uổng công ghé thăm.
Thương ta là ông già cơm hẩm áo vải vá chằm,
Chỉ có nước ngọc trong để đãi hai ông.
Tay khéo dùng cái chĩa ba [bắt cá], có sông núi giúp đỡ;
Một cán rìu nát, thông thả năm tháng in rỗ.
Muôn việc chẳng bằng câu nửa bài kệ,
Chớ hiềm muôn dặm tìm đến rừng đông.

* * *

Chẳng vì một chuyện gì khác mà đến lều cỏ,
 Đóng cửa gác, đốt hương đọc chú, bắt đầu ở.
 Dưới rừng gió mát, nhiều cây trữ cây cát;
 Trong núi mùi vị chân thực đủ rau dưa.
 Ở Hoa Sơn, thỉnh thoảng xem một ván cờ;
 Bên Diễm Khúc, sao hẹn để uống xe trúc (tre).
 Một phen từ sau khi kinh Kim cương mở mang sự hiểu biết,
 Ý nghĩa sâu sắc kỳ diệu ngẫm nghĩ mãi mãi.

Tạm dịch thơ:

Chẳng ai níu kéo đến non không,
 May được an dư uống ghé trông.
 Thương lão cơm thô cùng áo vải,
 Đãi ông nước trắng với băng trong.
 Một cây rìu nát qua năm tháng,
 Ba chia tay cầm có núi sông.
 Vạn sự chẳng bằng phần nửa kệ,
 Chớ hiềm nghìn dặm đến rừng đông.

* * *

Chẳng nề gì cả đến lều ta,
 Đóng gác niêm hương mới ở mà.
 Gió mát rừng sâu nhiều trữ cát,
 Thú vui núi thẳm đủ rau dưa.
 Hoa Sơn thăm thú bàn cờ đến,
 Diễm Khúc hẹn hò xe trúc qua.
 Từ thừa Kim kinh khai giác ngộ,
 Nghĩa cao ý lạ ngẫm sâu xa.

BÀI SỐ 89

示淨齋

Thị Tĩnh Trai

林中葵笋助清齋
 長夏修真事事佳
 黃卷孤燈間活計
 曉鐘殘月老生涯
 細推物理雉爲蜃
 大悟禪機蛇捕蛙
 撫尺一聲言下領
 寒山十得弟兄皆

*Lâm trung quỳ duẩn trợ thanh trai,
 Trường hạ tu chân sự sự giai.
 Hoàng quyển⁽¹⁾ cô đẳng gian hoạt kế,
 Hiểu chung tàn nguyệt lão sinh nhai.
 Tế suy vật lý trử vi thân,
 Đại ngộ thiên cơ xà bổ oa.
 Phủ xích nhất thanh ngôn hạ lĩnh,
 Hàn Sơn Thập Đắc⁽²⁾ đệ huynh giai.*

Dịch nghĩa:

Nhấn bảo Tĩnh Trai

Ở trong rừng, cây quỳ và măng tre giúp cho việc ăn chay;
 Mùa hè dài, tu hành đạo chân chính, mọi việc đều tốt đẹp.
 Sách vàng [về đạo Tiên], một ngọn đèn qua thời gian;
 Chuông sớm trăng tàn là cuộc sống của ông già.

⁽¹⁾ Hoàng quyển: cuốn sách vàng, tức *Hoàng đình kinh*, sách của Đạo giáo, bàn về triết học tu tiên và sự tích của Đạo giáo.

⁽²⁾ Hàn Sơn, Thập Đắc: Hai nhà sư đều là đệ tử của sư Phong Can, trú trì chùa Quốc Thanh. Sách Tổng cao tăng truyện (quyển 9, Phong Can truyện) cho biết: Hàn Sơn là một cuồng sĩ, ở ẩn trong hang lạnh núi Thiên Thai, cách huyện Thủy Phong 70 dặm về phía tây, còn Thập Đắc là người trông nom ở nhà ăn trong chùa Quốc Thanh. Thập Đắc thường thu nhặt cơm thừa canh cặn bỏ vào một ống tre to, khi Hàn Sơn tới thì đưa cho mang đi. Quan thú Đài Châu là Lư Khâu Dẫn rất kính trọng Hàn Sơn, tới cả chỗ hang lạnh thăm hỏi, ban cho cả quần áo thuốc men. Hàn Sơn có làm thơ đề ở vách núi, tập hợp lại thành quyển, gọi là *Hàn Sơn thi tập* (TĐPHHV, tr. 473).

Suy nghĩ cho kỹ cái lẽ của vật thì chim trĩ hóa làm sò hến,
 Chúng ngộ lớn cơ thiền như rắn bắt ếch nhái.
 Vô thước một tiếng, nói xong hiểu ngay;
 Hàn Sơn và Thập Đắc đều là anh em.

Tạm dịch thơ:

Ở núi quỳ mặng giúp việc chay,
 Hè dài tu đạo việc đều hay.
 Sách vàng đèn quạnh ngày qua đó,
 Chuông sớm trăng khuya lão sống đây.
 Trĩ hóa làm sò cơ vật rõ,
 Rắn theo vô nhái lẽ thiền bày.
 Vô gương một tiếng lời xong hiểu,
 Thập Đắc Hàn Sơn học một thầy.

BÀI SỐ 90

示胡紀綠

Thị Hồ Kỷ Lục

丈室無人鎖翠嵐
 紅塵應不到伽藍
 住僧只管山中事
 游客何來海上談
 東振按圖尋達磨
 西乾指日禮瞿曇
 憑君莫說英俄普
 自古難分漢鼎三

*Trượng thất vô nhân tỏa thúy lam,
 Hồng trần ưng bất đáo già lam.⁽¹⁾
 Trú tăng⁽²⁾ chỉ quản sơn trung sự,
 Du khách hà lai hải thượng đàm.*

⁽¹⁾ Già lam: chỉ ngôi chùa. Xem thêm *Từ điển Phật học Hán Việt*, tr. 1468.

⁽²⁾ Trú tăng: Nhà sư ở giữ chùa. Một vị tăng được công nhận thực hành giới luật đầy đủ gọi là bát sô (bhikṣu) hay tỳ kheo, tỳ khiêu; nếu là nữ thì gọi là bát sô ni (bhikṣuṇī) hay tỳ kheo ni (chữ Hán “kheo” vốn là “khâu”, bị đọc chệch thành “kheo” hay “khiêu” để phiên âm từ bhikṣu).

*Đông Chấn⁽¹⁾ án đồ tầm Đạt Mã,⁽²⁾
Tây Càn⁽³⁾ chỉ nhật lễ Cù Đàm.⁽⁴⁾
Bằng quân mạc thuyết Anh, Nga, Phổ,
Tự cổ nan phân Hán đỉnh tam.*

Dịch nghĩa:

Nhấn bảo Hồ Kỷ Lục

Nhà phương tượng vắng người, hơi núi xanh biếc bao phủ;
Bụi hồng không đến chốn chùa chiền.
Vị sư ở đây chỉ chăm lo việc trong núi,
Khách đi chơi sao lại đến nói chuyện trên biển.
Đông Chấn [Trung Hoa] xem xét bản đồ tìm Bồ Đề Đạt Ma,
Tây Càn [Ấn Độ] chỉ ra ngày lễ Đức Cù Đàm [Phật Thích Ca],
Xin ông đừng nói đến các nước Anh, Nga, Phổ (Đức),
Từ xưa khó mà chia ba đỉnh nhà Hán [Tam quốc].

Tạm dịch thơ:

Vắng người phương tượng khói lam xông,
Bụi đỏ không vương đến cửa không.
Tăng chủ chỉ quen chùa góc núi,
Khách du sao nói chuyện khơi đông.
Truyền sang Trung Quốc nhờ Đạt Mã,
Muốn tới Tây Thiên lễ Thích Công.

⁽¹⁾ Đông Chấn: theo bát quái, phương đông thuộc quẻ Chấn. Đây chỉ Trung Quốc, đạo Phật từ Ấn Độ phía tây du nhập Trung Quốc ở phía đông, nên gọi là Đông Chấn.

⁽²⁾ Đạt Mã: tức Đạt Ma, đọc "Mã" cho hợp thanh luật. Bodhidharma, dòng dõi Sát-đế-lỵ [Ksatriya, họ vua] ở Nam Thiên Trúc [miền nam Ấn Độ]. Phụ vương là Hương Chí. Sư là con trai thứ ba, vốn tên là Bồ-đề Đa-la, sau theo học tổ sư đời thứ 27 là Bát-nhã Đa-la, nên đổi Đa-la thành Đạt-ma. Năm Phổ Thông 1 đời Lương [520], sư đến Quảng Châu bằng đường biển. Lương Vũ Đế đón về Kiến Nghiệp. Nói chuyện với Vũ Đế không hợp, Đạt-ma liền vượt Trường Giang sang Ngụy. Vào năm Chính Nguyên 1 [254 (Có lẽ nhầm, chắc là năm Hiếu Xương 1 (525) thời Hiếu Minh Đế nhà Ngụy)], vua Hiếu Minh Đế đời Hậu Ngụy, sư dừng lại ở chùa Thiếu Lâm núi Tung Sơn, suốt ngày ngồi quay mặt vào vách đá. Người đương thời gọi sư là Bích Quán. Sau sư tìm được Tuệ Khả [Huệ Khả], liền truyền cho y bát. Sư viên tịch năm Đại Thông 2 đời Lương (528) và chôn ở núi Hùng Nhĩ. Lương Vũ Đế viết văn bia ca ngợi công đức. Đời Đường Đại Tông [763-790], sư được ban thụy là Viên Giác đại sư" (PHHVTD, tr. 384-385).

⁽³⁾ Tây Càn: theo bát quái, phương tây thuộc quẻ Càn. Đây chỉ Ấn Độ, xưa gọi là Tây Trúc.

⁽⁴⁾ Cù Đàm: tiếng Phạn là Gautama, xưa dịch là Cồ-đàm, Câu-đàm, Cự-đàm, Cam-giá, Nhật-chùng, Thích-ca (gọi tắt là Thích), nay dịch là Kiều-đáp-ma, họ của Đức Phật (Thích Ca Mâu Ni).

Anh Đức Nga kia đừng nói nữa,
Chia ba đỉnh Hán khó vô song.

BÀI SỐ 91

初秋

Sơ thu

遠挹殘霞倚玉霜
吹來一葉帶丹良
明星有爛然藜炤
白雪無瑕展麥光
山郭駭聞傳策輦
暮天愁望入蓀萋
已虛出獵非熊兆
渭上何人肯釣璜

*Viễn áp tàn hà y ngọc sương,
Xuy lai nhất diệp đới đan lương.
Minh tinh hữu lạn nhiên lê chiếu,⁽¹⁾
Bạch tuyết vô hà triển mạch quang.
Sơn quách hãi văn truyền lật tất,
Mộ thiên sầu vọng nhập tôn trường.
Dĩ hư xuất lập phi hùng triệu,
Vị thượng hà nhân khảng điếu Hoàng.⁽²⁾*

Dịch nghĩa:

Đầu mùa thu

Xa xa ánh rắng tàn tựa vào làn sương ngọc,
Gió thổi về một chiếc lá nhuộm màu son đỏ.
Những ngôi sao sáng có lửa cháy lên soi rõ,

⁽¹⁾ Nhiên lê chiếu: đốt lửa để xem cho rõ. Bài *Té Tuyết Giang Phu Tử* văn (Văn tế Nguyễn Bình Khiêm) có câu: 義究詩書六籍撐船窮朱子之津涯理明太乙一經燃黎照楊雄之臟腑 *Nghĩa cứu Thi Thư lục tịch, xanh thuyền cùng Chu Tử chi tân nhai; Lý minh Thái Ất nhất kinh, nhiên lê chiếu Dương Hùng chi tạng phủ.* (Sáu bộ Thi Thư suốt nghĩa, bơi thuyền đến bến thầy Chu; Một kinh Thái Ất thuộc lòng, đốt lửa soi gan Dương Tử. Đình Gia Thuyết dịch).

⁽²⁾ Điếu Hoàng: bến Hoàng, nơi Khương Thượng ngồi câu cá, rồi được Văn Vương đón về phong làm tướng. Xem thêm chú thích bài số 84-85, *Văn Nam Kỳ hữu cảnh.*

Làn tuyết trắng không vết bản (vết nứt)...
Sườn núi sợ hãi nghe tiếng tất lật,
Trời về chiều, buồn trông ngóng cây tôn cây trường.
Đã không đi ra ngoài sân chẳng có điềm được gấu,
Trên sông Vị, ai vẫn ngồi câu ở bến Hoàng.

Tạm dịch thơ:

Ráng muộn xa nương màn móc ngọc,
Gió lồng thổi tới lá hoe vàng.
Sao ngời lấp lánh nhiên lê chiều,
Tuyết trắng trong veo triển mạch quang.
Vách núi kinh nghe kèn lật tất,
Trời chiều buồn ngắm cỏ tôn tràng.
Đi sân điềm gấu không mơ thấy,
Sông Vị ngồi câu ai đó chẳng.